| | |
|---|---|
| **CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| *Số: 18 /2020/CBTT-TTCT* | *Tp.HCM, ngày 18 tháng 04 năm 2020* |

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TPHCM**

**Kính gửi:** **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
**- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM**

Công ty: CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

Mã chứng khoán: VNG

Địa chỉ trụ sở chính: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM, Việt Nam.

Điện thoại: 1900 55 88 55

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Thế Vinh

Địa chỉ: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp.HCM

Điện thoại: Di động: 0967909966; Cơ quan: 1900 55 88 55

Loại thông tin công bố ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☑ định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

- Báo cáo Thường niên năm 2019 của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công *(Đính kèm theo)*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Trân trọng!

**Người công bố thông tin**

M.S.D.N: 3500753423 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG
Q. TÂN BÌNH - T.P HỒ CHÍ MINH

*Nguyễn Thế Vinh*

Scanned with CamScanner

TTC HOSPITALITY

# KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU BẰNG CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

# MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG NGÀNH DU LỊCH

TTC HOSPITALITY

**LƯU TRÚ**

## HƠN 1.200 PHÒNG

14 KHÁCH SẠN – KHU NGHỈ DƯỠNG

**KHU VUI CHƠI**

## HƠN 2 TRIỆU LƯỢT KHÁCH/ NĂM

2 KHU VUI CHƠI

**TRUNG TÂM HỘI NGHỊ**

## SỨC CHỨA HƠN 6.000 KHÁCH

2 TRUNG TÂM HỘI NGHỊ, 4 NHÀ HÀNG

**LỮ HÀNH**

## PHỤC VỤ TRÊN 50.000 LƯỢT/NĂM

1 TRUNG TÂM LỮ HÀNH, 4 CHI NHÁNH

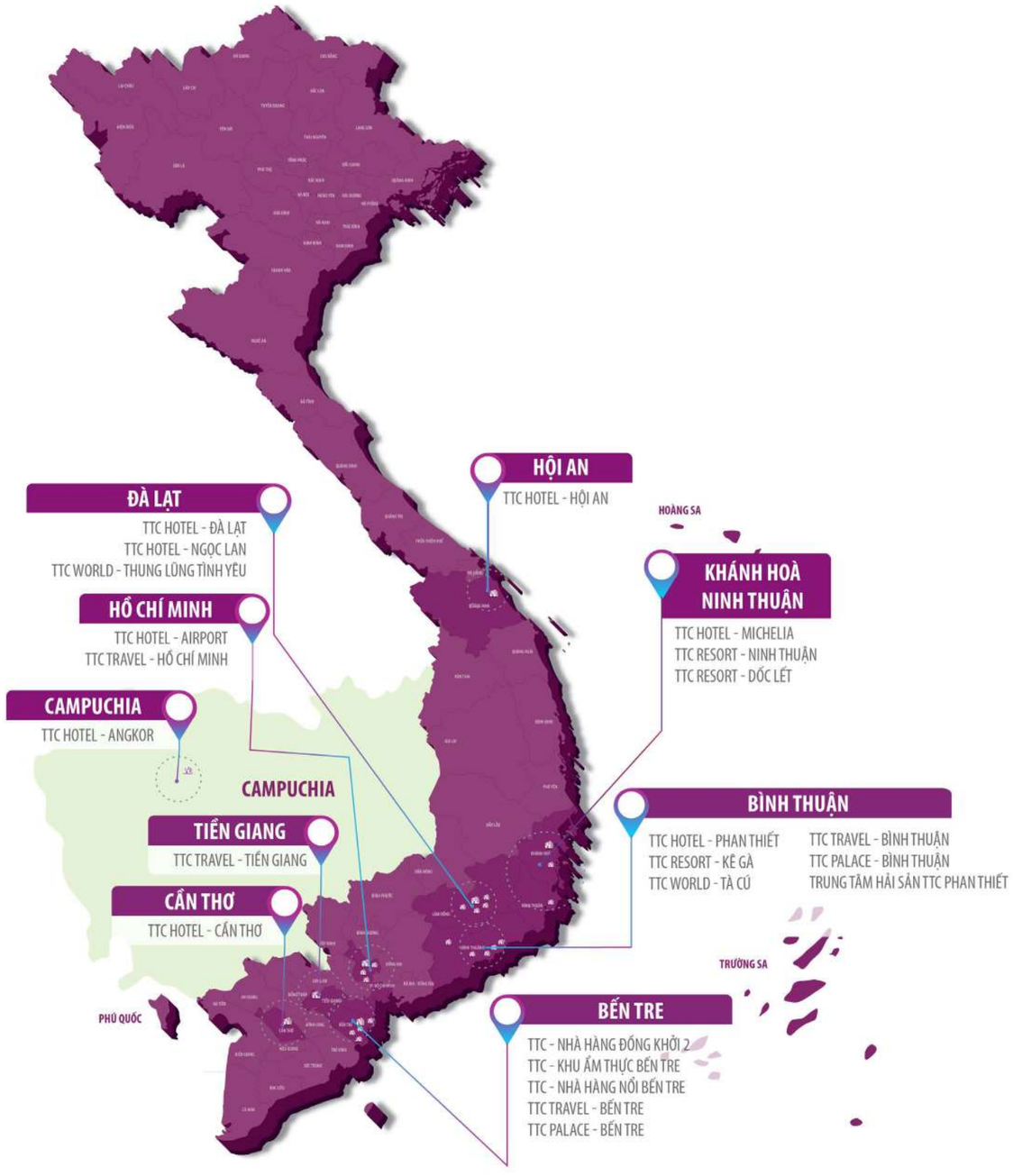

PHẦN I — THÔNG TIN CHUNG

GIỚI THIỆU CÔNG TY 08

TTC HOSPITALITY NĂM 2019 22

PHẦN II — BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC 34

BÁO CÁO KINH DOANH 36

BÁO CÁO CÁC KHỐI 50

HOẠT ĐỘNG, SỰ KIỆN NỔI BẬT 60

PHẦN III — CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN 2020 -2025 64

CHIẾN LƯỢC 2020 66

PHẦN IV — QUẢN TRỊ CÔNG TY

BÁO CÁO CỦA HĐQT 76

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ 77

PHẦN V — BÁO CÁO TÀI CHÍNH

PHẦN VI — ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ





# MỤC LỤC

TTC HOSPITALITY

1

# THÔNG TIN CHUNG

## GIỚI THIỆU CÔNG TY

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN ..... 9
MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY ..... 12
DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO & NHÂN SỰ CHỦ CHỐT ..... 20

## TTC HOSPITALITY NĂM 2019

TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI ..... 22
THÔNG ĐIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ..... 24
BƯỚC NGOẶT ĐÁNH DẤU CHẶN ĐƯỜNG MỚI ..... 26
KẾT QUẢ NỔI BẬT ..... 28
TÓM TẮT TÀI CHÍNH ..... 30

# GIỚI THIỆU CÔNG TY

**Tên giao dịch:**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG**

**Tên viết tắt:**

**TTC TOURIST**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần mã số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 11/7/2006 (số cũ: 4903000270).

Vốn điều lệ:

**972.766.080.000** đồng

(Cập nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp đổi lần 22 ngày 05/02/2020)

253 Hoàng Văn Thụ, Phường 02, Quận Tân Bình, Tp.HCM

1900 55 88 55

www.ttchospitality.vn

Mã cổ phiếu:
VNG



## 01 | LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

**Công ty cổ phần Du lịch Thành Thành Công được hình thành trên cơ sở chuyển đổi tên từ Công ty cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (Vinagolf).**

Tiền thân Vinagolf là những đơn vị hoạt động kinh doanh dịch vụ khách sạn tại hai chi nhánh Đà Lạt và Cần Thơ trực thuộc Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Thực hiện cổ phần hóa và chuyển đổi Chi nhánh Đà Lạt và Cần Thơ của Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thành Công ty Cổ phần Golf Việt Nam (VINAGOLF).

Hoàn thành việc cổ phần hóa, Vinagolf đi vào hoạt động với vốn điều lệ là 130 tỷ đồng, hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ khách sạn với thương hiệu Golf Hotel.

Thành lập Chi nhánh Hồ Chí Minh trên cơ sở mở rộng hoạt động kinh doanh đối với dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế.

Chính thức niêm yết chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu VNG và giá giao dịch ngày đầu tiên 17/12/2009 là 16.000 đồng/cổ phiếu

Vinagolf góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor quản lý khách sạn Golf Angkor, từng bước chinh phục thị trường Đông Dương.

Đưa vào hoạt động 02 (hai) công ty con TNHH MTV do Vinagolf sở hữu 100% vốn trên cơ sở quản lý kinh doanh Khách sạn Golf 3 tại Đà Lạt và Khách sạn Golf Hội An.

Công ty Cổ phần Golf Việt Nam thực hiện chuyển đổi tên sang Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công, đánh dấu sự ra đời thương hiệu TTC trong lĩnh vực dịch vụ khách sạn, nhà hàng và du lịch.

Đầu tư mua các công ty con, xây dựng hệ thống dịch vụ, khách sạn, nhà hàng và du lịch TTC trải dài từ Đà Nẵng đến khu vực các tỉnh Miền Tây, với tên thương hiệu TTC Hospitality

Tăng vốn điều lệ từ 130.000.000.000 đồng lên 752.050.000.000 đồng thông qua việc chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Thắng Lợi – một công ty con – và phát hành Cổ phiếu dành cho người lao động, nâng tổng vốn điều lệ của Công ty lên 837.044.050.000 đồng.

Tiếp tục tăng trưởng về vốn bằng việc nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng và phát hành cổ hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Đến ngày 05/02/2020 vốn điều lệ Công ty được nâng lên đến 972.766.080.000 đồng.
Năm 2019 còn là năm đánh dấu việc nâng cao chất lượng dịch vụ của Công ty lên tầm quốc tế khi triển khai thành công ký kết hợp tác chiến lược cùng Tập đoàn toàn cầu Minor Hotels trong việc quản lý vận hành khách sạn TTC Hotel Dốc Lết để từ đó chuẩn hóa dịch vụ trong hệ thống.

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ CƠ CẤU QUẢN LÝ

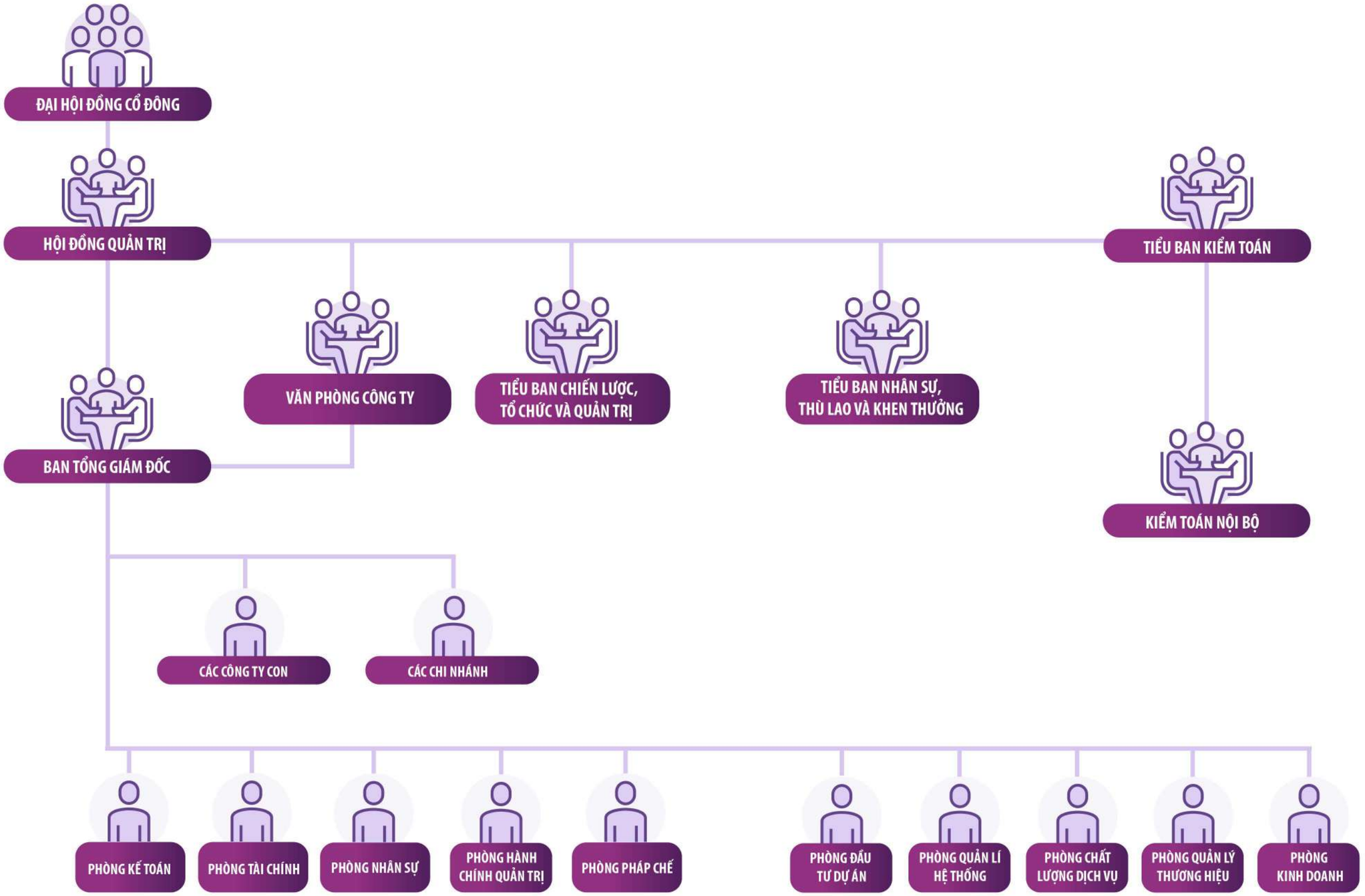

# 02 | MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## CÔNG TY CON

Tên giao dịch:

### CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH BẾN TRE

**Cơ sở kinh doanh dịch vụ:**

- TTC - Nhà hàng Đồng Khởi 2
- TTC - Office Building Bến Tre
- TTC - Nhà hàng nổi Bến Tre
- TTC - Nhà hàng Đông Châu
- TTC Palace - Bến Tre
- TTC - Khu Ẩm thực Bến Tre
- TTC Travel - Bến Tre, TTC Travel - Tiền Giang.

16 Hai Bà Trưng, Phường 2,
Thành phố Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

0275 822 392

**Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:**

Dịch vụ văn phòng cho thuê | Nhà hàng | Lữ hành nội địa và quốc tế

Vốn điều lệ:
**52.593.480.000 ĐỒNG**

Tên giao dịch:

### CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THANH BÌNH

**Cơ sở kinh doanh dịch vụ:**

- TTC Hotel - Airport
- TTC Hotel - Tân Bình
- Tòa nhà Betrimex

512 Lý Thường Kiệt, Phường 7,
Tân Bình, Hồ Chí Minh

(028) 3971 6568
(028) 3971 6569

**Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:**

Khách sạn | Nhà hàng

Vốn điều lệ:
**99.000.000.000 ĐỒNG**

Tên giao dịch:

## CÔNG TY TNHH DU LỊCH TTC

### Cơ sở kinh doanh dịch vụ:

- TTC Hotel - Michelia
- TTC Hotel - Phan Thiết
- TTC Palace - Bình Thuận
- TTC Launary - Bình Thuận
- TTC Resort - Dốc Lết

04 Pasteur, Phường Xương Huân,
Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

0258 3821 905

### Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

Khách sạn

Nhà hàng

Lữ hành nội địa và quốc tế

Giặt ủi

Vốn điều lệ:
**353.689.770.000 ĐỒNG**

Tên giao dịch:

## CÔNG TY TNHH DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG LÂM ĐỒNG

### Cơ sở kinh doanh dịch vụ:

- TTC Hotel - Ngọc Lan
- TTC Hotel - Hội An
- TTC World - Thung Lũng Tình Yêu
- TTC Laundry- Đà Lạt
- TTC Spa - Bình Thuận

Số 03 - 05 - 07 đường Mai Anh Đào, Phường 8, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

02633 528 888

### Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:

Khách sạn

Nhà hàng

Khu vui chơi

Giặt ủi

Vốn điều lệ:
**355.800.610.000 ĐỒNG**

## CHI NHÁNH

### CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THANH CÔNG TẠI CẦN THƠ

• TTC Hotel - Cần Thơ

Số 02 Hai Bà Trưng, Quận Ninh Khiều, Cần Thơ

029203812210

### CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THANH CÔNG TẠI LÂM ĐỒNG

• TTC Hotel - Đà Lạt

Số 04 Nguyễn Thị Minh Khai, Tp. Đà Lạt,
Tỉnh Lâm Đồng

0263 3826042

## CÔNG TY LIÊN KẾT

**Tên giao dịch:**

### CÔNG TY TNHH CỔ PHẦN DU LỊCH VINAGOLF ANGKOR:

**Cơ sở kinh doanh dịch vụ:**

• TTC Hotel - Angkor

National Road 6, Phum Kruos, Svay Dangkum,
Siemreap, Cambodia Kingdom

Vốn điều lệ:

**2.430.000 USD**

**Lĩnh vực sản xuất kinh doanh:**

**Khách sạn** **Nhà hàng** **Lữ hành nội địa và quốc tế**

Tỷ lệ sở hữu:

**49%**

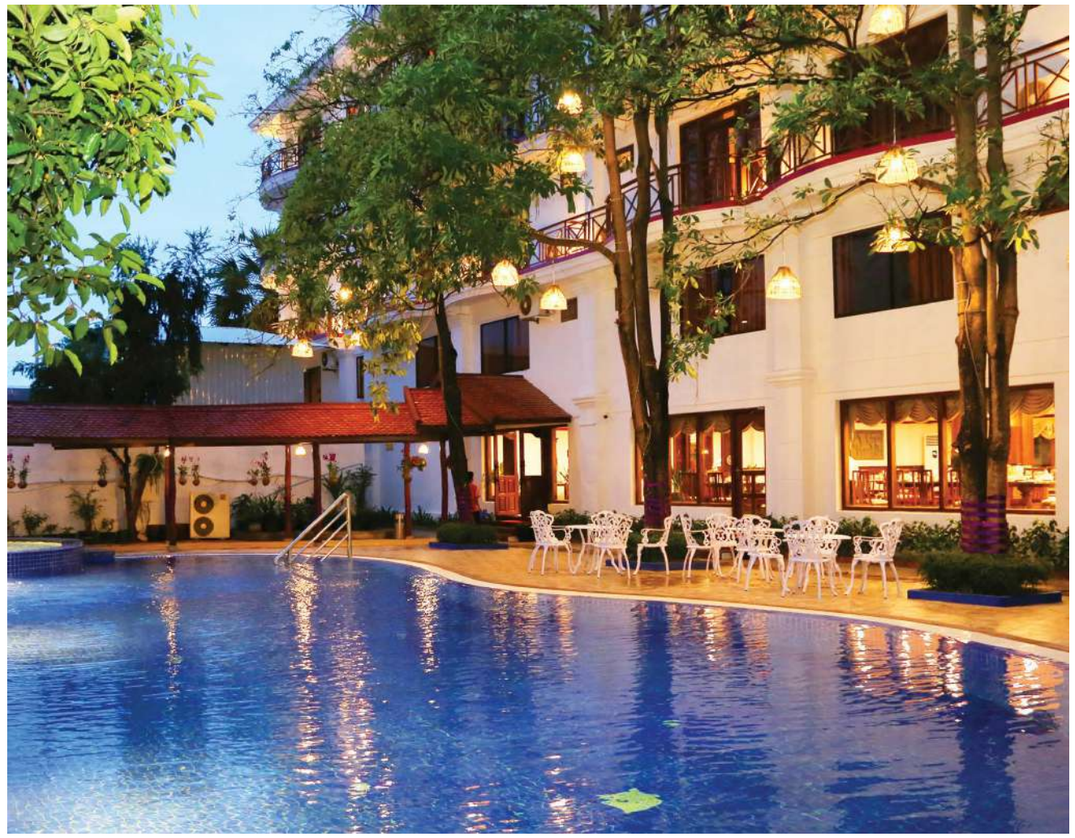

KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU
BẰNG CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

HTC

HOSPITALITY

# 03 | DANH SÁCH BAN LÃNH ĐẠO & NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

## THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông **NGUYỄN THẾ VINH**
Chủ tịch HĐQT
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,61%

Bà **NGUYỄN THÁI HÀ**
Phó Chủ tịch HĐQT
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,08%

Ông **ĐẶNG HUỲNH ANH TUẤN**
Thành viên HĐQT
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,15%

Ông **HOÀNG MẠNH TIẾN**
Thành viên HĐQT
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,08 %

Ông **VŨ VIẾT BẢN**
Thành viên HĐQT
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,06%

Ông **ĐỖ HUY HIỆP**
Thành viên HĐQT
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0%

## BAN ĐIỀU HÀNH

Bà **PHAN THỊ HỒNG VÂN**
Tổng giám đốc
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,05%

Bà **LÊ THỤY NHÃ UYÊN**
Phó Tổng Giám đốc
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,00%

Ông **NGUYỄN VŨ HOÀNG AN**
Phó Tổng giám đốc
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0%

Ông **PHAN MINH TRÍ**
Phó Tổng giám đốc
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,02%

## NHÂN SỰ CHỦ CHỐT KHÁC

Bà **NGUYỄN THỊ HUỆ TRINH**
Giám đốc tài chính
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,02%
*(miễn nhiệm chức vụ GĐTC từ ngày 18/02/2020)*

Ông **BÙI TẤN KHẢI**
Kế toán trưởng
Tỷ lệ nắm giữ CP: 0,02%

Tỷ lệ nắm giữ cổ phần theo danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2019

# TẦM NHÌN, SỨ MỆNH

Với lợi thế sở hữu chuỗi khách sạn/ resort, trung tâm hội nghị, khu vui chơi và trung tâm lữ hành trải dài khắp các tỉnh, thành phố du lịch trọng điểm của Việt Nam như Nha Trang, Đà Lạt, Ninh Thuận, Phan Thiết, TP. Hồ Chí Minh, Bến Tre, Cần Thơ… và tại thành phố Siem Reap, Vương quốc Campuchia, TTC Hospitality tự hào đón 2,8 triệu lượt khách mỗi năm và mang sứ mệnh *"Đồng hành cùng địa phương phát triển ngành du lịch Việt Nam"*.

Nhận thức được vai trò là một trong những nhà tiên phong trong ngành công nghiệp không khói, TTC Hospitality liên tục xây dựng các sản phẩm du lịch đa dạng dựa trên lợi thế địa phương nơi các đơn vị của TTC Hospitality trú đóng như: tại Bình Thuận đầu tư các hạng mục phát triển du lịch tâm linh tại núi Tà Cú,; tại Bến Tre, Cần Thơ phát triển du lịch ẩm thực, khám phá sông nước, văn hoá miền Tây Nam bộ; tại Đà Lạt, đẩy mạnh du lịch trải nghiệm những giá trị văn hoá truyền thống dân tộc như văn hoá cồng chiêng v.v… Những sản phẩm du lịch này không chỉ mang đến những trải nghiệm thú vị cho du khách mà còn đồng hành cùng địa phương phát huy những thế mạnh nhằm quảng bá sâu rộng những nét đẹp văn hoá, thiên nhiên, đất nước và con người Việt Nam đến khách du lịch trong và ngoài nước.

Để đóng góp nhiều hơn nữa cho sự phát triển du lịch Việt Nam, giai đoạn 2021 – 2025, TTC Hospitality đã xây dựng những định hướng phát triển cho từng lĩnh vực kinh doanh cụ thể.

- **Với lĩnh vực lưu trú,** TTC Hospitality sẽ tiếp tục công tác đầu tư vào các khách sạn 4-5 sao và hợp tác với các thương hiệu quản lý khách sạn quốc tế, góp phần đưa thương hiệu TTC Hospitality tiệm cận với đẳng cấp và các tiêu chuẩn thế giới.
- **Tại các khu vui chơi,** TTC Hospitality sẽ hoàn thành mục tiêu nằm trong Top 3 những đơn vị kinh doanh điểm đến du lịch lớn nhất trong cả nước.
- **Với các nhà hàng và trung tâm hội nghị,** Công ty sẽ không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ của mình, đồng thời khai thác tối đa những thế mạnh về thiên nhiên, ẩm thực tại từng địa phương.
- **Trong lĩnh vực lữ hành,** TTC Hospitality sẽ tập trung quảng bá thương hiệu TTC Travel thông qua khai thác các tour du lịch nổi bật, độc lạ, và dẫn đầu các xu hướng mới ở cả trong nước lẫn quốc tế.

Với phương châm **"Khẳng định thương hiệu bằng chất lượng dịch vụ"**, TTC Hospitality đã, đang và sẽ không ngừng nỗ lực để không chỉ trở thành một thương hiệu du lịch Việt Nam uy tín, mà còn thực hiện tốt cam kết *"Đồng hành cùng địa phương phát triển ngành du lịch Việt Nam"* của mình.

# GIÁ TRỊ CỐT LÕI

TTC Hospitality xây dựng "bộ nguyên tắc" trong hoạt động và vận hành bộ máy làm nền tảng cho việc hiện thực hoá tầm nhìn sứ mệnh.

- **Tâm huyết:** làm việc bằng cái tâm để mang đến sản phẩm tốt nhất cho khách hàng.
- **Thấu hiểu:** hiểu nhu cầu, tâm tư khách hàng.
- **Nghiêm ngặt:** đảm bảo các quy trình được tuân thủ, các nguyên tắc được thực thi.
- **Chuyên nghiệp:** trong vận hành bộ máy và phục vụ khách hàng.
- **Chất lượng:** từ dịch vụ đến sản phẩm và phục vụ.

# KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU BẰNG CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

Thương hiệu của một công ty, ngoài việc khẳng định quyền sở hữu với sản phẩm kinh doanh còn mang lại các giá trị, lợi ích cũng như lời hứa của thương hiệu với người tiêu dùng. "Chất lượng dịch vụ" là giá trị cũng đồng thời là lời hứa của thương hiệu TTC Hospitality đối với khách hàng.

Từ những ngày đầu thành lập, TTC Hospitality xem phương châm **"Khẳng định thương hiệu bằng chất lượng dịch vụ"** là kim chỉ nam trong mọi hoạt động. Với các lĩnh vực kinh doanh bao gồm lưu trú, trung tâm hội nghị, khu vui chơi và lữ hành, thì mỗi đánh giá của khách hàng đóng vai trò quan trọng để TTC Hospitality thay đổi và cải tiến chất lượng dịch vụ.

- Đánh giá về sản phẩm giúp chúng tôi điều chỉnh, nâng cao chất lượng sản phẩm, mang lại giá trị thụ hưởng cho khách hàng;
- Đánh giá về đội ngũ giúp chúng tôi chuyên nghiệp hoá chất lượng phục vụ khách hàng;
- Đánh giá về cơ sở vật chất giúp chúng tôi chuẩn hoá hạ tầng, trang thiết bị nhằm mang đến cho khách hàng những trải nghiệm tiện ích và đẳng cấp…

Chính những yêu cầu khắt khe của khách hàng giúp chúng tôi luôn tận tâm cải tiến chất lượng dịch vụ, mang đến những sản phẩm tối ưu cho khách hàng. Khi sử dụng bất kì sản phẩm, dịch vụ nào của TTC Hospitality, từ khách sạn cao cấp tại Nha Trang, Cần Thơ, Phan Thiết đến các nhà hàng địa phương tại Bến Tre, khách hàng cũng đều được trải nghiệm chất lượng dịch vụ đẳng cấp và chuyên nghiệp.

Vì vậy, **"Khẳng định thương hiệu bằng chất lượng dịch vụ"** vừa là phương châm hoạt động của TTC Hospitality, vừa là lời hứa với mỗi đối tác, nhà đầu tư, và khách hàng – những người luôn gắn bó, đồng hành cùng Công ty.

# THÔNG ĐIỆP TỪ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*"KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU BẰNG CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ"*

## TỪ CÂU CHUYỆN PHÁT TRIỂN "THẦN KỲ" CỦA DU LỊCH VIỆT NAM

Năm 2019, ngành Du lịch Việt Nam đón nhận nhiều tin tức tốt đẹp qua những con số, những giải thưởng, những lời khen có cánh từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Tất cả hình thành nên câu chuyện về sự phát triển thần kỳ của Việt Nam trên bản đồ du lịch thế giới.

Đó là Việt Nam đón trên 18 triệu lượt khách quốc tế, phục vụ 85 triệu lượt khách nội địa, tổng thu toàn ngành đạt khoảng 720.000 tỷ đồng.

Đó là các giải thưởng uy tín như "Điểm đến hàng đầu châu Á", "Điểm đến văn hóa hàng đầu châu Á", "Điểm đến Golf tốt nhất thế giới", "Điểm đến di sản hàng đầu thế giới"…

Đó là đánh giá Việt Nam là một trong 10 quốc gia có mức tăng trưởng du lịch nhanh nhất thế giới…

Từ sự tăng trưởng ấn tượng của toàn ngành du lịch Việt Nam năm 2019, Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Hospitality) cũng tự hào "đóng góp" 2,8 triệu lượt khách trong và ngoài nước qua các điểm lưu trú, khu vui chơi; giới thiệu những điểm đến hấp dẫn của Việt Nam qua các tour du lịch inbound, nội địa; đem đến cho du khách những trải nghiệm ẩm thực từ dân dã đến sang trọng tại các trung tâm hội nghị, nhà hàng… Và, với TTC Hospitality, câu chuyện thần kỳ của du lịch Việt Nam trong năm 2019 không chỉ dừng lại ở một câu chuyện mà trở thành động lực cho những bước tiến mới.

Năm 2019, TTC Hospitality khai trương Trung tâm Hải sản TTC Phan Thiết tại thành phố Phan Thiết; khai trương Nhà hàng nướng TTC Cần Thơ tại thành phố Cần Thơ; sáp nhập khu du lịch Thung lũng Tình yêu và Đồi Mộng Mơ; đầu tư nhiều hạng mục tiểu cảnh tạo sáng tạo và đặc sắc cho từng điểm đến; đồng hành cùng các giải việt dã "Cùng TTC chạy vì sức khỏe cộng đồng" ở các tỉnh, thành phố có các cơ sở của TTC Hospitality như: Bến Tre, Cần Thơ, Bình Thuận, Ninh Thuận, Nha Trang, Lâm Đồng… Những hoạt động này góp phần đưa thương hiệu TTC Hospitality đến gần hơn với khách hàng, đồng thời mở rộng hoạt động và mang đến nhiều dịch vụ, trải nghiệm mới lạ, độc đáo và tạo nên chuỗi cung ứng trọn gói, tiện nghi cho du khách.

Đầu năm 2020, TTC Hospitality chính thức thay đổi cấu trúc logo theo chuẩn bộ nhận diện thương hiệu mới của Tập đoàn TTC, đánh dấu một trong những cột mốc đầu tiên trên chặng đường hướng tới Mục Tiêu





2025 của toàn ngành. Đồng thời, việc thay đổi hình ảnh đóa hoa "TTC" cách điệu màu tím – một hình ảnh đã trở nên quen thuộc với khách hàng, đối tác, nhà đầu tư – không chỉ là một bước ngoặt quan trọng, mà còn là lời khẳng định của TTC Hospitality trong việc hoàn thành chiến lược 2020 của công ty: thay đổi để phát triển.

- Thay đổi để kiện toàn mô hình hoạt động theo kim chỉ nam "Khẳng định thương hiệu bằng chất lượng dịch vụ";
- Thay đổi để tiếp tục xây dựng, khai thác những những sản phẩm du lịch dẫn đầu xu hướng và đáp ứng thị hiếu khách hàng;
- Thay đổi để tạo nên và vì thương hiệu du lịch TTC Hospitality chất lượng và đáng tin cậy;
- Thay đổi từ yếu tố nhân sự, tạo nên tập thể làm việc bằng tâm, kiến thức, sự chuyên nghiệp để phục vụ khách hàng bằng chất lượng và sự thấu hiểu.

Trong thời gian vừa qua, nền kinh tế thế giới đã bị xáo trộn mạnh mẽ dưới tác động của bệnh dịch viêm phổi từ chủng mới virus Covid-19, trong đó ngành Du lịch là một trong những lĩnh vực chịu nhiều tổn thương nhất. Tuy nhiên, việc thị trường "đóng băng" không có nghĩa là toàn bộ các ngành kinh doanh sẽ dừng lại; TTC Hospitality đã, đang, và sẽ dành thời gian "ngủ đông" này để xây dựng những sản phẩm chất lượng, đáng tin cậy cho khách hàng, hoạch định những chiến lược nhằm bảo đảm quyền lợi của đối tác và lợi nhuận của các nhà đầu tư, đồng thời chú trọng vào công tác tái cấu trúc và phát triển một bộ máy nhân sự tinh gọn, chuyên nghiệp và tâm huyết để tiếp tục "khẳng định thương hiệu bằng chất lượng dịch vụ" như phương châm mà công ty không ngừng theo đuổi.

Năm 2020 đã có một sự khởi đầu đầy bất ổn, nhưng đó cũng chính là cơ hội để TTC Hospitality thực hiện quyết tâm thay đổi để phát triển. Đối với Công ty, những khó khăn của năm 2020 vừa là một thử thách mà công ty cần phải vượt qua và khẳng định sức mạnh của bản thân, vừa là một nền tảng để toàn thể Ban lãnh đạo và cán bộ nhân viên viết tiếp câu chuyện về sự phát triển thần kỳ trong năm 2019 của du lịch Việt Nam nói chung, và của TTC Hospitality nói riêng.

### DU LỊCH VIỆT NAM 2019

| QUỐC TẾ | NỘI ĐỊA |
|---|---|
| 18 triệu lượt | 85 triệu lượt |

**DOANH THU**

**726.000** tỷ đồng

### MỤC TIÊU DU LỊCH VIỆT NAM 2020

| QUỐC TẾ | NỘI ĐỊA |
|---|---|
| 20,5 triệu lượt | 90 triệu lượt |

**DOANH THU**

**830.000** tỷ đồng

(Nguồn: Tổng cục thống kê)

# BƯỚC NGOẶT ĐÁNH DẤU CHẶNG ĐƯỜNG MỚI

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (VNG, TTC Hospitality, Công ty), một trong những Công ty Thành viên thuộc Tập đoàn TTC - Tập đoàn đa ngành với 4 lĩnh vực cốt lõi Mía đường (SBT), Bất động sản (SCR), Du lịch (VNG) và Năng lượng. VNG hoạt động trong lĩnh vực Du lịch với mô hình kinh doanh khép kín phục vụ trọn gói nghỉ dưỡng dành cho khách du lịch từ Lữ hành đáp ứng nhu cầu di chuyển, Khách sạn nhu cầu lưu trú, Khu vui chơi nhu cầu giải trí đến Trung tâm hội nghị (TTHN)/ Nhà hàng là nhu cầu ẩm thực. Suốt quá trình hình thành và phát triển, thương hiệu TTC Hospitality đồng hành cùng khách hàng với hình ảnh logo là đóa hoa được cách điệu từ chữ TTC màu tím quen thuộc. Đến ngày 03.01.2020, TTC Hospitality chính thức thay đổi nhận diện thương hiệu theo cấu trúc thương hiệu Tập đoàn TTC – thương hiệu đã được tạo lập và được thị trường đón nhận trong nhiều năm.

Logo mới của TTC Hospitality mang hình dáng logo TTC với cánh chim chuyển sang màu tím và thêm dòng chữ Hospitality với màu đặc trưng của TTC Hospitality như trước đây. Với sự thay đổi này, TTC Hospitality sẽ đồng nhất hình ảnh thương hiệu cùng Tập đoàn TTC, từ đó tạo nên hình ảnh thương hiệu chung, cộng hưởng giá trị và gia tăng uy tín thương hiệu Tập đoàn TTC.

Năm 1995, TTC Hospitality sở hữu 3 điểm đến tại Đà Lạt và Cần Thơ. Đến năm 2017, Công ty sở hữu 16 điểm đến tại 7 tỉnh, thành phố và đến năm 2019, Công ty có gần 20 điểm đến tại 9 tỉnh, thành khắp cả nước và tại vương quốc Campuchia. Để hình ảnh thương hiệu được khách hàng dễ dàng đón nhận và tin tưởng, thì bên cạnh sự nỗ lực của tập thể còn là việc xây dựng hình ảnh thể hiện tầm nhìn của doanh nghiệp và sức mạnh của thương hiệu.

Gắn liền với thương hiệu TTC trong chặng đường phát triển của Công ty vừa qua, việc đồng nhất hình ảnh thương hiệu với Tập đoàn TTC được xem là bước ngoặt đánh dấu chặng đường mới, hướng đến phát triển toàn diện, quy mô, bền vững và hội nhập Tập đoàn TTC nói chung và của TTC Hospitality nói riêng theo phương châm "Khẳng định thương hiệu bằng chất lượng dịch vụ".

TTC HOSPITALITY

*Logo cũ với hình ảnh đóa hoa được cách điệu từ chữ TTC*

TTC HOSPITALITY

*Logo mới đồng nhất hình ảnh thương hiệu Tập đoàn TTC*

# KẾT QUẢ NỔI BẬT

## DOANH THU THUẦN

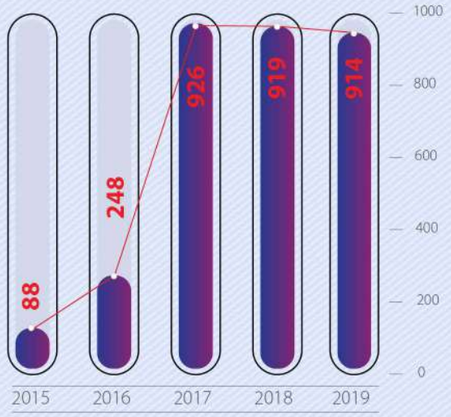


## LỢI NHUẬN GỘP

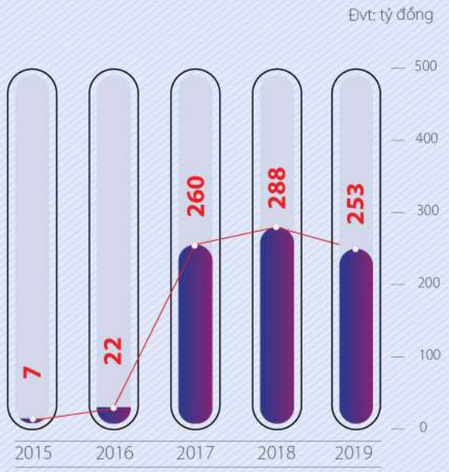


## EBITDA

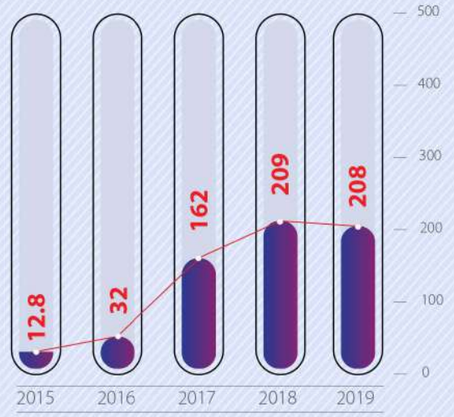


## EBIT

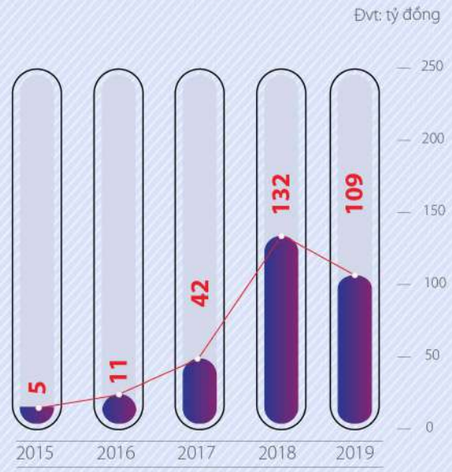


## TỔNG TÀI SẢN

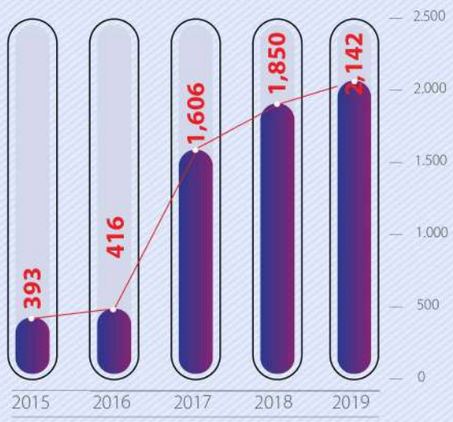


## VỐN CHỦ SỞ HỮU

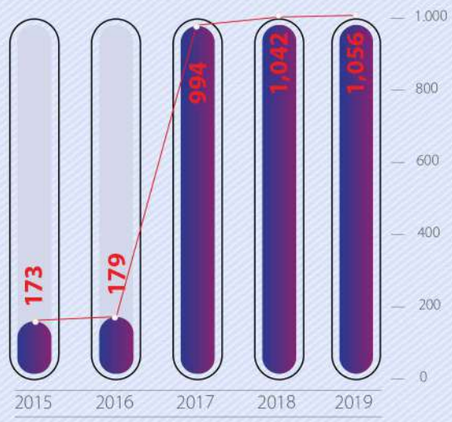


## BIÊN LỢI NHUẬN GỘP

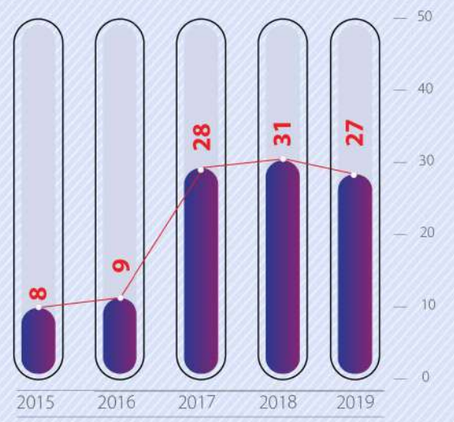


## BIÊN EBITDA

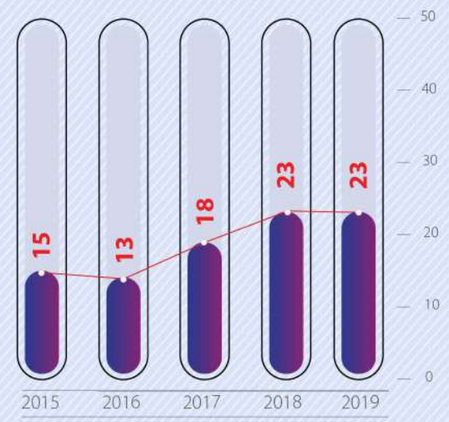

# TÓM TẮT TÀI CHÍNH

## TÓM TẮT CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

*ĐVT: Triệu đồng*

| CHỈ TIÊU | 31/12/2019 | 31/12/2018 | TĂNG/ GIẢM (%) | 31/12/2017 | 31/12/2016 | CAGR (2016-2018) (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | **2.141.916** | **1.849.713** | **16%** | **1.606.248** | **416.389** | **111** |
| **Tài sản ngắn hạn** | 354.753 | 575.868 | -38% | 494.639 | 158.619 | 91 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 68.891 | 74.115 | -7% | 50.806 | 8.342 | 198 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 455 | 427 | 7% | 13.421 | 50.626 | -91 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 248.423 | 473.324 | -48% | 402.748 | 93.234 | 125 |
| Hàng tồn kho | 12.668 | 11.540 | 10% | 12.519 | 1.221 | 207 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 24.316 | 16.463 | 48% | 15.144 | 5.196 | 78 |
| **Tài sản dài hạn** | **1.787.163** | **1.273.845** | **40%** | **1.111.609** | **257.770** | **122** |
| Các khoản phải thu dài hạn | 44.075 | 34.933 | 26% | 63.518 | 4.378 | 182 |
| Tài sản cố định | 1.221.785 | 939.466 | 30% | 790.663 | 201.317 | 116 |
| Bất động sản đầu tư | 19.740 | 26.148 | -25% | 19.557 | - | 0 |
| Tài sản dở dang dài hạn | 268.111 | 109.043 | 146% | 67.180 | 967 | 962 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 85.730 | 24.426 | 251% | 27.593 | 22.656 | 4 |
| Tài sản dài hạn khác | 147.722 | 139.828 | 6% | 143.097 | 28.451 | 122 |
| **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | **2.141.916** | **1.849.713** | **16%** | **1.606.248** | **416.388** | **111** |
| **Nợ phải trả** | 1.085.544 | 807.838 | 34% | 612.220 | 236.915 | 85 |
| Nợ ngắn hạn | 544.634 | 397.238 | 37% | 295.450 | 151.109 | 62 |
| Nợ dài hạn | 540.910 | 410.600 | 32% | 316.771 | 85.806 | 119 |
| **Vốn chủ sở hữu** | **1.056.372** | **1.041.875** | **1%** | **994.027** | **179.473** | **141** |

## TÓM TẮT KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

*ĐVT: Triệu đồng*

| CHỈ TIÊU | 2019 | 2018 | TĂNG/ GIẢM (%) | 2018 | 2017 | 2016 | CAGR (2016-2018) (%) |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | **914.823** | **919.310** | **0%** | **919.310** | **925.686** | **247.568** | **93** |
| Giá vốn hàng bán | 662.029 | 630.851 | 5% | 630.851 | 665.627 | 225.379 | 67 |
| Lợi nhuận gộp | 252.794 | 288.459 | -12% | 288.459 | 260.060 | 22.189 | 261 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 46.338 | 86.065 | -46% | 86.065 | 57.725 | 8.669 | 215 |
| Lợi nhuận/(lỗ) khác | 7.351 | 4.340 | 69% | 4.340 | 1.125 | 1.126 | 96 |
| Lợi nhuận trước thuế | 53.689 | 90.405 | -41% | 90.405 | 58.850 | 9.795 | 204 |
| **Lợi nhuận sau thuế** | **37.324** | **68.778** | **-46%** | **68.778** | **35.736** | **6.007** | **238** |

## CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

*ĐVT: Triệu đồng*

| CHỈ TIÊU | ĐVT | 31/12/2019 | 31/12/2018 | TĂNG/GIẢM |
|---|---|---|---|---|
| **Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán** | | | | |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn | Lần | 0,65 | 1,45 | -55% |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,63 | 1,42 | -56% |
| **Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn** | | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | Lần | 0,51 | 0,44 | 16% |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 1,03 | 0,78 | 33% |
| Hệ số Nợ vay/Tổng tài sản | Lần | 0,38 | 0,32 | 20% |
| Hệ số Nợ vay/Vốn chủ sở hữu | Lần | 0,77 | 0,56 | 37% |
| **Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời** | | | | |
| Biên lợi nhuận gộp | % | 27,63 | 31,38 | -12% |
| Hệ số Biên lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao | % | 22,69 | 22,76 | 0% |
| Hệ số Biên lợi nhuận trước thuế và lãi vay | % | 11,81 | 14,45 | -18% |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 5,07 | 9,36 | -46% |
| Biên lợi nhuận ròng | % | 4,08 | 7,48 | -45% |
| ROE trung bình | % | 3,58 | 6,60 | -46% |
| ROA trung bình | % | 1,74 | 3,72 | -53% |

# BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2019.....34

## BÁO CÁO KINH DOANH

PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH VÀ ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG.....36

TÌNH HÌNH NHÂN SỰ NĂM 2019.....42

CÔNG TÁC ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.....44

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA 4 NGÀNH KINH DOANH CHÍNH.....48

## BÁO CÁO CÁC KHỐI

CÁC HOẠT ĐỘNG MARKETING NỔI BẬT.....50

CÔNG TÁC CÁC KHỐI HỖ TRỢ.....56

## HOẠT ĐỘNG, SỰ KIỆN NỔI BẬT

TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY.....60

CÁC HOẠT ĐỘNG CSR & HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG.....61

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

## 01 | BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC NĂM 2019

### 1.1 | BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Với sự chuẩn bị chu đáo trong việc lập và thực thi kế hoạch, nâng cao chất lượng dịch vụ của ngành cùng sự đoàn kết, nỗ lực của Ban lãnh đạo và Tập thể CBNV, Du lịch TTC đã đạt được những kết quả tốt trong năm 2019. Công ty tiếp tục duy trì được sự tăng trưởng doanh số, thị phần cũng như cải thiện tốt các chỉ số tài chính. Doanh thu thuần đạt 914 tỷ đồng, đạt gần bằng so cùng kỳ, đạt 93% so kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế (LNTT) năm 2019 đạt 53 tỷ đồng, đạt 60% so với cùng kỳ, vượt gần 28% kế hoạch năm.Tuy nhiên, nếu tính doanh thu và lợi nhuận từ hoạt động chính (loại trừ doanh thu bán BĐS) các chỉ số năm nay đều tốt hơn so năm trước, cụ thể doanh thu năm 2019 đạt 914 tỷ, tăng 5% so cùng kỳ, và vượt 28% so kế hoạch năm.

Thị trường du lịch trong năm 2019 có sự cạnh tranh quyết liệt nhiều đối thủ cùng ngành nghề. Tuy nhiên, Du lịch TTC với sự phân bố hợp lý cơ cấu doanh thu theo danh mục điểm đến trong năm 2018 tiếp tục được phát triển trong năm 2019, cụ thể tỷ trọng đóng góp DT giữa các mảng tăng từ 1% đến 2% so với cùng kỳ, cao nhất vẫn thuộc về nhóm Khách sạn là 51%, tiếp theo là Khu vui chơi với 21%, Nhóm TTTH/Nhà hàng chiếm 13%, Nhóm Lữ hành 9% và Doanh thu khác là 6%. Sự phân bổ cơ cấu doanh thu hợp lý làm tăng doanh thu và lợi nhuận trong năm 2019 so với cùng kỳ.

Đồng thời, Công ty tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu bán hàng từ các kênh truyền thống sang các kênh đang phát triển mạnh như OTA (online booking), FIT (khách lẻ), Walkin (khách vãng lai). Thực hiện xây dựng đa dạng và linh động nhiều gói bán hàng như: Happy Family, All Inclusive, Cao Nguyên Mùa Hạ, Mimosa…, linh hoạt trong quá trình khai thác công suất phòng và giá bán trong điều kiện một số điểm du lịch như Nha Trang, Đà Lạt, Hội An… có sự cạnh tranh quyết liệt. Các chỉ số về công suất phòng trong các khách sạn có giảm so cùng kỳ. Tuy nhiên, so sánh với công suất bình quân ngành của các nhóm khách sạn tương ứng nhóm 4* đạt 73%, nhóm khách sạn 3* cũng đạt 78% vẫn cao hơn Bình quân ngành lần lượt 72% và 75%, thì hiệu suất khai thác các khách sạn của TTC Hospitality cho thấy cao hơn thị trường .

### 1. 2 | CHỈ SỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tổng tài sản của công ty đến 31/12/2019 đạt 2.142 tỷ đồng tăng 16% so với đầu năm, tương đương 292 tỷ đồng. Nguyên nhân tăng tổng tài sản chủ yếu tăng đầu tư các tài sản các khách sạn, khu vui chơi trong năm 2019

Tổng nợ/TTS và VCSH đều tăng so với đầu năm, do công ty được gia tăng hạn mức các khoản tín dụng ngắn và dài hạn, điều này cho thấy công ty được gia tăng hệ số tín nhiệm tại các tổ chức tín dụng. Đồng thời, do gia tăng các khoản hạn mức tín dụng nên hệ số thanh toán có xu hướng giảm so với đầu năm.

| STT | NỘI DUNG | 31/12/2019 | 01/01/2019 | THAY ĐỔI | % THAY ĐỔI |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng tài sản | 2,141,916 | 1,849,713 | 292,203 | 16% |
| 2 | Vốn chủ sỡ hữu | 1,056,372 | 1,041,875 | 14,497 | 1% |
| 3 | Tổng nợ/tổng TS (%) | 51% | 44% | 7% | 16% |
| 4 | Tổng nợ/VCSH (%) | 103% | 78% | 25% | 33% |
| 5 | Nợ HD/VCSH (%) | 51% | 39% | 12% | 30% |
| 6 | Thanh toán ngắn hạn (lần) | 0.65 | 1.45 | (0.80) | -55% |
| 7 | Thanh toán nhanh | 0.63 | 1.42 | (0.79) | -56% |

### 1. 3 | CHỈ SỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Tổng tài sản của công ty đến 31/12/2019 đạt 2.142 tỷ đồng tăng 16% so với đầu năm, tương đương 292 tỷ đồng. Nguyên nhân tăng tổng tài sản chủ yếu tăng đầu tư các tài sản các khách sạn, khu vui chơi trong năm 2019

Tổng nợ/TTS và VCSH đều tăng so với đầu năm, do công ty được gia tăng hạn mức các khoản tín dụng ngắn và dài hạn, điều này cho thấy công ty được gia tăng hệ số tín nhiệm tại các tổ chức tín dụng. Đồng thời, do gia tăng các khoản hạn mức tín dụng nên hệ số thanh toán có xu hướng giảm so với đầu năm.

| STT | NỘI DUNG | 31/12/2019 | 01/01/2019 | THAY ĐỔI | % THAY ĐỔI |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Tổng tài sản | 1,402,632 | 1,125,891 | 276,741 | 25% |
| 2 | Vốn chủ sỡ hữu | 1,096,258 | 895,227 | 201,031 | 22% |
| 3 | Tổng nợ/tổng TS (%) | 22% | 20% | 1% | 7% |
| 4 | Tổng nợ/VCSH (%) | 28% | 26% | 2% | 8% |
| 5 | Nợ HD/VCSH (%) | 9% | 5% | 4% | 99% |
| 6 | Thanh toán ngắn hạn (lần) | 0.92 | 0.69 | 0.23 | 33% |
| 7 | Thanh toán nhanh | 0.91 | 0.68 | 0.23 | 34% |





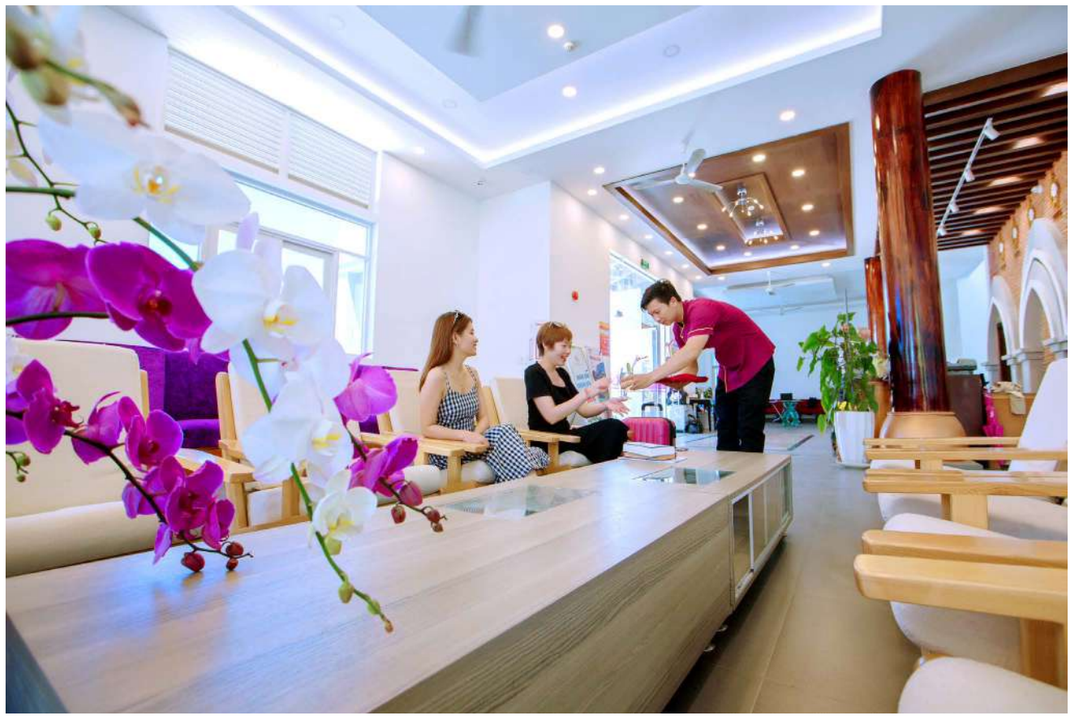

# BÁO CÁO KINH DOANH

## 01 | PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH VÀ ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG

### KINH TẾ THẾ GIỚI

- Năm 2019 ghi nhận là năm có tốc độ tăng trưởng GDP toàn cầu thấp chỉ đạt 2.9% (Nguồn: IMF). Năm 2019 cũng là năm nhiều biến động của kinh tế Thế giới với sự leo thang của chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, Anh rời khỏi liên minh Châu Âu, FED hạ lãi suất lần đầu sau 10 năm, cuộc khủng hoảng chính trị ở Hong Kong….
- Kinh tế Mỹ: năm 2019 mức tăng trưởng là 2.3% vẫn thấp hơn tỷ lệ tăng trưởng 2,9% của năm 2018 và cách khá xa so với mục tiêu đạt tăng trưởng 3% hoặc cao hơn mà Tổng thống Donald Trump đã cam kết. FED đã 3 lần hạ lãi suất cơ bản kể từ tháng 7 vừa qua, viện dẫn bất ổn ngày càng gia tăng xuất phát từ căng thẳng thương mại, kinh tế toàn cầu suy yếu và sức ép lạm phát. Với những điều chỉnh chính sách này, lãi suất cơ bản của FED hiện được áp dụng trong phạm vi 1,5-1,75%. Hoạt động của lĩnh vực chế tạo trong tháng 11 cũng ghi nhận mức giảm trong tháng thứ 4 liên tiếp, trong khi chỉ số quản lý mua hàng (PMI) giảm 47,8% trong tháng 9, mức thấp nhất trong một thập kỷ.
- Kinh tế Trung Quốc: năm nay tiếp tục chịu nhiều sức ép cả trong và ngoài nước tốc độ tăng trưởng GDP chỉ đạt 6.1% - thấp nhất kể từ thập niên 90 của thế kỷ 20. Trung Quốc đang chấp nhận giảm tốc nhằm củng cố hệ thống tài chính và kiểm chế tín dụng. Vì vậy, kể cả khi không có cuộc chiến thương mại với Mỹ, nền kinh tế này cũng đang đối mặt với nhiều thách thức, từ áp lực giảm phát (ảnh hưởng tới lợi nhuận doanh nghiệp) đến nhập khẩu đi xuống (cho thấy nhu cầu trong nước yếu đi). Nội tệ Trung Quốc nhiều lần lao dốc vì căng thẳng thương mại với Mỹ. Đến tháng 8, nhân dân tệ lần đầu tiên xuống dưới mốc quan trọng 7 CNY một USD trong 11 năm qua. Diễn biến này thổi bùng nguy cơ chiến tranh tiền tệ giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới.
- Kinh tế EU: Sự kiện Brexit đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế của khu vực đồng tiền chung Châu Âu, bên cạnh đó tổ chức WTO cũng đã đồng ý cho Mỹ đánh thuế lên 75 tỷ USD hàng hóa đến từ EU đã làm cho tình hình khu vực này còn thêm khó khăn. Căng thẳng thương mại Nhật – Hàn lại leo thang sau khi Tokyo áp đặt hạn chế xuất khẩu sang Hàn Quốc 3 nguyên liệu công nghệ cao cần thiết đối với việc sản xuất chất bán dẫn và màn hình, vốn là thế mạnh của những tập đoàn như Samsung, LG hay SK, Nhật Bản đã chính thức thực thi quyết định loại Hàn Quốc khỏi danh sách các đối tác thương mại đáng tin cậy, còn gọi là "Danh sách Trắng". Năm 2019 cũng là năm gặp khó của những kỳ lân công nghệ Start up như Uber, WeWork, Pinterest, Slack Technologies và SmileDirectClub….

| | |
|---|---|
| GDP | 2.9 % |
| KINH TẾ MỸ TĂNG TRƯỞNG | 2.3 % |
| KINH TẾ TRUNG QUỐC | 6.1 % |

### KINH TẾ VIỆT NAM

- Trong khi kinh tế thế giới năm 2019 gặp phải muôn vàn khó khăn, kinh tế Việt Nam vẫn chứng tỏ sức hút của thị trường mới hội nhập và tiềm năng lớn lao của một nền kinh tế trẻ năng động với nhiều thành tựu và kỷ lục mới đáng nể, tốc độ tăng trưởng GDP đạt 7.02%, đạt 266 tỷ USD, trong đó nông lâm thủy sản tăng 2.01%, công nghiệp và xây dựng tăng 8.9%, dịch vụ tăng 7.3%. Đối với lĩnh vực thương mại, kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam năm 2019 lần đầu tiên đạt mức 516 tỷ USD, thặng dư thương mại đạt 9.9 tỷ USD. Thu nhập GDP bình quân đầu người đạt gần 2.800 USD. Tỷ lệ hộ nghèo chỉ còn 1,45%. Chỉ số CPI là 2.79% và lạm phát được giữ ở mức ổn định 2.01%.
- Với 1,73 triệu tỷ đồng vốn và dự tính cả năm nay sẽ có khoảng 138.000 doanh nghiệp thành lập mới và 38.000 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động. Ngoài ra, còn có tới gần 40.000 doanh nghiệp tăng vốn với số vốn khoảng 2 triệu tỷ đồng, nhiều hơn cả số vốn đăng ký mới. Trong năm 2019 Việt Nam đã thu hút được 38 tỷ USD FDI.

| | |
|---|---|
| GDP | 7.02 % |
| NÔNG, LÂM NGHIỆP THỦY SẢN | 2.01 % |
| CÔNG NGHIỆP XÂY DỰNG | 8.9 % |
| NGÀNH DỊCH VỤ LƯU TRÚ VÀ ĂN UỐNG | 7.3 % |

### DU LỊCH THẾ GIỚI

- **Du lịch thế giới:** Theo số liệu thống kê mới nhất của Tổ chức Du lịch Thế Giới (UNWTO), lượng du khách quốc tế tăng trưởng 4% trong năm 2019, đạt 1.5 tỷ khách du lịch. Trung Đông nổi lên với tộc độ tăng trưởng nhanh nhất thế giới trong năm 2019 là 8%, tiếp theo sau đó là châu Á Thái Bình Dương với 6%, châu Âu là nơi có tốc độ tăng trưởng chậm nhất với 3%.

**1.5 TỈ LƯỢT KHÁCH QUỐC TẾ | +4% TĂNG TRƯỞNG | 4 TRIỆU LƯỢT KHÁCH MỖI NGÀY**

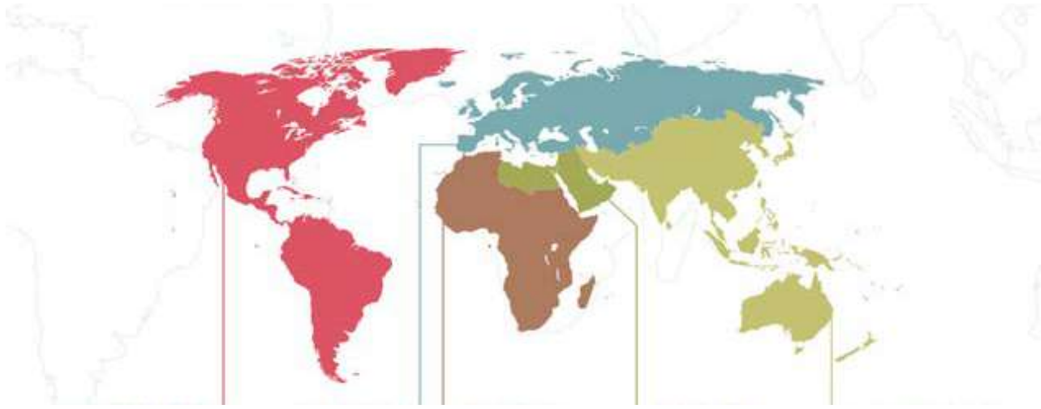

| CHÂU MỸ | CHÂU ÂU | CHÂU PHI | TRUNG ĐÔNG | CHÂU Á |
|---|---|---|---|---|
| 220 TRIỆU LƯỢT | 742 TRIỆU LƯỢT | 71 TRIỆU LƯỢT | 64 TRIỆU LƯỢT | 364 TRIỆU LƯỢT |
| 15% THỊ PHẦN | 51% THỊ PHẦN | 5% THỊ PHẦN | 4% THỊ PHẦN | 25% THỊ PHẦN |

- **Du lịch Việt Nam:** Năm 2019 Việt Nam đón 18.008 triệu lượt khách quốc tế tăng 16.2% so với 2018, 85 triệu lượt khách nội địa tăng 6.43%, tổng thu du lịch là 726.000 tỷ đồng, tăng 17.1% so với năm 2018. Lượng khách đến bằng phương tiện đường không đạt 14.377.509 lượt, tăng 15.2%; khách đến bằng phương tiện đường biển đạt 264.115 lượt khách, tăng 22.7%; khách đến bằng phương tiện đường bộ đạt 3.366.967 lượt khách, tăng 20.4%.

**TOP 10 QUỐC TỊCH ĐẾN VIỆT NAM 2019**

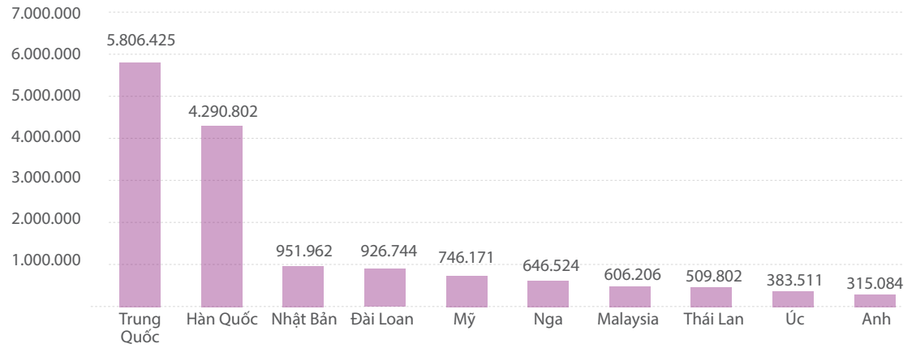

## THỊ PHẦN TOP 10 QUỐC TỊCH ĐẾN VIỆT NAM NĂM 2019

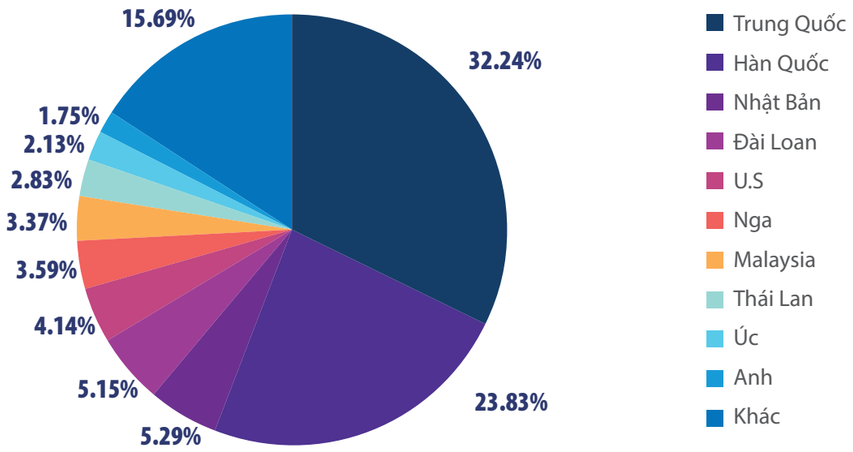


## TOP 10 TĂNG TRƯỞNG NĂM 2019

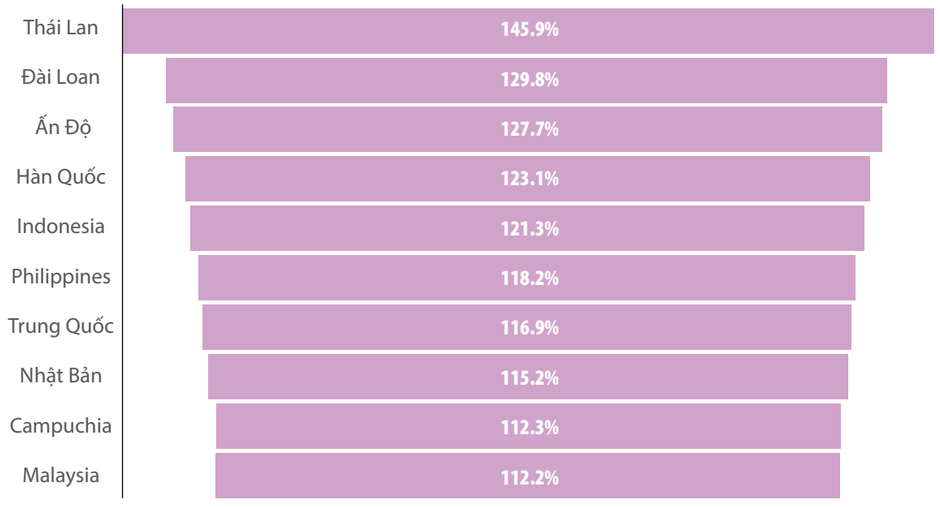


Động lực tăng trưởng của lượng du khách Việt Nam đến từ thị trường Châu Á. Đáng chú ý, thị trường Ấn Độ tăng rất cao (+27,7%), đạt 169 nghìn lượt. Đặc biệt, tốc độ tăng mạnh trong 3 tháng cuối năm: tháng 10 (+39,7%), tháng 11 (+40,4%) và tháng 12 (50,9%). Động lực chính đến từ các đường bay thẳng giữa Việt Nam và Ấn Độ đã được chính thức khai trương từ đầu tháng 10/2019 bởi hãng hàng không Ấn Độ IndiGo và từ đầu tháng 12/2019 do Vietjet của Việt Nam. Ấn Độ là thị trường đông dân, có quy mô rất lớn và còn rất nhiều dư địa tăng trưởng cao, có thể trở thành một thị trường quan trọng của du lịch Việt Nam khi các hoạt động xúc tiến được tăng cường và kết nối hàng không ngày càng thuận lợi.

Cả nước có 30.000 cơ sở lưu trú du lịch với 650.000 buồng. Đến cuối năm 2019, cả nước có 2.648 doanh nghiệp lữ hành quốc tế, 26.854 hướng dẫn viên, trong đó có 17.038 hướng dẫn viên du lịch quốc tế, 9.129 hướng dẫn viên du lịch nội địa, 687 hướng dẫn viên du lịch tại điểm.





## NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN TÌNH HÌNH KINH DOANH DU LỊCH VIỆT NAM NĂM 2019:

Cơ sở hạ tầng phát triển là tiền đề cho du lịch phát triển. Trong năm 2019 với khoảng 79.59% lượng khách du lịch đến Việt Nam thông qua đường hàng không thì những đường bay mới đã được mở ra cũng như những hãng hàng không mới thành lập đã đẩy cuộc chiến thị phần trên bầu trời càng trở nên gay gắt hơn và được hưởng lợi tất nhiên là khách hàng, điều này cũng góp phần thúc đẩy du lịch phát triển. Năm 2019, sân bay Vân Đồn - sân bay tư nhân tại Việt Nam khánh thành, được đánh giá là sân bay đẹp và hiện đại nhất Việt Nam. Hãng hàng không Bamboo Airline ra đời, tiếp theo là Vin Air cũng góp phần nâng lượng chuyến bay và điểm kết nối đến các vùng, lãnh thổ, góp phần đưa khách du lịch đến Việt Nam, tăng sự cạnh tranh về chất lượng dịch vụ góp phần nâng cao chất lượng hàng không Việt Nam.

Thực hành hát then được UNESCO ghi nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại đã khẳng định bản sắc văn hóa phong phú của dân tộc. Tính đến nay, Việt Nam đã có 13 di sản văn hoá phi vật thể được Tổ chức UNESCO ghi nhận. Điều này chứng minh sự giàu có và phong phú của di sản văn hoá dân tộc.

Việt Nam đăng cai và tổ chức thành công nhiều hoạt động du lịch gây tiếng vang lớn. Diễn đàn Du lịch ASEAN năm 2019, Hội chợ du lịch quốc tế VITM Hà Nội 2019, Năm du lịch quốc gia 2019, Cuộc thi trình diễn pháo hoa quốc tế năm 2019, lần thứ ba đăng cai thành công Đại lễ Phật đản Liên Hợp Quốc….

Tại Lễ trao Giải thưởng Du lịch thế giới (World Travel Awards -WTA) lần thứ 26 dành cho khu vực châu Á và châu Đại Dương, Việt Nam đã được tôn vinh tại 4 hạng mục: Điểm đến hàng đầu châu Á 2019; Điểm đến ẩm thực hàng đầu châu Á; Điểm đến văn hóa hàng đầu châu Á; Hội An - Điểm đến thành phố văn hóa hàng đầu châu Á.

Những hoạt động xúc tiến thương mại, miễn visa, thị thực cho những thị trường tiềm năng cũng góp phần cho tăng lượng khách du lịch đến Việt Nam.

# CÁC YẾU TỐ RỦI RO

## RỦI RO LUẬT PHÁP

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật chuyên ngành có liên quan.
Ngoài ra, là một công ty đại chúng, hoạt động của Công ty sẽ phải tuân thủ theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Hiện nay, hệ thống văn bản pháp luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, vì thế các luật và văn bản dưới luật trên có thể sẽ còn được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, những thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh hưởng đến kế hoạch chính sách của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các đường lối chủ trương của Đảng và Nhà Nước để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp.

## RỦI RO VỀ KINH TẾ

Sự phát triển của nền kinh té thường được đánh giá thông qua một số chỉ tiêu như: tốc độ tăng trưởng GDP, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá đối hoái. Các yếu tố rủi ro mang tính hệ thống này tác động vào mọi chủ thể tham gia vào nền kinh tế, cụ thể là các nhân tố chính: Tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, và lãi suất.
Ngoài ra, là một doanh nghiệp hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam, mọi hoạt động kinh doanh của Công ty đang và sẽ chịu ảnh hưởng bởi tiềm năng tăng trưởng của ngành du lịch nói riêng và của nền kinh tế Việt Nam nói chung.

## RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH

Công ty được thành lập và hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ năm 2006 và trở thành công ty niêm yết từ năm 2009. Cơ cấu điều hành và quản trị của Công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.
Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Công ty còn được kiểm soát chặt chẽ bởi đội ngũ Tiểu Ban kiểm toán uy tín và chuyên nghiệp do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, trong đó có hai thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Do đó, các hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng
Ngoài ra, với kinh nghiệm lâu năm trong ngành du lịch, đội ngũ quản trị của Công ty luôn nỗ lực hạn chế tối đa các rủi ro trong vấn đề quản trị công ty.

## RỦI RO VỀ CHÍNH TRỊ

Bên cạnh những yếu tố về tăng trưởng kinh tế, thu nhập bình quân đầu người…, chính trị là một yếu tố vô cùng quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến ngành du lịch của thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng. Sự bất ổn chính trị trong nội bộ quốc gia và trong toàn khu vực không chỉ kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế, làm sụt giảm thu nhập của người dân, mà còn kéo theo tình hình mất an ninh trong khu vực. Những yếu tố đó là nguyên nhân chính có thể dẫn đến doanh thu của ngành du lịch bị sụt giảm mình, ảnh hưởng đến ngành du lịch của Việt Nam nói chung và của Công ty nói riêng.

## RỦI RO BẤT KHẢ KHÁNG

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa… là những rủi ro bất khả kháng, khó lường trước. Nếu xảy ra, chúng sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người, và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty luôn duy trì việc mua bảo hiểm theo đúng quy định hiện nay.

# 02 | TÌNH HÌNH NHÂN SỰ NĂM 2019

- Trong năm 2019, tổng số nhân sự toàn Ngành có 2.226 người/ định biên 2.406 người, đạt 93% so kế hoạch định biên, so với nhân sự đầu năm 2.200 người, tăng 1%. Trong đó đã tuyển dụng 649 nhân sự (gồm 06 Quản lý cấp trung; 33 Quản lý sơ cấp; 610 Chuyên viên/ nhân viên), và 509 nhân sự chính thức nghỉ việc tương đương mức biến động nhân sự 22,8% (chủ yếu nhân sự thuộc các Bộ phận/ Phòng ban trực tiếp kinh doanh tại Tổng Công ty như Lữ hành, Kinh doanh, Marketing và nhân sự lao động trực tiếp ở Các bộ phận Ẩm thực, Bếp, Buồng phòng tại các Đơn vị trực thuộc.
- Tổng chi phí tiền lương và nhân sự toàn Ngành 299 tỷ đồng, thực hiện 93% so kế hoạch, đã tiết giảm được 7% so với kế hoạch đề ra.
- Chi phí tiền lương và nhân sự bình quân trên một nhân viên là 11,2 triệu/ người/ tháng, đạt 96% so kế hoạch.
- Xét về việc sử dụng nguồn lực hiệu quả qua chỉ tiêu Doanh thu trên một nhân viên bình quân trong năm đạt 437,1 triệu đồng, bám sát so kế hoạch.
- Xét về việc tối ưu hiệu quả chi phí đầu tư nhân sự qua chỉ tiêu Lợi nhuận lõi trên một nhân viên bình quân trong năm đạt 17,4 triệu đồng, đạt 104% so kế hoạch đề ra.

- **Công tác tuyển dụng:**

  Thực hiện rà soát và hoàn thiện Mô tả công việc và Tiêu chuẩn chức danh cho từng vị trí công việc tại Tổng công ty và các Đơn vị trực thuộc; Triển khai tổ chức công tác phân tích công việc đến các phòng ban nghiệp vụ Tổng công ty và các bộ phận hỗ trợ tại các Đơn vị kinh doanh; Tuyển dụng đáp ứng nhu cầu nhân sự toàn Ngành theo định biên, bình quân tìm kiếm và sơ vấn tối thiểu 03 hồ sơ/ 1 chức danh cần tuyển đảm bảo đáp ứng nhu cầu và chất lượng nhân sự đầu vào.

- **Công tác quản lý nhân sự:**

  Ban hành sơ đồ tổ chức, chuẩn hóa hệ thống chức danh theo nhóm Ngành: Khách sạn 3 sao, 4 sao, Resort, Trung tâm hội nghị - Nhà hàng, Khu vui chơi; Cập nhật nhanh chóng và kịp thời thông tin nhân sự vào Phần mềm Quản lý nhân sự đồng thời thường xuyên thực hiện rà soát, lưu trữ hồ sơ CBNV đầy đủ và khoa học; Thực hiện đánh giá năng lực và đề xuất điều chỉnh lương đối với CBNV toàn Ngành trong năm 2019.

- **Công tác Đào tạo - Phát triển Nguồn nhân lực:**

  Tổng cộng 313 khóa đào tạo tổ chức trong năm 2019 chủ yếu là công tác đào tạo nội bộ là 302 khóa đào tạo và 11 khóa đào tạo bên ngoài (gồm các chương trình Đào tạo hội nhập, Kỹ năng mềm, Kỹ năng Quản lý, Đào tạo nghiệp vụ).

  Phối hợp với Phòng CLDV xây dựng đào tạo Khung chương trình đào tạo cho các chức danh và cẩm nang nhân viên thuộc các Bộ phận dịch vụ trực tiếp (Lễ tân, Ẩm thực, Bếp, Buồng phòng).

  Quay 23 clip đào tạo nghiệp vụ cho CBNV TTC Angkor (Buồng phòng; Ẩm thực; Lễ tân; Bếp).

  Tổ chức công tác lưu động và bồi dưỡng nghiệp vụ cho các nhân sự đoạt giải Talent năm 2018 để nâng cao trình độ và kỹ năng chuyên môn.





## THỐNG KÊ NHÂN SỰ THEO MẢNG HOẠT ĐỘNG

| STT | ĐƠN VỊ | SỐ NHÂN SỰ | TỶ TRỌNG |
|---|---|---|---|
| I | **Khách sạn/Resort** | **1.139** | **51,2%** |
| I.1 | Nhóm 4 sao | 827 | 37,1% |
| I.2 | Nhóm 3 sao | 312 | 14,0% |
| II | **Trung tâm Hội nghị/ Nhà hàng** | **293** | **13,1%** |
| III | **Khu vui chơi** | **452** | **20,3%** |
| IV | **Lữ hành** | **40** | **1,8%** |
| V | **Sản xuất & KD khác** | **62** | **2,8%** |
| VI | **Nhóm Văn phòng** | **241** | **10,8%** |
| | **Tổng cộng** | **2.226** | **100,0%** |

## THỐNG KÊ NHÂN SỰ THEO GIỚI TÍNH

| STT | GIỚI TÍNH | SỐ NHÂN SỰ | TỶ TRỌNG |
|---|---|---|---|
| 1 | **NAM** | **1.075** | **48.3%** |
| 2 | **NỮ** | **1.151** | **51.7%** |
| | **TỔNG CỘNG** | **2.226** | **100%** |

## THỐNG KÊ NHÂN SỰ THEO TRÌNH ĐỘ

| STT | TRÌNH ĐỘ | SỐ NHÂN SỰ | TỶ TRỌNG |
|---|---|---|---|
| 1 | **Trên Đại học** | **10** | **0.4%** |
| 2 | **Đại học** | **466** | **20,9%** |
| 3 | **Cao đẳng** | **238** | **10,7%** |
| 4 | **Trung cấp** | **236** | **10,6%** |
| 5 | **Sơ cấp** | **261** | **11,7%** |
| 6 | **Lao động phổ thông** | **1015** | **45,6%** |
| | **TỔNG CỘNG** | **2226** | **100%** |

## THỐNG KÊ NHÂN SỰ THEO LOẠI LAO ĐỘNG

| STT | LOẠI LAO ĐỘNG | SỐ NHÂN SỰ | TỶ TRỌNG |
|---|---|---|---|
| 1 | **Trực tiếp** | **1.352** | **60,7%** |
| 2 | **Gián tiếp** | **654** | **29,4%** |
| 3 | **Hỗ trợ** | **208** | **9,3%** |
| 4 | **Giám sát** | **12** | **0,5%** |
| | **TỔNG CỘNG** | **2.226** | **100%** |

# 03 | CÔNG TÁC ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

## 3.1 | CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

- **Nghiên cứu phát triển sản phẩm:**

  Công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm đã bắt đầu khởi sắc hơn trong năm vừa qua với nhiều hoạt động đóng góp tích cực trong việc phát triển dự án và sản phẩm của Ngành:

  Phân tích thị trường kênh khách tại các khu vực Nha Trang, Phan Thiết, Đà Lạt và các địa điểm khác mà TTC có cơ sở hoạt động để đưa khuyến nghị chuyển đổi về cơ cấu nguồn khách và định hướng nhằm phát triển thị trường, phát triển nguồn khách tiềm năng.

  Thực hiện nghiên cứu và khảo sát đầu tư tại thị trường mới mà Du lịch TTC chưa có cơ sở hoạt động như Phú Quốc, Cà Mau, Long An, Bình Dương nhằm tìm kiếm cơ hội đầu tư và phát triển phạm vi hoạt động.

  Tham gia đưa ý tưởng thiết kế tổng mặt bằng cho các dự án Khu du lịch Mê Kông - Bến Tre, Núi Tà Cú, Ý tưởng mô hình Khu vui chơi nước Dốc Lết.

  Hỗ trợ khảo sát đánh giá thị trường, phân tích tiền khả thi, và lập phương án đầu tư cho dự án Ninh Thuận Resort Giai Đoạn 2.

  Ngoài ra, đã phối hợp ký kết hợp tác chiến lược với đối tác Minor vận hành cho Khách sạn Dốc Lết (dự kiến khai trương tháng 6/2020).

- **Đầu tư các hạng mục cảnh quan: Hoàn thành các hạng mục cảnh quan có tính tương tác để thu hút khách hàng:**

  Tại TTC World – Thung Lũng Tình Yêu hoàn thành các công trình tiểu cảnh: Tiểu cảnh 10 mô hình cây xanh, Cụm cảnh quan Tình Yêu Vĩnh Cửu, các tiểu cảnh Vườn hồng, các mô hình Kỳ quan thế giới, Bảo tàng tượng sáp, Cổng chào khu vui chơi (cổng soát vé, nhà bán vé), nhà vệ sinh vườn Cẩm Tú Cầu, Nhà bán hàng lưu niệm, mở rộng nhà hàng Hạnh Phúc, khu phố cổ Hội An, Food Court, tiểu cảnh Bàn Cờ Vua và Cầu thang Sách.

  Tại TTC World – Tà Cú đã hoàn tất trồng thảm hoa giấy và phủ xanh cỏ cúc tạo cảnh quan khu điện năng lượng mặt trời, đường hoa Chuông Vàng dọc tuyến đường nội bộ mới, cụm tiểu cảnh "Sắc màu Tà Cú" (gồm có Tam cấp 7 sắc, Cầu thang 7 sắc vô cực, lan can kính cường lực), Vườn Lan, Vườn thú Mini, Vườn hoa hướng dương, Vườn cây hoa ước nguyện và Kính viễn vọng tại Nhà hàng Thiên Thai để khách ngắm cảnh.

# 3. 2 | TÓM TẮT CÁC DỰ ÁN NỔI BẬT NĂM 2019

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

- Trong năm 2019, TTC Hospitality đã mở rộng quy mô hoạt động thông qua công tác đầu tư phát triển hệ thống và hoàn thành một số dự án và hợp tác chiến lược.
- Trong năm đã đưa vào khai thác vận hành khu resort tại Ninh Thuận giai đoạn 2 vào quý 4 năm 2019 tạo thêm một địa điểm du lịch nghỉ dưỡng hấp dẫn du khách. Trong quý 4 cũng đã khánh thành tòa nhà Văn phòng tại Bến Tre, hiện đang xúc tiến tìm kiếm đối tác thuê lại. Trong năm còn có dự án sửa chữa tầng 12 của khách sạn TTC Hotel - Michelia (Nha Trang) và lầu 7 khách sạn TTC Hotel - Airport và đưa vào hoạt động, từng bước đã đạt những kết quả tốt. Vào đầu năm 2019 cũng đã hoàn thành và đưa vào hoạt động nhà hàng nướng TTC BBQ Cần Thơ.
- Trong năm 2019, TTC Hospitality đã ký hợp tác chiến lược với đối tác The Minor - đơn vị quản lý vận hành khách sạn hàng đầu tại khu vực Châu Á – Thái Bình Dương với thương hiệu Avani chuẩn 4 sao quốc tế áp dụng cho khách sạn Dốc Lết – Khánh Hòa. Thông qua việc hợp tác, TTC Hospitality sẽ tiếp tục nâng cao tiêu chuẩn về công nghệ, quy trình, bộ máy vận hành, đánh dấu bước chuyển mình mới ngày càng chuyên nghiệp hơn của công ty trên đường trở thành một trong những đơn vị hàng đầu về lĩnh vực quản lý khách sạn, khu nghỉ dưỡng hàng đầu tại Việt Nam.

## TÓM TẮT CÁC DỰ ÁN NỔI BẬT NĂM 2019

- Dự án Dốc Lết – Khánh Hòa: bắt đầu từ quý II năm 2018. Đây là dự án lớn của TTC Hospitality với 3 khối khách sạn 277 phòng cùng 10 khu bungalow với 5 đôi, 5 đơn cung cấp cho thị trường hơn 300 phòng khách sạn với tổng vốn đầu tư hơn 26 triệu đô la Mỹ. Đây cũng là dự án đầu tiên TTC Hospitality hợp tác vận hành với đơn vị đẳng cấp thế giới áp dụng hệ thống tiêu chuẩn 4 sao quốc tế. Dự kiến, giai đoạn I của dự án sẽ hoàn thành và đưa vào hoạt động trong năm 2020.

- Dự án Resort Ninh Thuận giai đoạn 2: Ninh Thuận là thị trường du lịch tiềm năng trong những năm qua với tốc độ phát triển nhanh nhưng số lượng khu vui chơi giải trí còn hạn chế. Dự án khu vui chơi nước tại resort khi đưa vào hoạt động đã tạo nên điểm nhấn của khu vực và thu hút đông đảo khách du lịch cũng như người dân địa phương thăm quan, vui chơi. Mặc dù chỉ mới đưa vào hoạt động cuối năm 2019 nhưng bước đầu đã có những kết quả khả quan.

- Dự Án khu nghỉ dưỡng – vui chơi Mekong giai đoạn 2: Bên cạnh thành phố Cần Thơ thì tỉnh Bên Tre là địa phương có tiềm lực kinh tế tốt, thu hút được nhiều dự án đầu tư và khách du lịch tham quan, nghỉ dưỡng nhất tại Miền Tây Nam Bộ. Cách trung tâm thành phố Bến tre chỉ 5 phút đi xe máy, nằm trên bờ sông Bến Tre hiền hòa, thơ mộng cùng với giai đoạn 1 của dự án sẽ tạo thành một khu khép kín gồm lưu trú, ẩm thực và vui chơi phục vụ không chỉ khách du lịch mà còn là nơi thư giãn vui chơi cho người dân bản địa.

# 04 | TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA 4 NGÀNH KINH DOANH CHÍNH

Đội ngũ Sales trong năm 2019 đã tập trung hoạt động kinh doanh và phát triển sản phẩm chương trình cho đối tượng khách Corp và khách OTA. Cụ thể đã tăng cường tiếp xúc và giới thiệu sản phẩm dịch vụ đến khách hàng Công ty tại các Trung tâm thương mại, Khu công nghiệp, các Trường học, các Sở Ban Ngành, khai thác khách MICE, Team building … và mở rộng hợp tác với các đối tác OTA nhằm tăng thị phần khách OTA. Thường xuyên quảng bá thương hiệu, hình ảnh TTC Hospitality đến gần hơn với khách hàng trên các mạng xã hội và các bài giới thiệu ngành du lịch TTC trên các ấn phẩm trong và ngoài hệ thống. Bên cạnh những công tác kinh doanh triển khai đồng nhất trong toàn Ngành nêu trên thì từng mảng hoạt động kinh doanh cũng đạt được những kết quả riêng được ghi nhận như sau:

## NHÓM KHÁCH SẠN/ RESORT

- Khai thác các sản phẩm kết hợp lưu trú và ăn uống như Gói "Happy Family" 2 ngày 1 đêm tại Khách sạn TT Hotel - Phan Thiết, Khách sạn TTC Hotel - Đà Lạt, TTC Resort - Kê Gà; Gói "All Inclusive" 2 ngày 1 đêm tại TTC Resort - Ninh Thuận, TTC Resort - Kê Gà, Khách sạn TTC Hotel - Phan Thiết, Khách sạn TTC Hotel -Michelia; Gói Combo "Cao Nguyên Mùa Hạ"/ "Mimosa Đà Lạt" 3 ngày 2 đêm tại Khách sạn TTC Hotel - Ngọc Lan; Gói Combo lưu trú và sử dụng Buffet tại Khách sạn TTC Hotel - Cần Thơ.
- Ngoài nguồn khách Inbound đến từ Trung Quốc và Nga chiếm phần lớn, đang mở rộng thị trường khách khác như tăng khách nội địa, Hàn Quốc, Úc, Châu Âu và Đông Nam Á,…
- Hội An, Dốc Lết, Ninh Thuận đã đón các đoàn FamTrip đến tìm hiểu và trải nghiệm các dịch vụ, đến nay thêm một số lượng Khách hàng đoàn nhất định.
- Đẩy mạnh bán hàng và tham gia các chương trình quảng cáo từ các trang mạng (Last Minutes/ EarlyBird/ Happy Hour/ Golden Week/ Last Deal, Package phòng ở và vé máy bay của Traveloka,…) trên các trang Agoda, Expedia, Ctrip, Booking. Com, Traveloka,…và mở rộng đối tác OTA như Huamin, Trip. com…. tăng thị phần khách OTA.
- Ký kết hợp tác với các đối tác tăng doanh số và mở rộng thị trường như tại TTC Resort - Ninh Thuận ký hợp tác với VN Charter; Tại TTC Hotel - Cần Thơ đã hợp tác với 16 Công ty chuyên khách Inbound và đang lưu trú liên tục (khách Canada, Pháp, Israel, Tây Ban Nha,…) và nguồn khách Inbound đang có xu hướng tăng; Ký kết hợp đồng chiến lược với các đối tác Lữ hành (Saigon Việt Travel, Lửa Việt Tours, Saco Tour, Vietmark Travel, Viettours, Đất Việt Tours, Vietravel, SaigonTourist, VietLove Travel,…)
- Tổ chức Sales Calls tại Hà Nội, Đà Nẵng và các tỉnh miền Tây thăm các khách hàng cũ và tiếp cận các khách nội địa, MICE, Team building tiềm năng để đẩy mạnh doanh thu.
- Sales Trip các tỉnh Đông Nam Bộ như Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai và khu vực Miền Tây như Cần Thơ, Bến Tre, Tiền Giang, Trà Vinh và cập nhật sản phẩm chuỗi hệ thống TTC Hospitality.

## NHÓM TRUNG TÂM HỘI NGHỊ/ NHÀ HÀNG

- Phát triển các gói sản phẩm, dịch vụ phù hợp cho từng Đơn vị. Cụ thể TTC Palace - Bình Thuận và Bến Tre có mức tăng trưởng tốt mảng tiệc Công ty, cơm đoàn với các chương trình "Trọn vẹn yêu thương", Khu ẩm thực TTC tăng trưởng về lượng tiệc cưới, sinh nhật, họp mặt từ đầu năm 2019 và chạy các sự kiện như Cải lương, Acoutics tạo được sinh khí cho Đơn vị được khách hàng quan tâm.
- Đa dạng Menu món ăn: Xây dựng được thực đơn món ngon TTC đặc trưng, phát triển được kế hoạch chào món mới hàng tháng cho A la carte và ăn sáng, phát triển các món ăn mang hương vị sông nước các tỉnh miền Tây cho các Đơn vị tại Khu vực Bến Tre, Cần Thơ và các món hải sản tươi ngon tại Khu vực Bình Thuận.
- Chính sách kinh doanh được ban lãnh đạo hỗ trợ và linh động theo từng mùa, từng gói sản phẩm/ chương trình làm khách hàng hài lòng như: A la carte tặng phiếu món ăn sử dụng cho lần sau, Tiệc cưới & Hội nghị xây gói sản phẩm ưu đãi như tặng trang trí tiệc, tặng bàn tiệc, miễn phí phục vụ bia trong tiệc, trọn gói tiệc cưới tại nhà giá rẻ tại khu vực Bến Tre,…
- Thực hiện các chuyến Sales Trip tại các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Vũng Tàu, TP.HCM, Bến Tre, Phan Thiết, Tiền Giang, Vĩnh Long, Cần Thơ,… khai thác khách hàng mới và chăm sóc khách hàng.
- Tăng cường liên kết, hợp tác với các Studio, Công ty, để đẩy mạnh doanh thu Tiệc, Tiệc cưới cho Trung tâm Hội nghị/ Nhà hàng, đặt được các Standee, Banner, Leaflet tại các đối tác này.

## NHÓM LỮ HÀNH

- Trung tâm lữ hành trong năm vừa qua tăng cường nguồn khai khác khách từ bên ngoài hệ thống, ước tính tỷ trọng doanh thu khách hàng ngoài chiếm 90%, đây là một bước phát triển mạnh ra thị trường bên ngoài. Bên cạnh đó phát triển các Tour liên kết các điểm kinh doanh dịch vụ, tiện ích chất lượng mang tính toàn diện TTC Travel, trong đó chú trọng ưu tiên liên kết các khách sạn, nhà hàng, điểm tham quan trong hệ thống,… như các chương trình du lịch: Bến Tre – Cần Thơ, Đà Lạt, Nha Trang, Phan Thiết, Ninh Chữ, Hội An, Hàm Thuận Nam…
- Hoàn thiện bộ sản phẩm Outbound tập trung các tuyến theo xu hướng đang được ưa chuộng: Hàn Quốc, Đài Loan, Cổ Trấn, Lệ Giang (Trung Quốc), Nhật Bản, Mỹ, Thổ Nhĩ Kỳ, Dubai, Bhutan, Mông Cổ, Indonesia (Bali), Thái Lan, Singapore và Malaysia. Cung cấp đa dạng hơn các sản phẩm nước ngoài: Tour Corp (đoàn), Tour định kỳ, Tour riêng, Easy Go Combo, Visa. Quảng bá và tiếp thị các sản phẩm và chiến dịch khuyến mãi ưu đãi rộng rãi, liên kết tốt hơn với các Hãng hàng không, các Hiệp hội và các Công ty du lịch.
- Phát triển các chương trình Tour sông nước miền Tây như Khám phá nét đẹp Sông Tiền, Huyền Thoại Sông Ba Lai, Khám phá xứ dừa Bến Tre với đối tượng khách Inbound, khách thuộc khu vực/ địa phương khác (Hồ Chí Minh, Tây Nguyên, …)

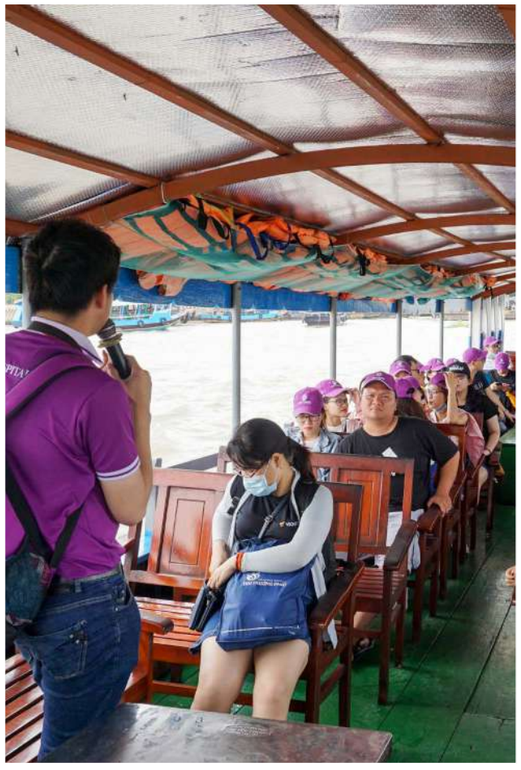





## NHÓM KHU VUI CHƠI

- Tổ chức các chương trình lớn, tạo điểm nhấn cho Khu vui chơi trong lòng du khách:

  **TTC World - Thung Lũng Tình Yêu:** Chương trình Valentine với chủ đề "Đưa em về thanh xuân"; Chương trình ưu đãi trong ngày Quốc tế phụ nữ, chương trình ưu đãi trong thời gian đầu vận hành gói vé mới, Quốc tế thiếu nhi và đặc biệt là Chiến dịch Sắc màu mùa hè, Chương trình ưu đãi ngày Phụ nữ Việt Nam, Chương trình Halloween, Combo Mùa thu gồm Trọn gói tham quan và trà chiều, Combo vé tham quan và Buffet trưa và các chương trình ưu đãi dành cho khách sạn, taxi, người dân địa phương, học sinh, sinh viên, giáo viên và người cao tuổi.

  **TTC World - Tà Cú:** Chương trình ưu đãi Valentine, ưu đãi trong ngày Quốc tế phụ nữ; Chương trình Phiên Chợ Quê; Chương trình giảm giá cho booking online; Chương trình Happy Hour giảm giá khung giờ vàng (giảm 50% giá vé cho khách đi sau 15h00); Chương trình Top Account cho khách hàng tiềm năng, chương trình giảm giá cáp treo cho khách sử dụng dịch vụ ẩm thực liên tục 2 buổi/ ngày hoặc 2 lượt/ đoàn; Chương trình Combo Buffet chay vào các ngày rằm, mùng 1; Combo Buffet Mặn; Chương trình gói Combo Buffet và Combo (Cáp treo và Ăn nhẹ) cho khách Inbound tại các Resort ở khu vực Mũi Né và Tiến Thành mùa thấp điểm.

- Ký kết Hợp đồng với một số đối tác lớn đưa khách sử dụng dịch vụ:

  Tại **TTC World - Thung Lũng Tình Yêu** ký hợp đồng với một số đối tác lớn như: Phong Cách Việt, Saigontourism, Sài Gòn Việt, Dalattourist, Anex. Đồng thời phát triển được nguồn khách nước ngoài đến từ Hàn Quốc, Nga, Thái Lan, Trung Quốc, Malaysia,…sử dụng dịch vụ vé tham quan.

  Tại **TTC World - Tà Cú** ký kết hợp đồng với các đối tác lớn chuyên khách Nga: Anex, Pegas và các Resort, Văn phòng đại diện tại các khu vực Mũi Né, Phan Thiết, Tiến Thành; Tiếp tục mở rộng để ký kết hợp đồng năm với các đối tác Top Account TA.

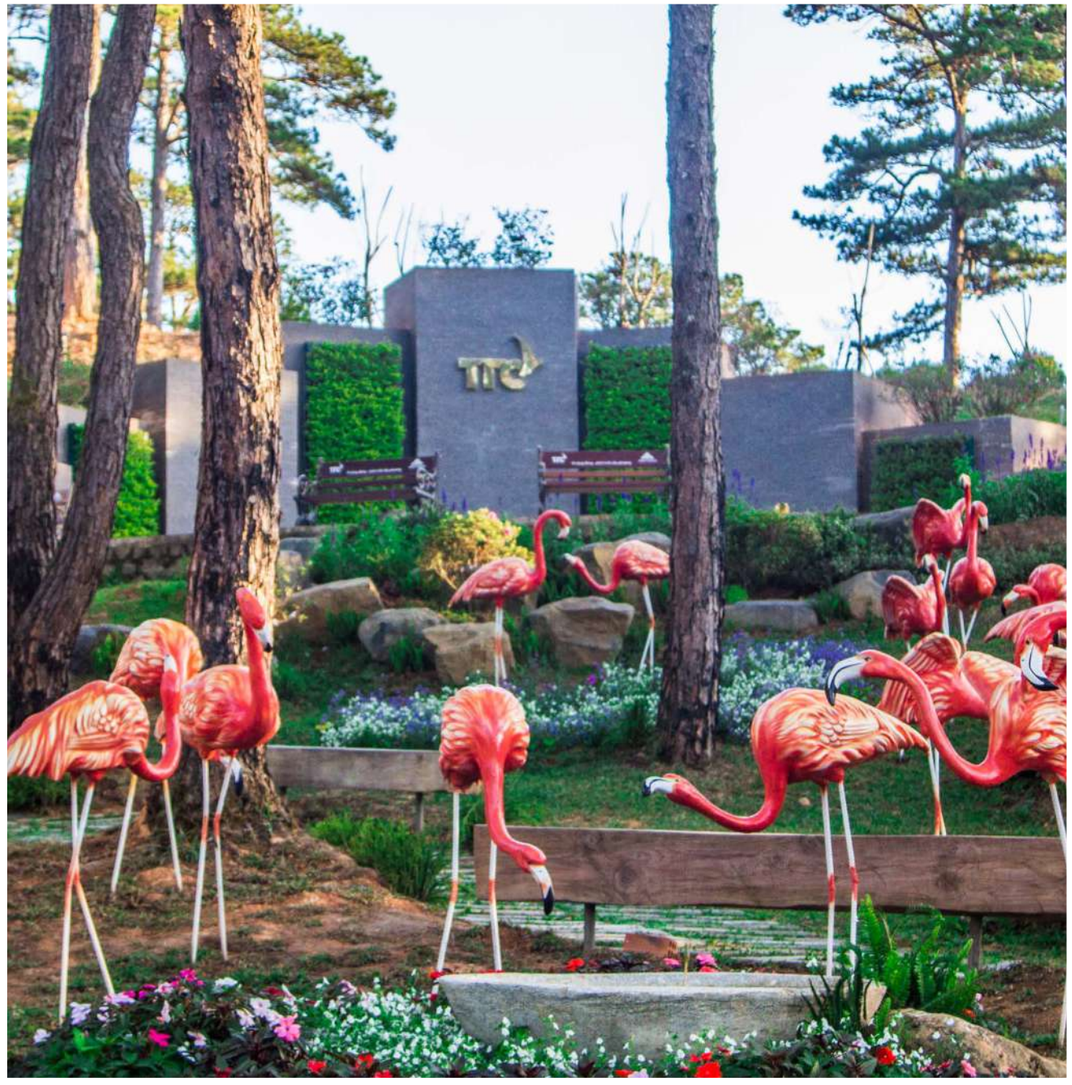

# BÁO CÁO CÁC KHỐI

## 01 | CÁC HOẠT ĐỘNG MARKETING NỔI BẬT

### 1.1 | NHỮNG SỰ KIỆN TIÊU BIỂU

- **Sự kiện:**

  Chương trình dịp lễ, tết: Tết dương lịch, âm lịch, Valentine, 8/3, 30/4 – 01/5 tại các Đơn vị.

  Giải việt dã "Cùng TTC Chạy Vì Sức Khỏe Cộng Đồng" tại Bến Tre, Ninh Thuận, Bình Thuận và Khánh Hòa.

  Tham gia các hội chợ lớn trong nước như Hội chợ Du lịch quốc tế TRAVEX (tháng 1).

  Ngày hội Du lịch TP.HCM (tháng 3), Hội chợ du lịch quốc tế Việt Nam VITM (tháng 4).

  Hội chợ Du Lịch ITE (tháng 9) và Hội chợ Du Lịch Đà Nẵng DTA (tháng 10) nhằm quảng bá thương hiệu TTC Hospitality và mở rộng thị trường khách hàng.

  Đồng thời, Ngành cũng đã có mặt tại Úc để tham gia Roadshow 2019, đưa thương hiệu của TTC Hospitality đến nhiều quốc gia trên thế giới.

- **Quảng cáo:**

  Lên kế hoạch đi bài, quảng cáo các sản phẩm dịch vụ của Đơn vị trên các trang online: Facebook, Website, Google… thu hút sự quan tâm, tìm hiểu của các khách hàng, đối tác tiềm năng.

  Chụp bộ ảnh mới cho TTC Hotel - Dốc Lết, TTC Hotel - Hội An, TTC Hotel - Cần Thơ, TTC World - Tà Cú, TTC Palace - Bình Thuận,TTC Palace - Bến Tre. Tiến hành quay Dốc Lết và dựng clip quảng cáo, quay và dựng clip giới thiệu các Đơn vị tại Đà Lạt và thiết kế các chương trình quảng cáo cho các Đơn vị khi chạy các chương trình, sản phẩm mới (Gói 250K, Happy Family, All Inclusive cùng chương trình tiệc cưới bãi biển, Vầng trăng cổ nhạc, Chốt tiệc trong 24h, Chốt tiệc nhanh nhận voucher nghỉ dưỡng,…).

  **Giải thưởng:**

  + Đã gia hạn thành viên của Hiệp hội Công viên giải trí và Điểm tham quan quốc tế IAAPA (The International Association of Amusement Parks and Attractions).
  + Tham gia và đạt 02 giải thưởng uy tín: Khách sạn có khách đặt phòng trực tuyến nhiều nhất cho TTC Hotel - Ngọc Lan, Top 10 khách sạn 3 sao hàng đầu TP.HCM cho TTC Hotel - Airport.
  + TripAdvisor Travelers' Choice Award 2019 (Certificate of Excellence): TTC World - Thung lũng Tình yêu, TTC Hotel - Michelia, TTC Hotel - Đà Lạt, TTC Hotel - Cần Thơ
  + The Guide Awards 2019: TTC World - Thung lũng Tình yêu,
  + Agoda 2019 Customer Review Award: TTC Hotel – Hội An
  + Khách sạn 4 sao tốt nhất Việt Nam 2019: TTC Hotel - Cần Thơ

**Hợp tác phát triển** các hạng mục liên quan đến Thẻ đồng thương hiệu OCB, các hạng mục liên quan đến hợp tác với PNJ. Sau khi hợp tác với Grab Food, tiếp tục mở rộng các hướng hợp tác khác như Điểm Booking Grab để cùng chia lợi nhuận và cộng hưởng thương hiệu giữa Grab và TTC Hospitality.

## THAM GIA HỘI CHỢ

**Tháng 01**

**Hội chợ Du lịch quốc tế TRAVEX 2019**
trong khuôn khổ **Diễn đàn Du lịch Asean (ATF 2019)**

**Tháng 03**

**Hội chợ quốc tế VITM**
tại Hà Nội

**Tháng 10**

**Giới thiệu du lịch Việt Nam**
tại Úc

**Tháng 10**

**Ngày hội Du lịch**
Đà Nẵng - DTA 2019

**Ngày hội Du lịch**
tại công viên 23.9 - TPHCM

## TÀI TRỢ

Tài trợ giải Việt dã
tại các tỉnh, thành:
**Bến Tre, Ninh Thuận, Bình Thuận, Nha Trang, Cần Thơ, Đà Lạt.**

01

**Tài trợ Festival hoa Đà Lạt 2019**

02

# 1.2 | CÁC SẢN PHẨM MỚI

## LƯU TRÚ

- Các khách sạn/ resort khai thác các gói sản phẩm mang tính tập trung phù hợp với phân khúc khách hàng và mang tính đồng nhất của thương hiệu TTC Hospitality: gói Happy Family thực hiện ở TTC Hotel - Cần Thơ, TTC Hotel - Phan Thiết, TTC Hotel - Ngọc Lan, TTC Hotel - Đà Lạt; gói All inclusive tại TTC Resort- Kê Gà, TTC Resort - Ninh Thuận, TTC Hotel - Michelia, v.v…
- Tăng cường các dịch vụ bổ trợ cho khách khi nghỉ dưỡng tại khách sạn/ resort như phục vụ ăn sáng tại hồ bơi, khu vực vui chơi cho trẻ em (dành cho đối tượng khách gia đình), tạo thêm nhiều tiểu cảnh check-in thu hút du khách…

## KHU VUI CHƠI

- Phát triển từng khu vui chơi theo đặc trưng của mỗi khu vực: TTC World – Tà Cú phát triển theo hướng du lịch tâm linh; TTC World – Thung lũng Tình yêu tăng cường các dịch vụ, tiện ích phục vụ đối tượng khách đoàn, khách gia đình và người trẻ…
- Tổ chức nhiều sự kiện thu hút khách như: Valentine hàng năm, Carnival Sắc màu tình yêu, exBEERience, biểu diễn acoustic… tại TTC World – Thung Lũng Tình Yêu.
- Đưa vào hàng loạt tiểu cảnh theo xu hướng phục vụ nhu cầu chụp hình check-in của du khách như cầu thang vô cực, vườn hoa hướng dương, cây ước nguyện, vườn hồng hạc… tại TTC World – Tà Cú; khu trưng bày tượng sáp, chợ xổm, khu phố cổ Hội An, bàn cờ khổng lồ… tại TTC World – Thung Lũng Tình Yêu.
- Tập trung bán sản phẩm trọn gói All Inclusive: gói All Inclusive 250.000đ của TTC World – Thung Lũng Tình Yêu, gói tham quan và cáp treo khứ hồi tại TTC World – Tà Cú.

## TRUNG TÂM HỘI NGHỊ - NHÀ HÀNG

- Chương trình Món ngon TTC tổ chức định kỳ nhằm khuyến khích các đầu bếp TTC Hospitality sáng tạo ra các món ăn đặc trưng vùng miền đưa vào thực đơn món ngon TTC.
- Quảng bá các món ăn đặc trưng vùng miền như các món ăn chế biến từ dừa tại TTC - Nhà hàng Nổi.
- Tặng voucher nghỉ dưỡng tại hệ thống khách sạn/ resort TTC Hospitality để thu hút, tri ân khách hàng và giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ khác trong hệ thống TTC Hospitality.

## LỮ HÀNH

- Phát triển các tour liên kết các điểm kinh doanh dịch vụ, tiện ích của TTC Hospitality, trong đó ưu tiên liên kết các khách sạn, nhà hàng, điểm tham quan trong hệ thống… như các chương trình du lịch Bến Tre – Cần Thơ, Đà Lạt, Nha Trang, Phan Thiết, Ninh Chữ, Hội An, Hàm Thuận Nam…
- Hoàn thiện gói sản phẩm outbound được ưa chuộng như Hàn Quốc, Đài Loan, Phượng Hoàng Cổ Trấn…
- Phát triển các tour sông nước miền Tây như Huyền thoại sông Ba Lai, khám phá xứ Dừa Bến Tre…

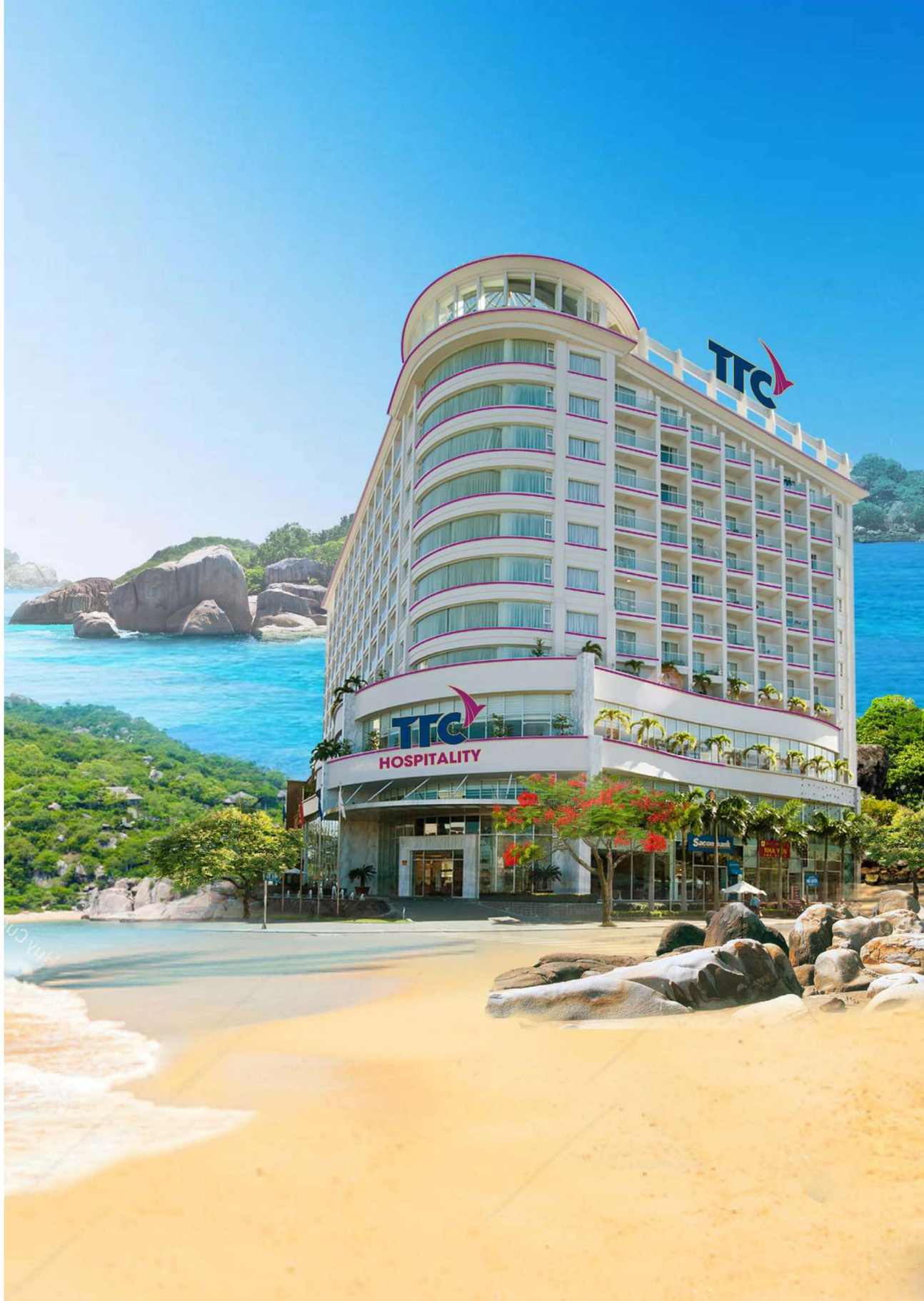

## 1.3 | CÁC GIẢI THƯỞNG

### TTC HOTEL – NGỌC LAN

**Giải thưởng**: Khách sạn tiêu biểu 2018

**Danh hiệu**: Khách sạn có khách đặt phòng trực tuyến nhiều nhất 2018

### TTC WORLD – THUNG LŨNG TÌNH YÊU
### TTC HOTEL – ĐÀ LẠT | TTC HOTEL – MICHELIA.

**Danh hiệu**: Chứng chỉ dịch vụ xuất sắc từ Tripadvisor

### TTC HOTEL – CẦN THƠ

**Giải thưởng**: Du lịch Việt Nam - Vietnam Tourism Awards

**Danh hiệu**: Khách sạn 4 sao tốt nhất Việt Nam.

### TTC HOTEL – HỘI AN

**Giải thưởng**: Guest Review Awards từ Agoda

**Giải thưởng**: Loved by Guests Award từ Hotels.com

### TTC HOTEL – AIRPORT

**Giải thương:** Thương hiệu du lịch hàng đầu TPHCM 2018

**Danh hiệu**: Khách sạn 3 sao hàng đầu

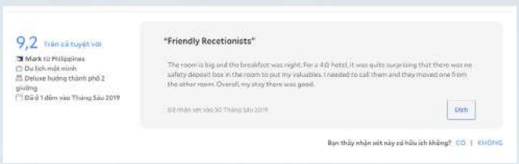


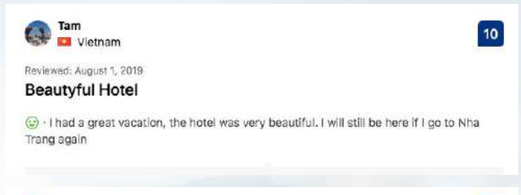

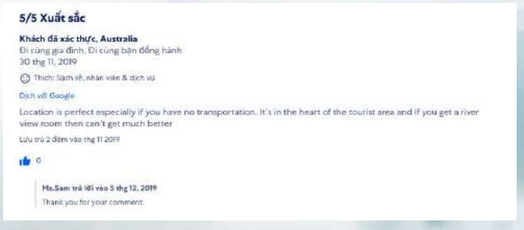

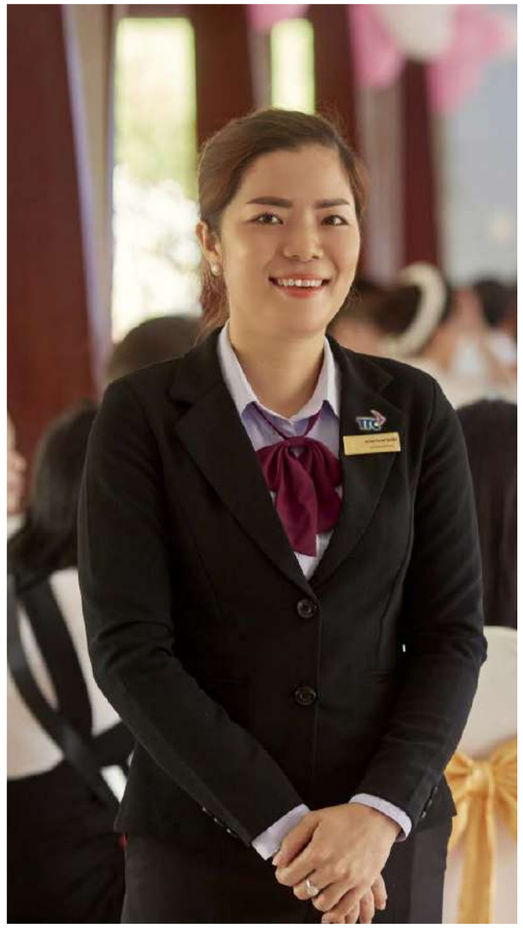

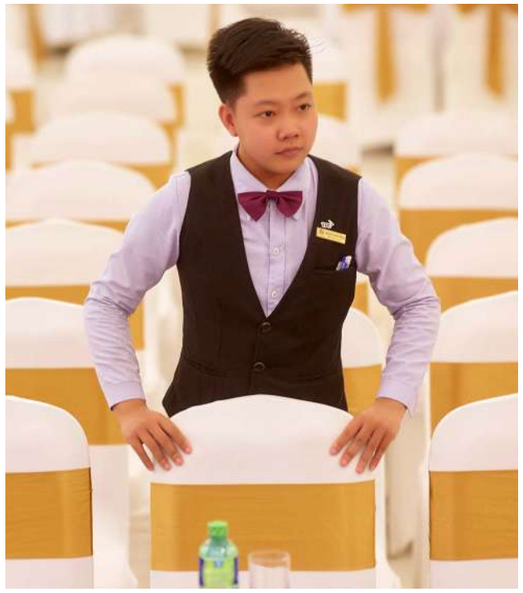

# 02 | CÔNG TÁC CÁC KHỐI HỖ TRỢ

## CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

- Chuẩn hóa CCDC toàn Ngành: tiến hành chuẩn hóa CCDC của các bộ phận phục vụ trực tiếp (Bộ phận Nhà hàng, Bếp, Buồng phòng).
- Đánh giá hiện trạng và xây dựng giải pháp dịch vụ - hoạt động cho các bộ phận phục vụ trực tiếp (Bộ phận Lễ tân, Nhà hàng, Bếp, Buồng phòng) tại TTC Resort Kê Gà, Ninh Thuận, TTC Hotel Hội An, Phan Thiết và Michelia. Đánh giá hiện trạng và đưa ra các đề xuất cho hệ thống máy móc thiết bị chính tại Hội An, Phan Thiết, Michelia, Kê Gà và Trung tâm Giặt Ủi.
- Xây dựng bộ thực đơn chung cho từng khu vực trong hệ thống toàn Ngành và xây dựng bộ Cẩm nang toàn Ngành cho các bộ phận phục vụ trực tiếp (Bộ phận Lễ tân, Nhà hàng, Bếp, Buồng phòng).
- Xây dựng kênh kiểm soát từ xa bằng hình ảnh để kiểm soát và duy trì chất lượng dịch vụ, tiếp nhận các phản hồi của khách hàng, phối hợp cùng Đơn vị xử lý các phản hồi. Đồng thời phối hợp cùng Phòng Quản lý hệ thống thực hiện chương trình lấy ý kiến khách hàng trực tuyến.

## CÔNG TÁC CHÍNH SÁCH PHÁP CHẾ

- **Công tác chính sách:**

  Đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty, Sơ đồ tổ chức, hệ thống cấp bậc, chức vụ cho toàn Ngành, Chính sách Kinh doanh, Quy chế mua sắm; Đã soát xét và ban hành lại Văn bản lập quy hỗ trợ các Đơn vị: Quy định Kiểm soát Định mức chi phí, Quy định đánh giá NCC, Quy định quản lý NVL, Quy chế QR code, Quy trình xe vận chuyển, bộ VBLQ của CLDV.

- **Công tác pháp chế:**

  Về xây dựng phân công, ủy quyền: Triển khai việc phân công, phân quyền, ủy quyền cho Ban lãnh đạo Công ty, trưởng các Đơn vị tại Công ty và các Công ty con phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế tại Công ty; Hỗ trợ các Đơn vị trong quá trình vận hành Bộ phân công phân quyền trong trình ký EOffice.

  **Về thực hiện các thủ tục pháp lý:**

  * Hoàn tất thực hiện các thủ tục niêm yết bổ sung cổ phiếu từ việc M&A Công ty CP Du Lịch Thắng Lợi, hỗ trợ đổi tên thành Công ty TNHH Du lịch TTC, cập nhật thông tin liên quan và tăng vốn. Thực hiện các thủ tục hồ sơ nhận sáp Công ty CP Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng, cũng như đã hoàn tất việc tăng vốn, lưu ký và niêm yết bổ sung đối với số cổ phần phát hành để hoán đổi.
  * Ký hợp đồng Hợp tác kinh doanh với đầu tư xây dựng Dự án Cầu Đáy Kính tại KDL TTC World - Thung Lũng Tình Yêu, hiện Dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của cơ quan có thẩm quyền; Hoàn tất hỗ trợ việc nhập các Tượng sáp vị nhân đồng thời thực hiện các thủ tục để đưa vào trưng bày tại KDL TYMM.
  * Ban hành lại Nội quy lao động toàn Ngành theo định hướng của Ban Lãnh đạo và đảm bảo đúng quy định Pháp luật.

  **Về Hợp đồng:** Đã thẩm định cho các công ty ngành du lịch hơn 900 hợp đồng mua sắm, hợp đồng cung cấp dịch vụ, hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng thi công dự án… Kiểm tra, rà soát, tư vấn các hợp đồng liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và đảm bảo tốt nhất quyền lợi của Công ty; Tham vấn ý kiến cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và phòng ban các quy định pháp luật trong quá trình hoạt động, kinh doanh, điều hành; Soát xét bộ hợp đồng mẫu kinh doanh toàn Ngành theo định hướng và chính sách hiện nay.





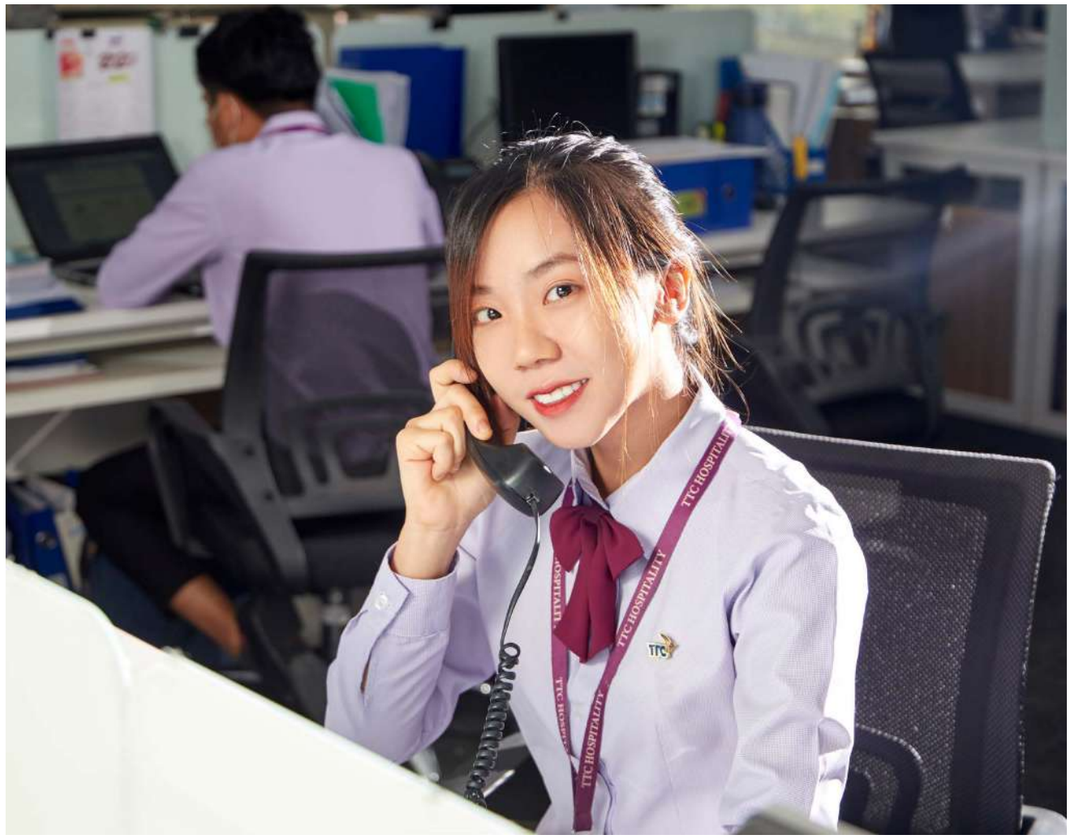


## CÔNG TÁC QUẢN LÝ HỆ THỐNG

- **Ứng dụng:**

  Hoàn tất ứng dụng các phần mềm đồng bộ trong hệ thống như hoàn tất xây dựng lại cấu trúc Master lĩnh vực mua sắm toàn Ngành, hoàn tất triển khai công văn trên E-Office (không còn ký giấy tại Văn Phòng), hoàn tất triển khai chấm công tích hợp E-Office (không còn giải trình giấy tại Văn Phòng), hoàn tất triển khai phần mềm Quản lý tài sản.

  Phần mềm BI đã hoàn tất thiết kế và đưa vào vận hành Bộ Dashboard BI Kinh doanh nhằm quản trị kinh doanh ngành và Bộ Dashboard BI Tài chính nhằm quản trị tài chính ngành, đây là công cụ hỗ trợ phân tích và quản lý, kiểm soát doanh thu, chi phí, lợi nhuận ngành.

  Hoàn tất triển khai phần mềm QRCode tại 3 khu vui chơi TTC World - Thung Lũng Tình Yêu, TTC World - Tà Cú và TTC Wold - Dốc Lết, tiếp tục vận hành và giám sát tuân thủ chính giá trên hệ thống.

  Triển khai phần mềm Hearme – Khảo sát khách hàng, đã hoàn tất triển khai tại TTC Hotel - Phan Thiết với 3 Kiosk và khảo sát qua quét mã QRCode.

  Phần mềm ERP BO Gihotech: Triển khai đưa vào vận hành Báo cáo doanh thu, Báo cáo theo dõi kế hoạch ngân sách, Báo cáo hợp cộng và đang triển khai Báo cáo hợp nhất ngành. Thực hiện các báo cáo tập trung tại TTC Hosptality, xuất trực tiếp từ hệ thống, giảm 1/3 số lượng báo cáo thủ công hiện tại.

  Hóa đơn điện tử: Đã triển khai chính thức cho các Outlet/Công ty con của TTC Hospitality theo đúng quy định.

- **Hạ tầng Công nghệ thông tin:**

  Xây dựng bộ tiêu chuẩn vận hành hệ thống Công nghệ thông tin toàn Ngành (Server, Wifi, Firewall, mạng LAN, Backup và phục hồi dữ liệu, kết nối VPN toàn Ngành), triển khai bộ tiêu chuẩn xuống tất cả Outlet.

  Triển khai nâng cấp hạ tầng Công nghệ thông tin (Wifi, camera, mạng LAN): TTC Resort - Ninh Thuận, TTC Palace - Bến Tre, TTC Hotel - Hội An, TTC Hotel - Michelia, TTC Hotel - Cần Thơ, TTC Hotel - Phan Thiết, TTC Resort - Kê Gà, TTC World - Tà Cú, TTC World – Thung lũng Tình yêu để đáp ứng tiêu chuẩn để đưa vào hoạt động kinh doanh.

  Triển khai hạ tầng Công nghệ thông tin theo dự án xây dựng mở rộng kinh doanh: Tầng 12 Khách sạn TTC Hotel - Michelia, Nhà Hàng Hải Sản – Bình Thuận, Nhà Hàng Nướng – Cần Thơ, TTC Resort - Dốc Lết, TTC Resort - Ninh Thuận.

## CÔNG TÁC HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ

- **Công tác Hành chính:**

  Công tác hành chính: Chuẩn hóa đồng phục và ban hành định mức trang bị đồng phục toàn Ngành (Quần áo, mũ, kẹp tóc, giày...); Xây dựng định mức hỗ trợ xăng xe, điện thoại cho các chức danh toàn hệ thống.

- **Công tác Mua hàng:**

  Thường xuyên đánh giá, cập nhật danh mục Nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ đảm bảo công tác mua sắm toàn Ngành hiệu quả, chất lượng, tiết giảm chi phí; Tổ chức công tác Mua hàng tập trung tại khu vực đối với mặt hàng thực phẩm theo đó các Khu vực thực hiện mua hàng thực phẩm tập trung hàng ngày theo danh mục NCC do công ty chọn lựa và thực hiện rà soát định kỳ hàng tháng nhằm tối ưu chi phí mua sắm thực phẩm toàn Ngành; Tổ chức mua hàng Tập trung đối với một số mặt hàng hóa, dịch vụ từ đó đề xuất phân quyền phê duyệt E-Office cho lãnh đạo khu vực và Đơn vị; Đã triển khai công tác mua hàng tập trung toàn Ngành đối với các mặt hàng: Đồng phục, sành sứ, thủy tinh, Inox, Giấy, Thực phẩm, Dịch vụ kiểm định thiết bị, Dịch vụ thu gom rác thải nguy hại; Dịch vụ xử lý côn trùng.

- **Công tác Quản lý tài sản:**

  Đã triển khai công tác cập nhật Phần mềm Quản lý tài sản và triển khai dán mã TS – CCDC toàn Ngành. Thực hiện kiểm tra, đánh giá công tác bảo trì, bảo dưỡng Tài sản, hệ thống máy móc thiết bị định kỳ.

## CÔNG TÁC KẾ TOÁN, KẾ HOẠCH VÀ TÀI CHÍNH

- **Công tác Kế toán**

  Hoàn tất công tác M&A Công ty CP DL Thành Thành Công Lâm Đồng, tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Du lịch TTC, và phối hợp triển khai phát hành cổ phiếu cho CBNV (ESOP).

  Báo cáo đầy đủ, kịp thời và đúng quy định công bố Báo cáo tài chính cho Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và quy định kế toán Việt Nam.

  Hoàn tất công tác xây dựng mã COA IFRS làm nền tảng chuyển đổi Báo cáo tài chính từ VAS sang IFRS trong năm 2020 – 2021.

  Thực hiện triển khai hóa đơn điện tử các Đơn vị trong Ngành.

  Thực hiện quyết toán thuế đến năm 2018 Công ty TNHH Du lịch TTC và Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng. Các Công ty còn lại trong ngành đã thực hiện quyết toán thuế đến năm 2017.

- **Công tác Kế hoạch**

  Triển khai xây dựng mục tiêu, kế hoạch ngân sách, theo dõi và giám sát việc thực hiện kế hoạch thông qua thực hiện các báo cáo, kịp thời đưa ra các ý kiến tham mưu cho ban lãnh đạo.

  Thực hiện tính giá thành từng Đơn vị sản phẩm để theo dõi, đánh giá hoạt động từng mảng doanh thu, chi phí để hoàn thiện khung Benchmark của ngành căn cứ để xây dựng KHNS năm 2020.

- **Công tác Tài chính**

  Cân đối dòng tiền đảm bảo tính thanh khoản của toàn Ngành: Làm việc với các tổ chức tín dụng trong nước và ngoài nước, bổ sung thêm 136 tỷ đồng hạn mức ngắn hạn và dài hạn trong năm 2019, đồng thời mở rộng hợp tác với các ngân hàng OCB, VCB, VTB,…

  Kiểm soát dư nợ vay, cho vay của các Đơn vị, Công ty. Đồng thời lập các kế hoạch vay vốn, huy động vốn đáp ứng nhu cầu vốn cho các dự án đầu tư.

  Thực hiện báo cáo thu chi hàng ngày, dòng tiền tuần, tháng, năm, điều phối dòng tiền các Đơn vị trong ngành đảm bảo được tính thanh khoản của ngành.

## CÔNG TÁC R&D

- Nghiên cứu nắm bắt nhu cầu của khách hàng, bổ sung dịch vụ tiện ích trong khu nghỉ dưỡng, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Nghiên cứu thị phần, đối thủ cạnh tranh, kịp thời hỗ trợ ban tổng giám đốc đưa ra những quyết định về chính sách kinh doanh…
- Đánh giá từng hạng mục đầu tư, tìm rõ mặt được và chưa được nhằm đưa những giải pháp cải tiến phù hợp với nhu cầu thị trường…
- Phân tích tiềm năng thị trường, hỗ trợ đưa ra chiến lược mua bán dự án, đầu tư xây dựng, đánh giá năng lực nhà thầu, nhà cung cấp…

## CÔNG TÁC QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ (IR):

- Chuẩn bị những tài liệu, nội dung cần thiết để cung cấp cho các nhà đầu tư (Teaser, IM, Profile…).
- Tổ chức thành công các sự kiện quan hệ nhà đầu tư với sự tham gia của các nhà môi giới và chuyên gia phân tích chứng khoán, các sự kiện này đã giới thiệu cổ phiếu VNG đến môi trường đầu tư, thông qua đó thu hút nhiều hơn sự quan tâm đến TTC Hospitality nói chung và cổ phiếu VNG nói riêng.
- Thông tin của TTC Hospitality và cổ phiếu VNG được đăng tải nhiều hơn trên các phương tiện truyền thông đại chúng bằng các diễn giải báo cáo tài chính, các thông cáo báo chí, hay tham gia các sự kiện nhà đầu tư. Ngoài ra, các thông tin quản trị, giao dịch cổ phiếu cũng được thường xuyên cập nhật kịp thời trên Website Công ty.
- Hoạt động tiếp xúc, tìm kiếm nhà đầu tư bước đầu cũng đã được những kết quả nhất định. Tuy vẫn chưa tìm được đối tác đầu tư cụ thể, nhưng thông qua trao đổi, tiếp xúc các nhà đầu tư, Bộ phận IR cũng đã rút kết và định hướng được đối tượng, đối tác đầu tư trong thời gian tới.

# HOẠT ĐỘNG SỰ KIỆN NỔI BẬT

## 01 | TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

### LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Hoạt động trên 4 lĩnh vực chính bao gồm: lưu trú, trung tâm hội nghị/ nhà hàng, khu vui chơi và lữ hành, TTC Hospitality luôn đảm bảo tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường và hạn chế tối đa các tác động không mong muốn gây ảnh hưởng đến môi trường. Vì vậy, TTC Hospitality tập trung hướng đến việc nâng cao hiểu biết, ý thức trách nhiệm bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu đến từng cán bộ nhân viên (CBNV).

#### NƯỚC SINH HOẠT, NƯỚC THẢI

- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống thoát nước và các trang thiết bị cấp nước để kịp thời khắc phục sự cố xảy ra, hạn chế tối đa việc thất thoát nước.
- Xây dựng đề án bảo vệ môi trường, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ (hệ thống khách sạn, nhà hàng…).

**Nước uống:**

- Dành cho cán bộ nhân viên: lắp đặt hệ thống xử lý nước để lọc và sử dụng trực tiếp từ nguồn nước máy. Nguồn nước được lọc qua hệ thống RO, diệt khuẩn bằng ozone đèn UV phù hợp với QCVN 6-1:2010/BYT.
- Dành cho khách: sử dụng các chai nước có dung tích nhỏ được cung cấp bởi công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hoà, nước uống tinh khiết được xử lý qua hệ thống thẩm thấu ngược khi chưng cất đường.

#### NĂNG LƯỢNG

Điện năng được sử dụng cho việc thắp sáng, sử dụng các thiết bị văn phòng, điều hoà nhiệt độ; xăng dầu phục vụ xe đưa đón CBNV, chạy máy phát điện khi mất điện; gas nấu nướng tại các nhà hàng… Đồng thời, TTC Hospitality triển khai nhiều biện pháp tiết kiệm năng lượng:

- Tận dụng tối đa ánh sáng tự nhiên, tập trung chiếu sáng khu vực làm việc, hạn chế chiếu sáng chung cho văn phòng hoặc văn phòng được chiếu sáng ở mức thấp. Ngoài ra, các loại đèn được sử dụng có hiệu suất cao, giảm điện áp, tiết kiệm điện năng. Tất cả hệ thống chiếu sáng được bảo dưỡng định kỳ.
- Ban hành các văn bản hướng dẫn về định mức tiêu thụ nhiên liệu của xe, hướng dẫn vận hành và bảo trì máy phát điện, hướng dẫn an toàn sử dụng gas trong bếp…
- Đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời tại các địa điểm kinh doanh nhằm hạn chế sử dụng năng lượng điện.

#### GIẤY, MỰC IN VÀ VĂN PHÒNG PHẨM

TTC Hospitality thực hiện nhiều biện pháp tiết kiệm và góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường thông qua:

- Xây dựng định mức sử dụng văn phòng phẩm cho từng phòng ban.
- Số hoá các tài liệu sao lưu thay vì lưu văn bản cứng; các văn bản, quy trình nội bộ được in 2 mặt.
- Đưa vào vận hành hệ thống trình duyệt EO (Eoffice) nhằm tiết kiệm giấy và thời gian trình ký vì tất cả thực hiện thông qua hệ thống trình duyệt điện tử.

#### VỆ SINH, RÁC THẢI SINH HOẠT

- Các địa điểm kinh doanh đều sử dụng dịch vụ thu gom rác sinh hoạt, phân loại các loại rác thải sinh hoạt, công nghiệp, y tế…
- Từng bước thay thế các vật dụng, bao bì trong khách sạn từ nhựa sang các chất liệu thân thiện môi trường, ví dụ như: các bao bì xà bông, tăm bông… trong khách sạn làm bằng giấy thay vì nylon; sử dụng ống hút giấy thay thế ống hút nhựa; các mặt hàng mang đi cũng được làm bằng giấy với thiết kế đẹp mắt…
- hứ Hai đầu tiên của mỗi tháng, CBNV đều tham gia dọn dẹp vệ sinh tại đơn vị nhằm giữ gìn vệ sinh chung tại khu vực làm việc và nêu cao tinh thần tập thể, hưởng ứng việc bảo vệ môi trường.

### LIÊN QUAN ĐẾN XÃ HỘI

Các hoạt động đều hướng đến việc đảm bảo các lợi ích cho CBNV và khách hàng, cụ thể:

- Đào tạo kỹ năng CBNV: thông qua các chương trình đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ nhằm nâng cao chuyên môn, ý thức trách nhiệm trong công việc cho CBNV để phục vụ khách hàng tốt hơn.
- Các cuộc thi: tổ chức các cuộc thi tay nghề theo từng bộ phận nhằm tạo sân chơi, cơ hội giao lưu nghề nghiệp cho các CBNV trong hệ thống, từ đó chọn lọc được những nhân sự ưu tú đào tào nhân sự kế thừa.
- Thường xuyên ghi nhận những đóng góp của khách hàng qua các website, fanpage nội bộ, đường dây nóng để có những phản hồi nhanh, thích đáng và khắc phục sai sót (nếu có) nhằm hướng đến nâng cao chất lượng dịch vụ.





## 02 | CÁC HOẠT ĐỘNG CSR & HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

### GIEO MẦM YÊU THƯƠNG

Tháng Bảy Âm lịch là khoảng thời gian để tri ân đấng sinh thành, tưởng nhớ tổ tiên; là tháng của chay tịnh và lòng vị tha; tháng của tâm hồn bình yên và trái tim rộng mở, dọn chỗ cho những yêu thương…

Đó là lí do vì sao hàng năm, TTC Hospitality chọn tháng Bảy để tổ chức chương trình "Hành trình tháng Bảy: Gieo mầm yêu thương". Chúng ta đã dành trọn 365 ngày cho công việc, vậy thì hãy để một ngày đặc biệt dành cho những hoạt động công ích và chia sẻ cùng những mảnh đời thiếu may mắn. Đôi khi, chỉ một bộ quần áo vừa lối mốt, vài gói bánh ngọt ăn vặt, vài hộp sữa cho bữa sáng, vài quyển vở thơm mùi giấy mới, những tờ lịch treo tường đã sử dụng… cũng có thể tạo ra phép màu làm thay đổi những cuộc đời.

Trong những năm qua, toàn thể CBNV của TTC Hospitality đều dành một ngày của tháng Bảy Âm lịch đến những mái ấm, trại mồ côi, viện dưỡng lão… để chia sẻ cùng những mảnh đời nơi đây.

Riêng năm 2019, TTC Hospitality thực hiện "Hành trình tháng Bảy: Gieo mầm yêu thương" tại 4 khu vực: Bến Tre, Bình Thuận, Ninh Thuận - Nha Trang và Lâm Đồng với nhiều hoạt động ý nghĩa. Cụ thể, khu vực Bến Tre đã trao hơn 400 phần quà cho Trung tâm Bảo trợ Xã hội Bến Tre và Trường Nuôi dạy trẻ Khuyết tật Bến Tre, làm lồng đèn trang trí cho các đơn vị của TTC Hospitality tại Bến Tre và tặng cho các em nhỏ tại địa phương; khu vực Bình Thuận cũng trao trên 50 phần quà đến Trung tâm Bảo trợ Xã hội Bình Thuận, phóng sinh cá và trồng cây xanh, quét dọn rác tại Núi Tà Cú; khu vực Ninh Thuận - Nha Trang đã dành dành hơn 60 phần quà cho Cơ sở Bảo trợ Xã hội Trần Châu và trồng cây xanh tại TTC Resort - Ninh Thuận; khu vực Lâm Đồng dành tiền quyên góp tặng cho các CBNV có hoàn cảnh khó khăn và trồng cây tại TTC World - Thung lũng Tình yêu. Quà tặng là những nhu yếu phẩm, những vật dụng cần thiết, dù không nhiều giá trị về hiện kim nhưng cũng góp phần gieo mầm và làm nảy nở niềm tin về sự yêu thương và những điều tốt đẹp trong cuộc sống.

Bắt đầu từ những điều bé nhỏ, nhưng sau hành trình, tâm hồn mỗi người như được gội rửa, trái tim được dọn dẹp để dành chỗ cho những yêu thương và tạo nên hành trình đầy ý nghĩa: "Hành trình tháng Bảy: Gieo mầm yêu thương".

### CÙNG TTC CHẠY VÌ SỨC KHOẺ CỘNG ĐỒNG

Nhận thức tầm quan trọng của thể dục thể thao với sức khỏe thể chất và tinh thần, TTC Hospitality đã đồng hành cùng phong trào Việt dã "Cùng TTC chạy vì sức khỏe cộng đồng" tại các tỉnh, thành có các đơn vị của TTC Hospitality trú đóng.

Năm 2019, TTC Hospitality tài trợ và đồng hành cùng các giải Việt dã truyền thống của các tỉnh, thành: Bến Tre (ngày 24.3), Ninh Thuận (ngày 31.3), Bình Thuận (ngày 21.4), thành phố Nha Trang (ngày 05.5) và thành phố Cần Thơ (ngày 28.9) với tổng chi phí tài trợ trên 1,3 tỷ đồng. Những địa phương này là nơi tọa lạc của các đơn vị trực thuộc TTC Hospitality như TTC Palace – Bến Tre, TTC Nhà hàng nổi Bến Tre, TTC – Nhà hàng Đồng Khởi 2, TTC - Khu ẩm thực Bến Tre, TTC Resort – Ninh Thuận, TTC Resort – Kê Gà , TTC Hotel – Phan Thiết, TTC Palace - Bình Thuận, TTC World – Tà Cú, TTC Hotel – Michelia, TTC Hotel – Cần Thơ.

"Cùng TTC chạy vì sức khoẻ cộng đồng" với sự tham gia chạy của các cán bộ chiến sĩ, lực lượng vũ trang, công nhân, viên chức, người cao tuổi, người lao động, học sinh, sinh viên, CBNV TTC Hospitality… đã góp phần lan toả và khuyến khích tinh thần thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe trong cộng đồng. Quan trọng hơn hết, một tinh thần minh mẫn chỉ có trong một thân thể khỏe mạnh, bất kì ai cũng cần có một sức khỏe tốt để giữ trí sáng, tâm vững đảm bảo học tập tốt, lao động tốt, từ đó góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đó cũng là tinh thần "chạy vì sức khỏe cộng đồng" của TTC Hospitality khi đồng hành cùng phong trào Việt dã tại các địa phương những năm qua.

# CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

TẦM NHÌN 2020 - 2025 ..... 64

CHIẾN LƯỢC 2020 ..... 66

# TẦM NHÌN 2020 - 2025

## DỰ ĐOÁN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG DU LỊCH VIỆT NAM (2020-2025):

Theo dự báo của Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh Tế - Xã Hội quốc gia (NCIF), Bộ Kế hoạch và Đầu tư, giai đoạn 2021 – 2025, tốc độ tăng trưởng GDP Việt Nam sẽ đạt khoảng 7%/ năm, kinh tế vĩ mô về cơ bản ổn định, lạm phát ở mức 3,5 - 4,5%/năm.

Kinh tế Việt Nam được dự báo có nhiều thuận lợi và khó khăn đan xen. Về mặt thuận lợi, sự phát triển của CMCN 4.0 và việc tham gia các FTA thế hệ mới như CPTPP và FTA Việt Nam – Liên minh châu Âu được kỳ vọng sẽ mang lại nhiều cơ hội phát triển kinh tế cho Việt Nam, thông qua việc mở rộng xuất Khẩu, đầu tư và ứng dụng khoa học công nghệ. Bên cạnh đó, sự chuyển đổi nhanh hơn của mô hình tăng trưởng theo hướng năng suất, chất lượng và hiệu quả, với động lực chính là khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo sẽ giúp duy trì mức tăng trưởng cao và ổn định cho nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới.

Năng suất lao động cải thiện hơn với tốc độ tăng khoảng 6,3%/năm. Với kết quả tăng trưởng này, đến năm 2025, GDP bình quân đầu người của Việt Nam sẽ đạt khoảng 4.688 USD, đưa Việt Nam gia nhập nhóm nước có thu nhập trung bình cao.

## XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Việt Nam đặt mục tiêu đón ít nhất 35 triệu lượt khách quốc tế và 120 triệu lượt khách nội địa, duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân khách quốc tế 12-14%/ năm, khách nội địa 6-7%/ năm. Từ đó, tổng thu từ khách du lịch đạt 1,7-1,8 triệu tỷ đồng (tương đương 77-80 tỷ USD), tăng trưởng bình quân 13-14%/ năm; đóng góp trực tiếp vào GDP đạt 12-14%. Đồng thời, ngành du lịch sẽ tạo ra khoảng 5,5-6 triệu việc làm, trong đó có 2 triệu việc làm trực tiếp, tăng trưởng bình quân 12-14%/ năm. Biện pháp thực hiện:

- Ưu tiên nguồn lực cho công tác quy hoạch, đào tạo nhân lực, nghiên cứu thị trường, xúc tiến, phát triển sản phẩm du lịch; phát triển du lịch cộng đồng; bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch; tiếp tục hoàn thiện chính sách tạo thuận lợi về nhập cảnh, xuất cảnh và đi lại cho khách du lịch quốc tế; tạo điều kiện cho các hãng hàng không trong nước và quốc tế mở các đường bay mới, trực tiếp kết nối Việt Nam với các thị trường du lịch trọng điểm và tiềm năng.
- Về phát triển kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, phát triển nhanh kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ; tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng giao thông tại các cụm du lịch, khu vực động lực phát triển du lịch, khu du lịch quốc gia và khu vực có tiềm năng du lịch; nâng cao khả năng kết nối giao thông tới khu du lịch, điểm du lịch; đầu tư điểm dừng, nghỉ trên các tuyến đường bộ.
- Nâng cấp, mở rộng, đẩy nhanh xây dựng mới các cảng hàng không; xây dựng cảng biển, cảng thủy nội địa chuyên dụng cho khách du lịch; cải thiện nhanh hạ tầng, chất lượng dịch vụ đường sắt để phát triển du lịch; đổi mới, hoàn thiện hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin, đẩy nhanh thực hiện quá trình chuyển đổi số trong ngành du lịch; số hóa các thông tin, tài liệu về điểm đến, xây dựng các kho nội dung số, hướng tới hình thành và phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh.
- Thu hút nguồn lực xã hội, nhà đầu tư có công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch, đặc biệt là cơ sở lưu trú, cơ sở vui chơi giải trí, khu nghỉ dưỡng phức hợp cao cấp, phù hợp với nhu cầu và xu hướng du lịch mới.
- Việt Nam, thị trường du lịch trực tuyến được dự báo sẽ tăng từ 2,2 tỷ USD (năm 2015) lên 9 tỷ USD (năm 2025). Đó là nguyên nhân chính giúp doanh thu từ mảng kinh doanh trực tuyến bùng nổ xu hướng đi du lịch tự túc đang ngày càng tăng. Các con số thống kê chỉ ra rằng, có đến 80% du khách thế giới chọn đi du lịch tự túc và tỷ lệ du khách Việt chọn hình thức này khi du lịch trong nước cũng tương tự.
- Theo Hội Lữ hành Ẩm thực thế giới, hiện có khoảng 25% du khách quan tâm đến ẩm thực du lịch. Còn báo cáo toàn cầu lần thứ hai về du lịch ẩm thực lại cho rằng, có 87% số tổ chức được điều tra xác định, du lịch ẩm thực là yếu tố chiến lược đối với điểm đến; 82% cho rằng, du lịch ẩm thực là động lực quan trọng cho phát triển du lịch, du lịch ẩm thực là chất xúc tác cho kinh tế địa phương và nhìn chung ẩm thực là nguyên nhân thứ 3, chỉ sau yếu tố văn hoá, điều kiện tự nhiên, ảnh hưởng quyết định đến điểm đến của du khách.

  Lữ hành: Việc ngày càng nhiều doanh nghiệp lữ hành "kết duyên" với công nghệ đã tạo làn sóng chuyển dịch giữa loại hình du lịch truyền thống và du lịch trực tuyến. Nếu như năm 2015, có đến 82% khách du lịch chọn đặt tour truyền thống, thì đến năm 2019, con số này chỉ còn gần 40%. Theo nghiên cứu của Hiệp hội Du lịch Việt Nam, 5 năm gần đây, du khách Việt tìm kiếm thông tin trên mạng tăng hơn 32 lần. Hiện, khoảng 90% du khách nội địa thực hiện việc tra cứu thông tin qua mạng. Trung bình mỗi tháng có hơn 5 triệu lượt tìm kiếm bằng tiếng Việt về các sản phẩm du lịch.

  Nhà hàng – khách sạn: Thu nhập trung bình của người dân sẽ tăng cao và việt nam là một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng tầng lớp trung lưu nhanh nhất thế giới, điều này sẽ đẩy những loại hình nghỉ dưỡng cao cấp phát triển, định vị lại toàn bộ sản phẩm du lịch biển đảo, du lịch nghỉ dưỡng, thường ngoạn sinh thái biển, vui chơi giải trí biển.

  Khu vui chơi: Hình thành những tổ hợp giải trí cao cấp như nghỉ dưỡng kết hợp giải trí, vui chơi nhiều tiện nghi, chất lượng với quy mô và vốn đầu tư lớn.
- Chú trọng du lịch cộng đồng, du lịch thân thiện với môi trường, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc vùng miền.

  Xây dựng những chương trình biểu diễn văn hóa quy mô lớn.

  F&B: cần đưa ẩm thực trở thành một loại hình du lịch. Khai thác và phát triển du lịch ẩm thực không chỉ bó hẹp trong vấn đề món ăn, thức uống, nhà hàng, hội chợ mà cần lưu ý cả nguồn gốc ẩm thực, việc sản xuất ẩm thực; các khía cạnh về lịch sử, nghi lễ, ứng xử liên quan đến ẩm thực. Đẩy mạnh việc tổ chức, tham gia các sự kiện quảng bá ẩm thực trong và ngoài nước, các cuộc thi chế biến món ăn; xây dựng các tiêu chí định hướng, bình chọn thương hiệu ẩm thực; có những giải pháp quy hoạch cụ thể, đồng bộ và chặt chẽ trong việc quản lý; nâng cao số lượng và chất lượng các tour du lịch, lớp học nấu ăn dành cho du khách; chuyên nghiệp hóa nguồn nhân lực ẩm thực, ngoài ra, nên tiến hành quy hoạch những khu ẩm thực đường phố chuyên phục vụ du khách.

# CHIẾN LƯỢC 2020

## DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ

Nền kinh tế thế giới dự báo tốc độ tăng trưởng 3,4% vào năm 2020 (IMF), cao hơn mức 3% năm 2019.

Triển vọng kinh tế Việt Nam nhìn chung thuận lợi, nhưng vẫn còn những rủi ro bất lợi do sức cầu bên ngoài giảm đi, biến động tài chính toàn cầu và tiến độ cải cách doanh nghiệp nhà nước và khu vực ngân hàng. GDP năm 2020 dự kiến tăng khoảng 6,8% là mức tăng hợp lý, bảo đảm sự hài hòa giữa mục tiêu tăng trưởng và kiểm chế lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế với tốc độ tăng giá tiêu dùng bình quân (CPI) dưới 4%.

Nhận định rõ tình hình thế giới và trong nước, Chính Phủ đề ra những chính sách, biện pháp nhằm khắc phục hạn chế, yếu kém còn tồn tại để đạt mục tiêu tăng trưởng đề ra.

## DỰ BÁO XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH

- Mục tiêu phát triển ngành Du lịch Việt Nam với định hướng trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, du lịch Việt Nam cần phấn đấu năm 2020 đạt chỉ tiêu đón khoảng 20,5 triệu lượt khách quốc tế.
- Để hoàn thành mục tiêu này, Ngành cần quyết liệt triển khai các giải pháp thu hút khách quốc tế ngay từ đầu năm và chủ động các giải pháp ứng phó kịp thời khi cần thiết. Một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện như sau:

Đổi mới nhận thức phát triển du lịch là ngành kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực, mang tính xã hội hoá cao; tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá du lịch; đẩy mạnh phối hợp công - tư, giữa Trung ương và Địa phương; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ.

Triển khai chương trình xúc tiến du lịch quốc gia, tập trung vào các thị trường trọng điểm, có khả năng tiếp tục tăng trưởng: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Tây Ban Nha, Nga, Mỹ,…

Tiếp tục đơn giản hoá, tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch; chú trọng phát triển nguồn nhân lực, tập trung đào tạo kỹ năng nghề cho lao động du lịch, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; đa dạng hoá thị trường du lịch, sản phẩm du lịch, tăng cường liên kết du lịch và đẩy mạnh xã hội hoá trong đầu tư cơ sở hạ tầng, dịch vụ du lịch.

Hệ thống cơ cở lưu trú phát triển mạnh, nhất là các cơ sở lưu trú hạng 4-5 sao. Trong lĩnh vực hàng không, với sự phát triển của các hãng hàng không như Vietnam Airlines, Vietjet, Bamboo Airlines... đã có hàng trăm chuyến bay thẳng đến các điểm đến du lịch hàng đầu ở khu vực và thế giới. Nhiều tập đoàn lớn trong nước đã đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng du lịch như sân bay Vân Đồn, cảng tàu Hạ Long…





# MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHÍNH

## CÔNG TÁC KINH DOANH – TIẾP THỊ

- Tiếp tục mở rộng kinh doanh thị trường khách Corp và khách lẻ, đây vẫn là mục tiêu ưu tiên phát triển thị trường nhằm gia tăng giá trị sản phẩm và dịch vụ cung cấp. Thường xuyên liên hệ, giữ mối quan hệ với các khách Corp như các ngân hàng, quỹ tín dụng, hệ thống siêu thị, các khu công nghiệp, các khu chế xuất, các Sở ban ngành, các Công ty đa quốc gia, các Công ty thuộc ngành nghề sử dụng nhiều lao động (cao su, thủy hải sản, may mặc, thức ăn chăn nuôi, dược) để nắm được tình hình kế hoạch nghỉ mát, tiệc, hội nghị, tiệc tri ân khách hàng,…
- Triển khai thông tin đến khách hàng thông qua Sales Call, Telesales, giới thiệu trực tiếp cho khách hàng những điểm nổi bật, điểm mới hệ thống du lịch TTC mang lại cho khách hàng khác biệt với đối thủ cạnh tranh trong khu vực để thu hút khách.
- Phân tích thị trường để định hướng trong phát triển sản phẩm, dịch vụ mang lại hiệu quả cao và thay thế hay loại dần các sản phẩm có dấu hiệu bão hòa, hoặc không còn hiệu quả và phát triển ý tưởng sản phẩm mới phù hợp từng Đơn vị và từng thời điểm.

## NHÓM KHÁCH SẠN/ RESORT

- Tập trung khai thác các gói sản phẩm Combo kết hợp lưu trú và ăn uống và phát triển các gói này lên các trang mạng OTA trong những giai đoạn thấp điểm cho kênh Khách lẻ và kênh TA.
- Nâng tỷ trọng khách qua kênh OTA: Đẩy mạnh và phát triển các đối tác B2B và B2C nhằm tăng doanh thu đối với kênh OTA, theo sát các review và ranking trên trên trang đầu các kênh OTA bằng cách tham gia các gói Flashdeal, gói Agoda..., tích cực lấy đánh giá tốt, tạo các chương trình khuyến mãi cho những giai đoạn Last Minute và Early Bird.
- Tập trung phát triển thị trường nội địa để khai thác các đoàn khách Mice, Team Building cho kỳ nghỉ định kỳ hàng năm và các sự kiện cuối năm.
- Mở rộng thị trường khách: Khu vực Bình Thuận tăng khai thác thị trường Singapore, Malaysia, Thái Lan; Hội An phát triển các thị trường Hàn Quốc, Thái Lan, Pháp, Thụy Sĩ,….

## NHÓM TRUNG TÂM HỘI NGHỊ/ NHÀ HÀNG

- Nâng cao chất lượng dịch vụ và phục vụ, xây dựng đa dạng các gói tiệc cưới nhằm phục vụ nhiều phân khúc khách hàng. Nâng cao kỹ năng tư vấn món ăn, để bán tập trung món ngon và tiệc giá cao, nâng cao chất lượng món ăn và hình ảnh thông qua thiết kế và chế biến các món ăn ngon, các món mang đặc trưng riêng của TTC và đặc trưng vùng miền.
- Xây dựng nhiều gói sản phẩm hội nghị kết hợp ăn uống cho kênh khách Corp; mảng tiệc cưới xây dựng gói tiệc cưới bao gồm bia cạnh tranh thị trường, bán tập trung tiệc trọn gói này lợi nhuận từ thức ăn (thức uống chỉ tính tiền phí phục vụ) để tăng số lượng tiệc lên.
- Lên kế hoạch hành động kịp thời cho từng mùa kinh doanh (mùa cưới, mùa tiệc công ty, mùa hội họp, đại hội cổ đông, lễ, tết, tiệc cuối năm,…). Thường xuyên đánh giá hiệu quả từng chương trình khuyến mãi để có kế hoạch kịp thời và hợp lý theo nhu cầu khách hàng.
- Chăm sóc các khách hàng Top Account, phát hành thẻ Gold khách VIP và tiếp tục phát triển các chính sách ưu đãi khách hàng như giảm giá tiệc lần sau cho khách hàng, trích hoa hồng cho booker, phát hành các voucher sử dụng dịch vụ ăn uống hoặc giảm giá, chốt tiệc nhanh trong 48h tặng voucher nghỉ dưỡng TTC, phát hành thẻ Gold.

## NHÓM LỮ HÀNH

- Tập trung khai thác tối đa lượng khách bên ngoài, mở rộng thị trường khách hàng bên ngoài đảm bảo lượng khách hàng này chiếm hơn 90% trong cơ cấu khách hàng.
- Khai thác tối đa các thị trường khách hàng lân cận khu vực TP.HCM như Tây Ninh, Tiền Giang, Biên Hòa, Long An… gồm các công ty, trường học, phòng ban và các xí nghiệp, khu công nghiệp, khu chế xuất, các ngành phân bón, dược phẩm,… nâng cao thị phần của TTC Travel.
- Tập trung khai thác khách lẻ khởi hành hàng tuần, hàng tháng. Tập trung phát triển thị trường khách FIT cho Outbound khởi hành định kỳ và dịch vụ Visa cũng như bán vé máy bay VIP để nâng cao doanh thu.
- Xây dựng các chương trình khuyến mãi trong những ngày thấp điểm và những tháng thấp điểm hỗ trợ các Outlet, góp phần đẩy công suất và doanh thu cho các cơ sở cũng như TTC Travel.
- Tiếp tục phối hợp Sales Center để giới thiệu những chương trình, sản phẩm mới độc đáo liên quan đến các Outlet Tổng công ty.
- Tiếp tục xây dựng các gói sản phẩm cho các kỳ nghỉ trong năm như: Tết dương lịch, Âm lịch, lễ 30/4, giỗ tổ Hùng Vương,…
- Tập trung vào khách hàng đi du lịch kết hợp với Team Building, hội nghị hội thảo, các khách hàng quốc tế đến Việt Nam đi Tour MeKong, cũng như mở rộng loại hình Team Building cho khách hàng Việt Nam tại nước ngoài.
- Tái cấu trúc, xây dựng lại bộ máy tổ chức hoạt động cho chi nhánh Tiền Giang và Bến Tre, đẩy mạnh công tác kinh doanh phát triển cho 2 chi nhánh.

## NHÓM KHU VUI CHƠI

- **Tại TTC World – Thung Lũng Tình Yêu:**

  Lên kế hoạch, triển khai và thực hiện các chương trình ưu đãi cho các ngày lễ, mùa hè và giai đoạn thấp điểm để thu hút khách đến với Thung Lũng Tình Yêu nhằm kích cầu và tăng doanh thu trong theo các giai đoạn trong năm.

  Phát triển và đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, các gói sản phẩm phù hợp nhu cầu thực tiễn của khách hàng.

  Đẩy mạnh thu hút khách du lịch quốc tế đến từ Hàn Quốc, Nga, Thái Lan, Trung Quốc,… Khai thác, phát triển thêm nguồn khách tại địa phương.

  Tăng khai thác mảng F&B với nhiều chương trình Combo kết hợp vé và ăn uống.

- **Tại TTC World – Tà Cú:**

  Nghiên cứu phát triển các chương trình khuyến mãi, dịch vụ mới và cải tiến chất lượng dịch vụ hấp dẫn gửi đến các đại lý/ công ty du lịch, và thu hút khách lẻ như ưu đãi những sản phẩm có sẵn trong hệ thống TTC như: Voucher phòng Honey Moon, tham quan Thung Lũng Tình Yêu hoặc chơi trò chơi trên biển của Dốc Lết.

  Làm chương trình giảm giá cho ngày lễ vía tổ cho khách hàng hương và Mùa Lễ Hội Tế Thu tại Dinh Thầy Thím, cho phát tờ rơi cho khách hành hương tại Khu vực Dinh Thầy Thím.

  Đưa chương trình Buffet chay và thực đơn chay thay thế cho chương trình thực đơn mặn để mang đậm nét tâm linh cho khu du lịch.

  Gói sản phẩm trong tuần hấp dẫn khách hàng cho giai đoạn thấp điểm tại Khu vực Bình Thuận.

  Đẩy mạnh gói Combo Buffet trưa, và chương trình thúc đẩy cáp treo cho khách lẻ.

  Xây các gói chương trình mới cho đối tượng khách Corp và khách đoàn.





## CÔNG TÁC MARKETING

- Phối hợp với Phòng R&D phân tính, đánh giá thị trường và phân khúc khách hàng, để từ đó có thể phát triển những sản phẩm mới (bao gồm chương trình khuyến mãi, hợp tác với bên thứ 3, các dịch vụ nổi bật…), góp phần nâng cao các lợi thế cạnh tranh và đẩy mạnh thương hiệu của ngành trên thị trường. Tham gia sự kiện, hội chợ do các cơ quan ban ngành về du lịch tổ chức trên các địa bàn hoạt động và tại các điểm du lịch trọng yếu trong nước và nước ngoài nhằm mở rộng nguồn khách đến với TTC Hospitality.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông qua việc phát triển và thường xuyên cập nhật các nội dung truyền thông về Ngành - tạo sự đa dạng, phong phú, và có chiều sâu - chú trọng hơn đến việc lựa chọn các kênh truyền thông phù hợp cho từng đối tượng khách hàng và phân khúc thị trường. Quan trọng hơn cả, công tác truyền thông nội bộ cần phải được bồi dưỡng, tạo điều kiện để mỗi CBNV của ngành Du lịch nói riêng và Tập đoàn nói chung đều hiểu thêm về những sản phẩm, dịch vụ mà Ngành đang có.
- Phân tích tính hiệu quả của các chương trình/ hoạt động Marketing để đưa ra những thay đổi, định hướng, và cải cách phù hợp. Cần chú trọng hơn vào công tác báo cáo và phân tích đối với mỗi loại hình khuyến mãi, sản phẩm, và dịch vụ được tung ra thị trường như các chương trình khuyến mãi các ngày lễ tết trong năm, dịp sự kiện, lễ hội tại các địa phương và cả nước.

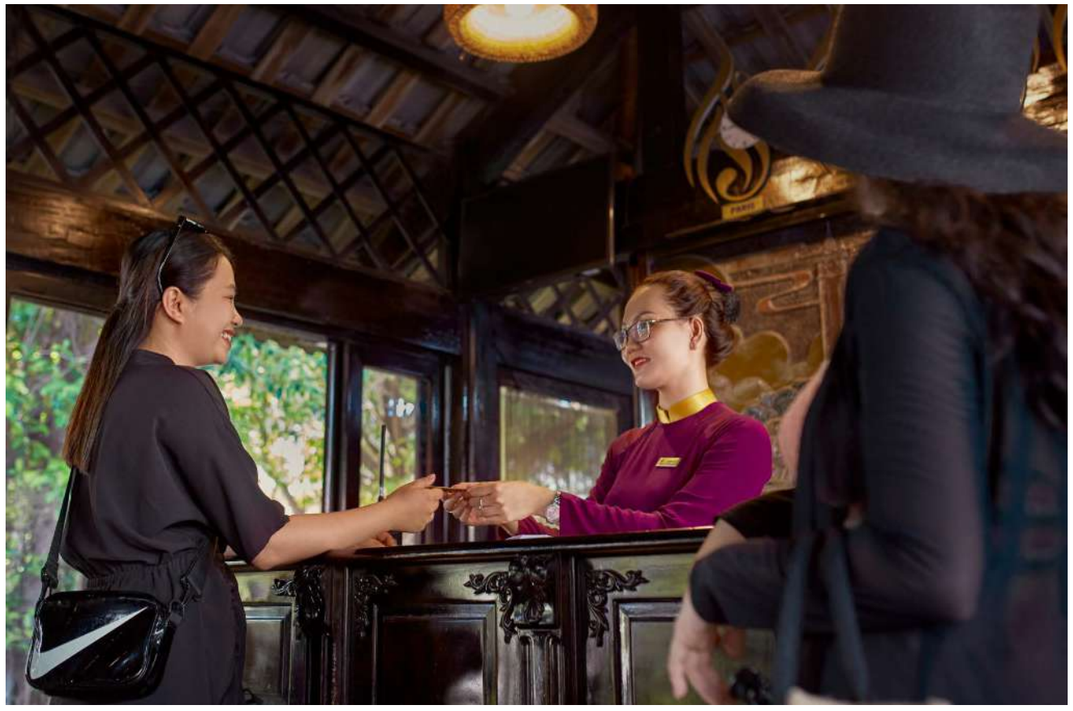

## CÔNG TÁC NHÂN SỰ

- **Công tác Tuyển dụng:**

  Rà soát và ban hành lại hệ thống chức danh theo Sơ đồ tổ chức và hệ thống chức vụ toàn Ngành; Tiếp tục triển khai công tác phân tích công việc làm cơ sở xây dựng định biên cho Phòng ban/ Bộ phận trực tiếp kinh doanh toàn Ngành; Rà soát tiêu chuẩn tuyển dụng đầu vào, tuyển dụng đúng đối tượng, đúng vị trí nhằm hạn chế biến động nhân sự đảm bảo đáp ứng tối thiểu 04 ứng viên sơ vấn/1 vị trí nhân sự cần tuyển dụng; Phối hợp với các phòng ban có liên quan triển khai xây dựng bộ để tuyển dụng đầu vào cho CBNV các bộ phận Dịch vụ trực tiếp và hỗ trợ các Đơn vị (05 bộ để tuyển dụng các chức danh Bảo vệ, kỹ thuật, tài xế, cây xanh, chăm sóc khách hàng; 02 bộ để tuyển dụng các chức danh hỗ trợ như Hành chính, Kế toán).

- **Công tác Quản lý nhân sự:**

  Kiểm tra, giám sát thường xuyên đảm bảo các Đơn vị trực thuộc tuân thủ công tác cập nhật dữ liệu nhân sự lên phần mềm Quản lý nhân sự đầy đủ, xác thực và kịp thời; Thiết lập, theo dõi và đánh giá KPI hàng Quý đối với CBNV toàn Ngành nhằm phục vụ công tác đánh giá thi đua khen thưởng, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự tiềm năng; Phối hợp, giám sát các Đơn vị kinh doanh tập trung giải quyết nợ tăng ca đồng thời giao KPI cho các Trưởng đơn vị trong việc bố trí nhân sự nghỉ bù.

- **Công tác Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực:**

  Phối hợp với TTCI tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ Giảng viên nội bộ toàn Ngành; Triển khai đào tạo theo lộ trình đối với các chức danh thuộc các Bộ phận kinh doanh trực tiếp tại các Đơn vị; Xây dựng lộ trình đào tạo cho các chức danh Gián tiếp kinh doanh, chức danh hỗ trợ tại các Phòng ban/ bộ phận; Xây dựng 04 bộ cẩm nang cho các chức danh còn lại của bộ phận Dịch vụ trực tiếp tại các Đơn vị kinh doanh (Cẩm nang Kỹ thuật, cứu hộ, cây xanh, chăm sóc khách hàng); Tổ chức các Chương trình, cuộc thi phát hiện tài năng để đào tạo, bồi dưỡng nhân sự kế thừa cho các Đơn vị kinh doanh.

## CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ

- Nâng cao sự hài lòng của khách hàng thông qua việc đẩy mạnh thương hiệu bằng chất lượng dịch vụ như cải thiện sản phẩm dịch vụ, tiếp nhận kịp thời và phản hồi các góp ý của khách hàng, xử lý triệt để các sự cố và khủng hoảng thông tin.
- Chuẩn hóa biểu mẫu toàn Ngành của các khối dịch vụ trực tiếp, xây dựng hệ thống giám sát từ xa toàn Ngành, xây tiêu chuẩn hóa dịch vụ A la carte và Tiệc – Cơm đoàn trong mảng F&B và đồng hóa hóa chất và trang thiết bị buồng phòng.
- Kiểm soát chi phí hoạt động, chú trọng kiểm soát chi phí nguyên vật liệu đầu vào và chi phí năng lượng của các Đơn vị.
- Đào tạo và phát triển đội ngũ kế thừa, kiểm soát tốt nguồn nhân lực và hiệu quả lao động của Đơn vị.

## CÔNG TÁC CHÍNH SÁCH PHÁP CHẾ

- **Công tác Chính sách:**

  Thường xuyên cập nhật rà soát tình hình triển khai Văn bản lập quy tại Đơn vị để ban hành, soát xét kịp thời và đảm bảo hiệu quả của từng Đơn vị; Hàng quý lấy ý kiến của các Đơn vị trong Công ty về hệ thống Văn bản lập quy hiện hành nhằm điều chỉnh cho phù hợp; Chú trọng hỗ trợ các Đơn vị như: hoàn thiện bộ VBLQ cho TTC Angkor, phối với các Đơn vị liên quan tổ chức đào tạo hướng dẫn VBLQ mới, rà soát VBLQ của TTC Lâm Đồng khi chuyển đổi loại hình.

- **Công tác Pháp chế:**

  Thẩm định các hợp đồng liên quan đến hoạt động Công ty; Triển khai trình ban hành và hướng dẫn Bộ hợp đồng kinh doanh mẫu theo chính sách kinh doanh nhằm đảm bảo đúng việc ký kết hợp đồng, loại bỏ tối thiểu các rủi ro pháp lý và tiết giảm thời gian xử lý công việc; Rà soát các quy định luật mới (nếu có) để đảm bảo tính pháp lý hợp đồng; Thường xuyên rà soát và lập thủ tục thay đổi các Giấy phép (GCN ĐKDN, GCN đầu tư, Báo cáo đánh giá tác động môi trường, PCCC, GPXD…) đảm bảo các hoạt động kinh doanh đúng với quy định Pháp luật; Tham gia hỗ trợ trực tiếp các dự án ngay từ giai đoạn đầu để hạn chế những rủi ro liên quan trong quá trình thực hiện.

## CÔNG TÁC QUẢN LÍ HỆ THỐNG

- **Phần mềm EOffice:** Triển khai vận hành chức năng mới: nghỉ phép, chấm công, công văn, hỗ trợ các Outlet.
- **Phần mềm ERP Gihotech:** Hệ thống báo cáo Quản trị, báo cáo IFRS
- **QR Code:** Tiếp tục chuyển đổi hệ thống soát vé theo QR Code tại Dốc Lết.
- **Hệ thống BI:** hoàn tất cấu trúc BI EO, BI Kinh doanh và BI Tài chính và phân tích số liệu cũng như phân tích hoạt động toàn Ngành.
- **TTC App:** Phối hợp với Khối QLHT Tập đoàn triển khai kênh thông tin sản phẩm ngành Du lịch qua ứng dụng TTC App.
- **Nâng cấp hạ tầng CNTT:** Triển khai nâng cấp hạ tầng Công nghệ thông tin tại Tầng 12 Michelia, Khách sạn Dốc Lết, Khu vui chơi Tình Yêu Mộng Mơ, Tòa nhà văn phòng cho thuê tại Bến Tre, Khách sạn TTC Angkor.





## CÔNG TÁC HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ

- **Công tác Quản lý hành chính:**

  Khảo sát và phối hợp với Phòng Marketing thiết kế đồng phục toàn Ngành năm 2020; Triển khai đánh giá 5S đột xuất để ghi nhận, chấn chỉnh kịp thời các sai phạm tại các Đơn vị.

- **Công tác Quản lý mua hàng:**

  Tìm kiếm, mở rộng thêm NCC các mặt hàng thực phẩm toàn Ngành; Tổ chức rà soát, đánh giá chất lượng dịch vụ và mở rộng NCC dịch vụ Lữ hành trong và ngoài nước; Phối hợp với các phòng ban liên quan chuẩn hóa và trang bị đồng bộ CCDC theo CIP toàn Ngành.

- **Công tác Quản lý tài sản:**

  Kiểm soát định kỳ tình hình cập nhật Tài sản – CCDC vào phần mềm Quản lý tài sản và dán mã Tài sản – CCDC; Thực hiện điều chuyển, thanh lý dứt điểm các TS – CCDC không còn nhu cầu sử dụng sau kiểm kê.

## CÔNG TÁC TÀI CHÍNH, KẾ HOẠCH VÀ KẾ TOÁN

- Tăng cường huy động nguồn vốn cổ đông thông qua phát hành cổ phiếu và các nguồn vốn tín dụng khác. Tiếp tục làm việc với các tổ chức, quỹ đầu tư để tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu, trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi. Đồng thời, mở rộng hạn mức tín dụng với các Ngân hàng để sử dụng hiệu quả nguồn tài sản của Ngành và đảm bảo tính thanh khoản cho dòng tiền hoạt động.
- Xây dựng, theo dõi và kiểm soát tình hình thực hiện mục tiêu và kế hoạch ngân sách của các Đơn vị trong năm 2020 và xây dựng KHNS năm 2021.
- Báo cáo đầy đủ, kịp thời và đúng quy định công bố Báo cáo tài chính cho Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh và quy định kế toán Việt Nam.
- Triển khai chỉnh sửa, bổ sung các quy trình, quy chế, quy định liên quan công tác tài chính kế toán cho phù hợp với hoạt động của Ngành.
- Thực hiện triển khai hóa đơn điện tử các Outlet còn lại trong Ngành.
- Phối hợp Quản lý hệ thống hoàn tất công tác quản lý và sử dụng dữ liệu trên Data Center trên phần mền Gihotech, giảm thiểu công tác thực hiện báo cáo bằng tay. Đồng thời tìm kiếm giải pháp kiểm soát và quản lý chi phí trên cơ sở cost center trên IFRS.
- Phối hợp với kinh doanh thu hồi công nợ, quản lý tốt công nợ phải thu, cân đối hợp lý công nợ phải trả, hạn chế thấp nhất công nợ phải thu quá hạn - khó đòi.

# CÔNG TÁC ĐẦU TƯ

- **Nghiên cứu phát triển sản phẩm**

  Tiếp tục xây dựng cơ sở dữ liệu để làm cơ sở cho phân tích xu hướng thị trường du lịch, cũng như các sản phẩm dịch vụ mới trên thị trường nhằm làm nguồn dữ liệu để phát triển ý tưởng sản phẩm mới.

  Tăng cường chủ động phối hợp với các bộ phận Kinh doanh, Chất lượng dịch vụ, Marketing để có thêm thông tin đầu vào cho hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm.

  Đề xuất tiêu chí đánh giá mức độ cải tiến phát triển sản phẩm như là một tiêu chuẩn tiên quyết cho các cơ sở kinh doanh. Chủ động tham gia các cuộc thi ý tưởng sáng tạo sản phẩm, tìm hiểu và tham gia các tổ chức về phát triển du lịch trong và ngoài nước.

- **Đầu tư các dự án**

  Tiếp tục triển khai các dự án Khách sạn Dốc Lết, Khu vui chơi Mê Kông, Khu vui chơi Dốc Lết và công viên nước, TTC World – Thung Lũng Tình Yêu và dự án Thanh Bình – Lý Thường Kiệt.

  Rà soát, cập nhật để ban hành lại các quy trình như: quy trình tương tác giữa phòng R&D và các đơn vị để sự phối hợp được hiệu quả, hạn chế những rủi ro phát sinh.

  Kiểm soát tình hình triển khai các dự án tại các Đơn vị thành viên thông qua kiểm soát các khâu trọng yếu từ ban đầu khi phát triển dự án như kiểm soát thiết kế, kế hoạch đấu thầu, tiến độ của dự án, bố trí nhân sự cụ thể đại diện chủ đầu tư tham gia dự án.

  Bổ sung nhân sự có chuyên môn về quản lý kiến trúc, thiết kế ME (cơ điện) ở Tổng Công ty để kiểm soát về tính đồng bộ trong thiết kế hệ thống. Cũng như kiểm soát mẫu, giám sát tác giả khi thi công. Có phương án tăng cường nhân sự hỗ trợ để đáp ứng khi các dự án đồng loạt triển khai trong mùa thấp điểm và bố trí nhân sự phân chia theo khu vực để có thể di chuyển gần để bao quát từng khu vực.

- **Đầu tư các hạng mục cảnh quan**

  Tại các khu vui chơi thường xuyên tôn tạo, chăm sóc cảnh quan để đảm bảo các hạng mục đã đầu tư luôn là điểm mới cho khách đến tham quan. Bên cạnh đó Ngành cũng triển khai đầu tư các hạng mục tiêu biểu để tăng tính tương tác cho khách tham quan và thu hút du khách như:

  **TTC World – Thung Lũng Tình Yêu:** Triển khai hợp tác thực hiện khu trưng bày Lan Hồ Điệp (Dome), Cầu đáy kính 3D.

  **TTC World – Tà Cú:** Tập trung đầu tư các hạng mục công trình thuộc dự án tâm linh TTC World Tà Cú như Bàn Cờ Tướng, Bồn Tẩy Trần (thực hiện nghi thức tẩy trần trước khi lên viếng chùa), Vườn Tượng (Điêu khắc tượng 30 chú tiểu), Vườn Thiền Nhật Bản (Hoa giấy và cảnh quan vườn Nhật), Vườn Trà Đạo, Tượng doanh nhân đất Việt, Tượng 18 vị La Hán.

  **TTC Resort – Dốc Lết:** Tạo Điểm Check-in Hoàng Hôn trên bãi biển Dốc Lết, Rừng Cờ 193 Quốc Gia, Tiểu cảnh theo nhân vật chủ đề trong KVC Nước, Khu chụp hình 3D trên bãi biển.

# QUẢN TRỊ CÔNG TY

## BÁO CÁO CỦA HĐQT

GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY ..... 76

KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020 ..... 76

## HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ..... 77

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ..... 78

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT ..... 83

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG TỪNG THÀNH VIÊN HĐQTỊ ..... 84

HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN ..... 86

THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ CỔ ĐÔNG ..... 88

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## 01 | GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY:

Thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị, các Quy chế quản lý nội bộ Công ty và Pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị ("HĐQT") đã thực hiện giám sát và đánh giá hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban điều hành trong việc điều hành hoạt động Sản xuất – Kinh doanh của Công ty, triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ("ĐHĐCĐ") và HĐQT trong năm 2019 như sau:

### CÔNG TÁC GIÁM SÁT:

- HĐQT thực hiện việc giám sát định kỳ và thường xuyên đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành thông qua các báo cáo tại các cuộc họp HĐQT định kỳ, các cuộc họp bổ sung và thông qua thư điện tử, điện thoại về tình hình triển khai thực hiện chiến lược, mục tiêu, nội dung, kế hoạch kinh doanh đã được ĐHĐCĐ cũng như việc triển khai các nghị quyết của HĐQT.
- Ngoài ra, Tiểu ban Kiểm toán ("TBKT") thông qua Kiểm toán Nội bộ ("KTNB") đã thực hiện việc giám sát các khía cạnh tài chính, quản lý rủi ro, việc tuân thủ các quy định – quy trình thông qua các đợt kiểm tra định kỳ theo kế hoạch năm tại các Khối, Phòng, Đơn vị của Công ty.
- HĐQT đã thảo luận và thông qua các vấn đề bằng các nghị quyết sau mỗi kỳ họp về các thay đổi, dự báo và kế hoạch của quý tiếp theo và các vấn đề có liên quan để Tổng Giám đốc và Ban điều hành có cơ sở triển khai.

### CÔNG TÁC ĐÁNH GIÁ:

Năm 2019, HĐQT đánh giá Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh và thực hiện khá tốt nhiệm vụ được giao trong năm 2019 trên các khía cạnh sau:

- Về chỉ tiêu sản xuất – kinh doanh: Doanh thu năm 2019 đạt …. tỷ đồng, đạt ….% kế hoạch do ĐHĐCĐ thông qua, từng lĩnh vực kinh doanh đã có những cải thiện mạnh mẽ trong phương án triển khai, song song với việc gia tăng các biện pháp kiểm soát rủi ro, làm tiền đề cho sự phát triển, mở rộng của Công ty.
- Về công tác tổ chức vận hành nội bộ: Bên cạnh việc phân công nhiệm vụ phụ trách theo từng Khối chức năng, Tổng Giám đốc và Ban Điều hành chú trọng đào tạo năng lực và kỹ năng cho các Cán bộ quản lý từ cấp trung đến cấp cao cũng như đội ngũ kế thừa ngày càng trưởng thành để có thể đảm nhiệm những công việc ngày càng lớn về mặt quy mô và phức tạp về mặt chuyên môn, đưa công ty dần dần ổn định về mô hình tổ chức và hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, trong năm 2019, hoạt động Văn phòng Công ty được tối ưu hóa chức năng nhiệm vụ với việc bổ nhiệm vị trí Chánh văn phòng, đảm bảo cho việc hỗ trợ tương tác giữa HĐQT và Ban Điều hành Công ty đạt hiệu quả ngày càng tối ưu.
- Về nguồn vốn đầu tư dự án: trước tình hình thị trường có nhiều biến động về mọi mặt, Tổng Giám đốc và Ban điều hành đã đề ra các chương trình, giải pháp và quyết định phù hợp tình hình thực tế, cân đối được nguồn vốn đầu tư vào dự án đang triển khai với hoạt động tài chính chung của toàn Công ty.

## 02 | KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

Năm 2019, HĐQT đã chuẩn hóa lại Quy chế tổ chức hoạt động Công ty với nguyên tắc "Quản trị Tập trung – chuẩn mực, Kiểm soát độc lập – trách nhiệm, Điều hành phân cấp – chuyên nghiệp", theo đó năm 2020 sẽ là năm cách mạng quản trị trên mọi mặt với các định hướng sau:

- Chỉ đạo và kiểm soát việc thực hiện kế hoạch hành động của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành nhằm hoàn thành tốt các chỉ tiêu kinh doanh được ĐHĐCĐ thông qua;
- Tiếp tục tập trung phát triển hoạt động kinh doanh cốt lõi của Công ty dựa trên phương châm "Chất lượng dịch vụ khẳng định thương hiệu" hướng tới mục tiêu hoàn thiện chuỗi cung ứng dịch vụ du lịch theo ngành nghề kinh doanh Lưu trú - Lữ hành - Chăm sóc sức khỏe - Vận chuyển hành khách, nhằm gia tăng sự cạnh tranh và giữ vững vị trí của các sản phẩm dịch vụ đã và đang lớn mạnh trên thị trường.
- Tăng cường hoạt động của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị nhằm thúc đẩy, hỗ trợ kịp thời cho hoạt động của Ban Điều hành;
- Rà soát lại các tài sản hiện hữu và thanh hoán nếu giá trị chuyển nhượng hợp lý để tập trung nguồn lực cho việc nâng cao thương hiệu của TTC Hospitality;
- Giám sát việc sử dụng vốn trong đầu tư, nâng cao giá trị lợi ích cho cổ đông bên cạnh hoạt động việc xây dựng, mở rộng kinh doanh;
- Nghiên cứu và xây dựng hệ thống Quản trị rủi ro tại Công ty, đảm bảo sự bền vững theo định hướng, chiến lược dài hạn của Công ty;
- Hoàn thiện các quy trình, quy định, hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn của các bộ phận để tạo sự chuyên nghiệp và chuẩn hóa trong các tác nghiệp hàng ngày của CBNV theo tiêu chuẩn hệ thống khách sạn, trung tâm hội nghị, khu vui chơi, lữ hành. Tiếp tục tăng cường bồi dưỡng, đào tạo, huấn luyện về nghiệp vụ, kỹ năng phục vụ, đạo đức nghề nghiệp cho toàn thể CBNV;
- Xây dựng môi trường làm việc sáng tạo, đặt yếu tố con người làm nòng cốt trong công tác quản trị nguồn nhân lực với tiêu chí xây dựng đội ngũ nhân sự "tinh gọn – hiệu quả"; tích cực triển khai nhiều chương trình đào tạo từ cấp lãnh đạo đến thế hệ nhân viên kế thừa để đảm đương các nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.





# HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ

## 01 | THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

| STT | HỌ TÊN | CHỨC VỤ | TỶ LỆ SỞ HỮU CP |
|---|---|---|---|
| 1 | Ông NGUYỄN THẾ VINH | Chủ tịch HĐQT | 0.61% |
| 2 | Bà NGUYỄN THÁI HÀ | Thành viên HĐQT | 0.08% |
| 3 | Ông ĐẶNG HUỲNH ANH TUẤN | Thành viên HĐQT | 0.15% |
| 4 | Ông VŨ VIẾT BẢN | Thành viên HĐQT | 0.06% |
| 5 | Ông HOÀNG MẠNH TIẾN | Thành viên HĐQT độc lập | 0.08% |
| 6 | Ông ĐỖ HUY HIỆP | Thành viên HĐQT độc lập | 0% |

### CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- Hiện nay, TTC Hospitality có ba Tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị: Tiểu Ban kiểm toán; Tiểu Ban nhân sự, thù lao và khen thưởng và Tiểu Ban chiến lược, tổ chức và quản trị.
- Tiểu ban Kiểm toán: Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; giám sát Hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty.
- Tiểu ban Nhân sự, thù lao và khen thưởng: Đề xuất ý kiến, lập danh sách để cử, ứng cử, bổ nhiệm, bãi nhiệm đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban điều hành; chú trọng nâng cao quản trị Công ty; cập nhật chính sách lương thưởng, chế độ đãi ngộ của Ban điều hành và cán bộ quản lý cấp cao.
- Tiểu ban Chiến lược, tổ chức và quản trị: giám sát các mục tiêu chiến lược, thực hiện các dự án chiến lược phát triển bền vững phù hợp với giai đoạn mới

# 02 | HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## 2.1 | THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Về vấn đề thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT và Ban Điều hành, Công ty đã cân nhắc và cho rằng việc công bố đầy đủ tiền thù lao của các nhân sự chủ chốt này có thể gây tổn hại cho lợi ích của Công ty. Vì vậy, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT và Ban Điều hành năm 2019 được thể hiện theo tỷ lệ phần trăm như dưới đây:

| STT | HỌ TÊN | SỐ LƯỢNG | THÙ LAO ĐỒNG/ NGƯỜI/ THÁNG | TỔNG CỘNG |
|---|---|---|---|---|
| 1 | CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 01 | 303.000.000 | 3.636.000.000 |
| 2 | THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH | 05 | 16.000.000 | 960.000.000 |
| Cộng | | | | 4.596.000.000 |
| Thu lao của HĐQT năm 2019 | | | | 4.596.000.000 |

## 2.2 | THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

### VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019

*(ĐVT: Triệu đồng)*

| CHỈ TIÊU | KH 2019 | TH 2019 | SO KH /TH |
|---|---|---|---|
| **Báo cáo Riêng** | | | |
| Doanh thu thuần | 356.000 | 348.766 | 98% |
| Lợi nhuận trước thuế | 35.000 | 35.198 | 100% |
| **Báo cáo Hợp nhất** | | | |
| Doanh thu thuần | 988.000 | 914.823 | 93% |
| Lợi nhuận trước thuế | 42.000 | 53.689 | 128% |

## 2.3 | KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

**a.** Việc Ủy quyền lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2019: Đã thực hiện lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán BCTC 2019 của Công ty;

**b.** Chủ trương sáp nhập và phương án hoán đổi toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng mà Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công chưa sở hữu theo Hợp đồng sáp nhập: Công ty đã hoàn tất việc hoán đổi cổ phiếu và nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng trong tháng 8/2019;

**c.** Việc tăng vốn theo phương án phát hành cổ phiếu ESOP: hoàn thành phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty theo đúng chủ trương được ĐHĐCĐ thông qua và quy định pháp luật hiện hành, nâng vốn Điều lệ Công ty lên 972.766.080.000 đồng (số liệu tính đến ngày 05/02/2020);

**d.** Đối với chủ trương tăng vốn, năm 2019 Công ty chưa tìm được đối tác phù hợp để thực hiện, Công ty sẽ báo cáo ĐHĐCĐ về kế hoạch tăng vốn phù hợp với tình hình hoạt động Công ty trong kỳ họp gần nhất.





## 2.4 | TỔNG KẾT VIỆC HỌP VÀ BAN HÀNH CÁC NGHỊ QUYẾT HĐQT

Để thông qua nhiều chủ trương và có những quyết sách kịp thời đối với hoạt động và định hướng phát triển của Công ty cũng như các cam kết đã được thông qua tại ĐHĐCĐ, trong năm 2019 HĐQT đã thực hiện tổng cộng 44 cuộc họp linh động bằng nhiều phương tiện khác nhau như họp trực tiếp định kỳ hàng Quý, họp đột xuất qua các phương tiện trực tuyến, email... và ban hành 48 Nghị quyết chủ yếu tập trung vào các vấn đề cốt lõi, cụ thể như sau:

- Chỉ đạo tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 vào ngày 26/4/2019;
- Kiện toàn, cơ cấu, sắp xếp bộ máy tổ chức và hoạt động, bổ nhiệm các lãnh đạo và quản lý của Công ty: bổ nhiệm Bà Lê Thụy Nhã Uyên giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty từ ngày 01/4/2019;
- Huy động khoản vay, thế chấp/cầm cố tài sản để cân đối nguồn vốn theo các tiến độ đầu tư dự án cũng như các khoản vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty, duy trì cơ cấu vốn hiệu quả, các khoản vay được tái cơ cấu theo hướng điều chỉnh chi phí lãi vay xuống mức thấp;
- Chỉ đạo việc phát hành cổ phiếu để hoán đổi nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Thành Thành Công Lâm Đồng và phát hành cổ phiếu cho người lao động;
- Phân quyền, ủy quyền cho Đại diện quản lý vốn góp trong các công ty có vốn đầu tư.

## CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐÃ BAN HÀNH TRONG NĂM 2019:

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT | NGÀY | NỘI DUNG |
|---|---|---|---|
| 1. | **01/2019/NQ-HĐQT** | 22/01/2019 | V/v vay vốn tại ngân hàng TMCP Phương Đông |
| 2. | **01A/2019/NQ-HĐQT** | 30/01/2019 | V/v chuyển lợi nhuận của Công ty con về Công ty |
| 3. | **02/2019/NQ-HĐQT** | 01/02/2019 | V/v miễn nhiệm Phó Tổng Giám Đốc Công ty |
| 4. | **02A/2019/QĐ-HĐQT** | 22/02/2019 | V/v bổ nhiệm Bà Nguyễn Thị Bảo Quyên làm giám đốc Công ty của Công ty TNHH Du lịch TTC |
| 5. | **03/2019/NQ-HĐQT** | 04/03/2019 | V/v tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên niên độ tài chính 2018 – 2019 |
| 6. | **03A/2019/NQ-HĐQT** | 19/03/2019 | V/v vay vốn tại ngân hàng TMCP Phương Đông |
| 7. | **04/2019/NQ-HĐQT** | 20/03/2019 | V/v Công ty TNHH Du Lịch TTC cho Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận vay vốn |
| 8. | **04A/2019/NQ-HĐQT** | 26/03/2019 | V/v chấp thuận cho Công ty TNHH Du Lịch TTC kế thừa và tiếp tục thực hiện toàn bộ các quyền và nghĩa vụ của Công ty CP Du Lịch Thắng Lợi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa |
| 9. | **05/2019/NQ-HĐQT** | 26/03/2019 | V/v chấp thuận chủ trương thay đổi đại diện vốn, đại diện theo pháp luật, tăng vốn điều lệ tại Công ty TNHH Du lịch TTC |
| 10. | **06/2019/NQ-HĐQT** | 26/03/2019 | V/v thanh lý tài sản cố định tại Chi nhánh Công ty CP Du Lịch Thành Thành Công tại Lâm Đồng |
| 11. | **06A/2019/NQ-HĐQT** | 28/03/2019 | V/v phê duyệt Công ty TNHH Du Lịch TTC cho Công ty CP Khu Công Nghiệp Thành Thành Công vay vốn |
| 12. | **07/2019/NQ-HĐQT** | 01/04/2019 | V/v bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty |
| 13. | **07A/2019/NQ-HĐQT** | 12/04/2019 | V/v Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 |
| 14. | **08/2019/NQ-HĐQT** | 16/04/2019 | V/v Công ty TNHH Du lịch TTC vay vốn tại Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Bình Thuận |
| 15. | **08A/2019/NQ-HĐQT** | 17/04/2019 | V/v vay vốn tại ngân hàng TMCP Phương Đông |
| 16. | **08B/2019/NQ-HĐQT** | 22/04/2019 | V/v Công ty TNHH Du Lịch TTC trích lập quỹ khen thưởng |
| 17. | **08C/2019/NQ-HĐQT** | 24/04/2019 | V/v Công ty TNHH Du Lịch TTC cầm cố/thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bến Tre |
| 18. | **10/2019/NQ-HĐQT** | 10/05/2019 | V/v triển khai phương án phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi toàn bộ cổ phần đang lưu hành của Công ty Cổ phần Du Lịch Thành Thành Công Lâm Đồng mà Công ty Cổ phần Du Lịch Thành Thành Công chưa sở hữu (9.958.042 cổ phiếu) |
| 19. | **11/2019/NQ-HĐQT** | 10/05/2019 | V/v cam kết tuân thủ các quy định của Luật canh tranh về tập trung kinh tế |
| 20. | **11A/2019/NQ-HĐQT** | 03/06/2019 | V/v vay vốn tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (Vietinbank) – Chi nhánh 1 |
| 21. | **11B/2019/NQ-HĐQT** | 05/06/2019 | V/v phân công nhiệm vụ Chủ tịch HĐQT, Ban điều hành, Trưởng đơn vị |
| 22. | **12/2019/NQ-HĐQT** | 12/06/2019 | V/v thành lập Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan |
| 23. | **13/2019/NQ-HĐQT** | 12/06/2019 | V/v chủ trương đầu tư Bất động sản Khu phức hợp Vịnh Đầm |
| 24. | **15/2019/NQ-HĐQT** | 24/06/2019 | V/v bỏ hạn chế giao dịch cổ phiếu |
| 25. | **15A/2019/NQ-HĐQT** | 17/07/2019 | Công ty CP Du lịch Thành Thành Công cho Công ty CP địa ốc Sài Gòn Thương Tín vay vốn |
| 26. | **16/2019/NQ-HĐQT** | 29/07/2019 | V/v Chấm dứt hoạt động các Chi nhánh của Công ty |
| 27. | **16A/2019/NQ-HĐQT** | 02/08/2019 | V/v cho vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại BIDV chi nhánh gia định |
| 28. | **17/2019/NQ-HĐQT** | 06/08/2019 | V/v Ủy quyền cho ông Nguyễn Thế Vinh |
| 29. | **18/2019/NQ-HĐQT** | 07/08/2019 | V/v Thông qua việc tăng vốn điều lệ công ty |
| 30. | **19/2019/NQ-HĐQT** | 13/08/2019 | V/v cử đại diện theo pháp luật, đại diện vốn và bổ nhiệm chủ tịch tại công ty TNHH Thành Thành Công Lâm Đồng |
| 31. | **20/2019/NQ-HĐQT** | 06/09/2019 | V/v Công ty TNHH Du lịch TTC ký kết hợp đồng quản lý Khách sạn với Tập đoàn Khách sạn Minor |
| 32. | **21/2019/NQ-HĐQT** | 07/10/2019 | V/v Tái bổ nhiệm Phó tổng giám đốc công ty |
| 33. | **22/2019/NQ-HĐQT** | 07/10/2019 | V/v Tái bổ nhiệm Kế toán trưởng công ty |
| 34. | **22A/2019/NQ-HĐQT** | 21/10/2019 | V/v chuyển lợi nhuận của công ty con về Công ty |
| 35. | **23/2019/NQ-HĐQT** | 23/10/2019 | V/v Cầm cố thế chấp khoản vay của Công ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa - Đồng Nai |
| 36. | **24/2019/NQ-HĐQT** | 24/10/2019 | V/v chấp thuận chủ trương tăng vốn điều lệ tại Công ty TNHH Du lịch TTC |
| 37. | **24A/2019/NQ-HĐQT** | 07/11/2019 | V/v thông qua kế hoạch vay vốn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Khánh Hòa phục vụ hoạt động kinh doanh 2019-2020 của Công ty TNHH Du Lịch TTC (Công ty con) |
| 38. | **25/2019/NQ-HĐQT** | 07/11/2019 | V/v Công ty TNHH Du lịch TTC chuyển nhượng Bất động sản |
| 39. | **26/2019/NQ-HĐQT** | 25/11/2019 | V/v Thông qua phương án, quy chế và danh sách CBNV tham gia mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP) |
| 40. | **27/2019/NQ-HĐQT** | 26/11/2019 | V/v bỏ hạn chế giao dịch cổ phiếu |
| 41. | **28/2019/NQ-HĐQT** | 12/12/2019 | V/v Tái bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty |
| 42. | **28A/2019/NQ-HĐQT** | 09/12/2019 | V/v huy động vốn vay từ cá nhân CBNV trong Công ty |
| 43. | **28B/2019/NQ-HĐQT** | 10/12/2019 | V/v thông qua việc thay đổi giá chào bán cổ phiếu theo chương trình |
| 44. | **28C/2019/NQ-HĐQT** | 12/12/2019 | V/v ban hành quy chế quản lý công ty con, công ty F2 và công ty liên kết |
| 45. | **28D/2019/NQ-HĐQT** | 12/12/2019 | V/v Công ty TNHH Du lịch TTC thực hiện giao dịch giữa 03 (ba) Bên để thế chấp quyền đòi nợ |
| 46. | **29/2019/NQ-HĐQT** | 20/12/2019 | V/v Bảo lãnh khoản vay cho Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre tại Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Bến Tre |
| 47. | **30/2019/NQ-HĐQT** | 24/12/2019 | V/v Cho công ty cổ phần giao dịch hàng hóa sơn tín mượn tài sản để đảm bảo khoản vay tại Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) - Chi nhánh Tân Bình |
| 48. | **31/2019/NQ-HĐQT** | 26/12/2019 | V/v Bảo lãnh khoản vay của Vina Golf Angkor |

## 2.5 | CÁC NỘI DUNG KHÁC CỦA HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ:

### CÁC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI TRONG NỘI BỘ VÀ CÁC BÊN LIÊN QUAN:

Được trình bày tại Báo cáo tài chính đính kèm



# 03 | ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

- Trong năm 2019, việc tập trung tối đa phát huy thế mạnh của mô hình quản trị bổ sung TV HĐQT độc lập bao gồm: sửa đổi nguyên tắc hoạt động và tăng cường chức năng Kiểm toán nội bộ và đẩy mạnh hoạt động các Tiểu ban chức năng giúp việc cho HĐQT, nhờ đó việc tham vấn của HĐQT có cái nhìn đa chiều về nhiều mặt kể cả tài chính lẫn chuyên môn, tăng cường sự quan tâm và sát sao với hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Điều hành; chất lượng Quản trị được nâng cao theo hướng dẫn chuẩn mực hóa quốc tế.
- Ngoài ra, HĐQT đã đảm bảo tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng cũng như hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

# 04 | BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG TỪNG THÀNH VIÊN HĐQT

## ÔNG NGUYỄN THẾ VINH

### CHỦ TỊCH HĐQT

Trong năm 2019 đã chủ trì triệu tập 43/44 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề về Định hướng chiến lược; Tái cấu trúc Công ty; Định hướng và phát triển loại hình kinh doanh;

Chỉ đạo Ban điều hành xây dựng chương trình hành động năm; đồng thời giám sát Ban điều hành việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, kế hoạch kinh doanh của Công ty trong năm 2019;

Ban hành văn bản lập quy thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị nhằm tạo ra hành lang pháp lý phù hợp điều chỉnh mọi hoạt động của Công ty.

## BÀ NGUYỄN THÁI HÀ

### PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Trong năm 2019 đã tham gia 44/44 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan Tư vấn cải thiện cơ cấu Quản trị theo chuẩn mực quốc tế, Tư vấn lộ trình chiến lược phát triển các loại hình kinh doanh của Công ty;

Chỉ đạo, giám sát Ban điều hành công việc tổ chức triển khai thực hiện các mục tiêu, chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2019.

Đề xuất, kiến nghị và thực hiện các phản biện đối với kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2020.

## ÔNG ĐẶNG HUỲNH ANH TUẤN

### THÀNH VIÊN HĐQT

Trong năm 2019 đã tham gia 44/44 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan Tham mưu chiến lược phát triển, Hiện thực hóa mục tiêu sản xuất - kinh doanh;

Đề xuất, kiến nghị và thực hiện các phản biện đối với kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2020.

## ÔNG HOÀNG MẠNH TIẾN

### THÀNH VIÊN HĐQT

Trong năm 2019 đã tham gia 44/44 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan Tư vấn cải thiện cơ cấu Quản trị Công ty, đầu tư dự án.

Thực hiện giám sát độc lập, Phụ trách hệ thống kiểm toán, kiểm soát nội độ, kiểm toán độc lập

Đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm tăng cường việc kiểm soát rủi ro đối với các hoạt động điều hành, kinh doanh của Công ty.

## ÔNG VŨ VIẾT BẢN

### THÀNH VIÊN HĐQT

Trong năm 2019 đã tham gia 44/44 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan đến Tham mưu quy hoạch quản lý, giám sát Quản trị và Điều hành theo hướng độc lập

Đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm tăng cường việc kiểm soát rủi ro đối với các hoạt động điều hành, kinh doanh của Công ty.

## ÔNG ĐỖ HUY HIỆP

### THÀNH VIÊN HĐQT

Trong năm 2019 đã tham gia 32/40 cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư, tài chính Công ty.

Đề xuất, kiến nghị các giải pháp nhằm tăng cường việc kiểm soát rủi ro đối với các hoạt động điều hành, kinh doanh của Công ty.

# 05 | HOẠT ĐỘNG CỦA TIỂU BAN KIỂM TOÁN

Căn cứ theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được Hội Đồng Quản Trị ("HĐQT") công ty giao phó, thông qua hoạt động giám sát và kiểm tra, Tiểu Ban Kiểm Toán ("TBKT") đã kịp thời đưa ra những tham vấn cho HĐQT, những kiến nghị và/hoặc đề xuất thiết thực cho Ban Tổng Giám đốc ("Ban TGĐ") trong việc triển khai và điều chỉnh hoạt động kinh doanh của các đơn vị, hoàn thiện, nâng cao tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ, công tác quản trị rủi ro của ban điều hành; và thông qua đơn vị Kiểm Toán Nội Bộ ("KTNB") để tư vấn hoạt động đối với các Trưởng đơn vị về công tác quản lý trong lĩnh vực được phân công, phụ trách nhằm đảm bảo hoạt động của các đơn vị, bộ phận vận hành xuyên suốt, đề cao tính tuân thủ.

Tự đánh giá, TBKT nhận thấy hiệu quả giám sát trong năm 2019 đã hoàn thành nhiệm vụ mà HĐQT đã tín nhiệm và giao phó.

Các hoạt động chính mà TBKT đã triển khai thực hiện trong năm bao gồm:

## 5.1 | TỔ CHỨC, VẬN HÀNH HOẠT ĐỘNG CỦA TBKT

**Tổ chức, vận hành:**

- Họp TBKT trước và ngay sau khi kết thúc Đại Hội Đồng Cổ Đông ("ĐHĐCĐ") thường niên năm 2018 tổ chức vào ngày 26 tháng 4 năm 2019 để để ra kế hoạch hoạt động năm 2019 và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên của TBKT phù hợp với kế hoạch đã trình bày trước đại hội.
- Trong năm 2019, tổ chức các phiên họp định kỳ nhằm trao đổi, thống nhất chương trình hành động công tác kiểm soát tại Công ty và các đơn vị trực thuộc giữa các thành viên của TBKT.
- Xem xét, hiệu chỉnh và phê duyệt kế hoạch hoạt động năm 2019 của phòng KTNB.
- Tham gia họp giao ban định kỳ với HĐQT và Ban TGĐ, qua đó:
  - **(i)** Cảnh báo tiềm ẩn rủi ro qua các ghi nhận phát sinh trong tuần, kỳ kiểm tra để Ban TGĐ có giải pháp xử lý;
  - **(ii)** Tư vấn ý kiến cho HĐQT, Ban TGĐ trong việc ban hành các chính sách của Công ty.

**Công tác giám sát: tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động công tác điều hành Ban TGĐ, về:**

- Xây dựng và tổ chức, triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty theo đúng chiến lược phát triển của HĐQT, Điều lệ và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên, quy định của pháp luật hiện hành.
- Việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc;
- Công tác ban hành và hoàn thiện các Văn Bản Lập Quy ("VBLQ"), nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty và giảm thiểu rủi ro trong quá trình hoạt động kinh doanh.

## 5.2 | CHỈ ĐẠO VẬN HÀNH PHÒNG KTNB

- Chỉ đạo và phối hợp KTNB xây dựng chương trình hành động, chương trình kiểm soát để thực hiện kiểm tra hoạt động các phòng/ đơn vị - Chỉ đạo và phối hợp KTNB xây dựng chương trình hành động, chương trình kiểm soát để thực hiện kiểm tra hoạt động các phòng/ đơn vị trực thuộc theo các đề cương chi tiết, cụ thể nhằm đảm bảo tính tuân thủ các quy định nội bộ trong hoạt động và trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp kiểm soát thích hợp, nhằm ngăn ngừa rủi ro và nâng cao hiệu quả kinh doanh; đánh giá hiệu quả hoạt động của các đơn vị.
- Tái cấu trúc tổ chức phòng KTNB theo hướng quản lý theo khu vực, nhằm tối ưu hoá nguồn lực kiểm soát và đảm bảo tính kịp thời trong hoạt động kiểm tra – giám sát.
- Hoạt động kiểm tra:
  - **(i)** kiểm tra tính tuân thủ tại các đơn vị theo kế hoạch kiểm tra kiểm soát 2019 đã xây dựng;
  - **(ii)** kiểm tra các hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo – sửa chữa, trong đó phát huy vai trò tiền kiểm, tham gia ngay từ thời điểm thành lập Ban Quản Lý Dự Án với chức năng giám sát nhằm đảm bảo tiến độ thi công của các dự án, tính tuân thủ quy trình, quy định của Công ty (và pháp luật) . . . giúp giảm thiểu việc hoàn thiện hồ sơ khi nghiệm thu, quyết toán các hạng mục/dự án hoàn thành;
  - **(iii)** soát xét Báo Cáo Tài Chính ("BCTC") hàng quý năm 2019 và thẩm tra BCTC năm 2019;
  - **(iv)** ngoài các cuộc kiểm tra theo định kỳ; tăng cường kiểm tra đột xuất các dịch vụ có thu mang tính rủi ro cao, công tác quản lý ngân quỹ.
- Xây dựng bản nhận xét rủi ro, theo đó (i) làm cơ sở xây dựng kế hoạch và chú trọng đến các đơn vị, nghiệp vụ tiềm ẩn rủi ro, hoặc có tính trọng yếu; (ii) tăng cường tần suất kiểm tra đối với đơn vị đó với đánh giá cụ thể và/hoặc đề xuất chế tài nhằm đảm bảo việc tuân thủ các quy định và duy trì hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ; (iii) hiệu chỉnh chương trình kiểm tra, theo hướng chú trọng phân tích và đánh giá rủi ro; đánh giá năng lực tổ chức và triển khai của các cấp quản lý trung gian.
- Thông qua hoạt động kiểm tra; trên cơ sở phân tích, nhận định và đánh giá các rủi ro của công tác kiểm soát (rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát, rủi ro phát hiện) liên quan đến hoạt động của công ty; Phòng KTNB đã lập và gửi báo cáo đánh giá, bao gồm các kiến nghị/đề xuất/yêu cầu cụ thể cũng như tư vấn các giải pháp chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ cho Ban TGĐ, các cấp quản lý trung gian hoàn thiện, khắc phục các khiếm khuyết.

## 5.3 | TỔ CHỨC GIÁM SÁT HỆ THỐNG QUẢN TRỊ RỦI RO VÀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

**Công tác Quản trị rủi ro:**

- Nhận thức của Ban TGĐ công ty về tầm quan trọng của công tác quản trị rủi ro ngày càng được nâng cao và được thực hiện bài bản. Định kỳ hàng năm, tổ chức xây dựng danh mục các rủi ro liên quan đến các khía cạnh hoạt động của công ty như: tài chính, nhân sự, tuân thủ, mua hàng, bán hàng, hồ sơ pháp lý, vệ sinh an toàn thực phẩm,... đồng thời, danh sách các rủi ro này thường xuyên được theo dõi, giám sát, đánh giá định kỳ để kịp thời kiểm soát cũng như điều chỉnh công tác điều hành nhằm ngăn chặn và giảm thiểu rủi ro có thể xảy ra.
- Tùy thuộc vào tính chất của mỗi loại rủi ro để TBKT xây dựng chiến lược giám sát phù hợp, cụ thể:
  + Kiểm soát rủi ro kiểm soát: Tổ chức rà soát, kiểm tra tính hữu hiệu và giám sát thường xuyên các chốt kiểm soát trong các quy trình nghiệp vụ cũng như thực tế áp dụng, vận hành của các nhân sự liên quan, tổ chức đánh giá năng lực của các cấp quản lý trung gian để đảm bảo tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, hạn chế việc tồn tại các sai sót trọng yếu mà hệ thống kiểm soát của công ty không phát hiện và ngăn chặn kịp thời.
  + Kiểm soát rủi ro tiềm tàng: Dựa trên cơ sở đề nghị của Ban TGĐ, Chủ tịch HĐQT hoặc các xét đoán chuyên môn, nhận định của TBKT liên quan đến các thay đổi, biến động vi mô, vĩ mô của nền kinh tế-xã hội như: thay đổi thị hiếu du lịch, hoạt động của đối thủ cạnh tranh, do điều kiện xã hội, tình hình kinh tế có phát triển ổn định hay không, do điều kiện chính trị và những thay đổi về pháp luật, thiên tai, dịch bệnh, thay đổi nguồn cung,… để TBKT đưa ra các chỉ đạo kiểm tra đột xuất, điều chỉnh kế hoạch kiểm tra nhằm đảm bảo kiểm soát kịp thời các rủi ro tiềm tàng.
  + Kiểm soát rủi ro phát hiện: Thường xuyên tổ chức các cập nhật kiến thức, cập nhật những thay đổi về hệ thống pháp luật, chính sách thuế liên quan đến ngành nghề hoạt động của công ty, tổ chức các lớp đào tạo cho nhân viên KTNB về các Phương pháp kiểm toán, Phương pháp nhận định, phân tích các rủi ro liên quan đến đặc thù hoạt động của ngành du lịch từ đó giúp nâng cao năng lực chuyên môn cho nhân sự kiểm toán nội bộ, giúp hạn chế tối đa khả năng tồn tại của các sai sót trọng yếu mà hệ thống kiểm toán nội bộ không phát hiện được.





**Hệ thống kiểm soát:**

- Trong năm 2019, Ban TGĐ công ty đã tích cực hoàn thiện hệ thống VBLQ trên mọi lĩnh vực hoạt động kinh doanh cũng như các lĩnh vực hỗ trợ khác của công ty.
- Các phòng ban công ty đã chủ động và tích cực trong công tác hỗ trợ, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc và các đơn vị có vốn đầu tư của Công ty hiệu chỉnh hệ thống VBLQ của từng Đơn vị trên nền tảng hệ thống VBLQ của Công ty đã ban hành.
- Hệ thống các quy trình quy, quy định được cập nhật đầy đủ và thường xuyên lên website quản lý VBLQ của công ty, qua đó nâng cao khả năng tiếp cận các chính sách, quy định của công ty đến toàn thể cán bộ nhân viên. Song song với đó là chương trình, kế hoạch đào tạo định kỳ được bộ phận đào tạo công ty tổ chức xuyên suốt cho cả nhân viên mới tuyển dụng cũng như nhân viên lâu năm của công ty.
- HĐQT và Ban TGĐ luôn đề cao tính tuân thủ và thực hiện các chuẩn mực vận hành cho toàn bộ đội ngũ cán bộ nhân viên. Do đó, Môi trường kiểm soát ngành du lịch có sự chuyển biến tích cực từ đội ngũ CBNV các cấp, ý thức, nhận thức của CBNV về công tác kiểm soát, tự kiểm soát và tuân thủ hệ thống kiểm soát nội bộ của công ty ngày càng được nâng cao và tự giác chấp hành. Bên cạnh đó, Ban TGĐ cũng thường xuyên tham vấn hoặc trao đổi với TBKT nhằm tăng cường thiết lập một môi trường kiểm soát hiệu quả tại từng Đơn vị trực thuộc giúp nâng cao tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ.
- Ngoài ra, định kỳ hàng năm Công ty và các đơn vị trực thuộc và các đơn vị có vốn đầu tư của Công ty thông qua tháng chấn chỉnh (thực hiện vào mùa thấp điểm) đều tiến hành tự kiểm điểm và đánh giá việc thực hiện công việc (tiến độ thực hiện kế hoạch, chiến lược phát triển, chỉnh sửa theo kiến nghị). Qua các báo cáo tự chấn chỉnh của các đơn vị gửi về, TBKT/KTNB thực hiện tổ chức đánh giá lại hoạt động tháng chấn chỉnh của các đơn vị để đảm bảo tính xác thực về thông tin, tính tuân thủ của đơn vị.

## 5.4 | TỔ CHỨC RÀ SOÁT BCTC ĐỊNH KỲ, TƯƠNG TÁC VỚI ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

- Tổ chức các đợt kiểm tra, rà soát BCTC định kỳ hàng quý, BCTC bán niên và thẩm định BCTC cuối niên độ 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, qua đó nhằm rà soát các số liệu, thông tin công bố, đảm bảo tính trung thực và hợp lý của thông tin.
- Qua các đợt rà soát, TBKT ghi nhận BCTC của công ty được soạn lập đúng chế độ kế toán, phù hợp chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật liên quan. Số liệu trên BCTC cuối niên độ 2019 phản ánh đầy đủ giá trị tài sản hiện có của Công ty và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Chủ động tương tác, trao đổi với kiểm toán độc lập về các rủi ro phát hiện, các ghi nhận điều chỉnh sau các đợt kiểm tra của đơn vị kiểm toán. Định kỳ hàng năm, TBKT sẽ tổ chức đánh giá, khảo sát và đưa ra các đề xuất đối với việc lựa chọn Kiểm toán độc lập phục vụ cho việc kiểm toán cho năm tài chính tiếp theo để trình Đại hội Cổ đông biểu quyết lựa chọn.

## 5.5 | TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ TÍNH TUÂN THỦ, PHÒNG NGỪA RỦI RO GIAN LẬN

- Chỉ đạo Phòng KTNB thực hiện đánh giá tuân thủ các đơn vị sau mỗi cuộc kiểm tra và tổng hợp đánh giá tuân thủ mỗi cuối năm để phục vụ cho việc xếp loại, đánh giá thi đua tập thể, cá nhân. Qua đó, nâng cao ý thức chấp hành, tuân thủ quy định của cán bộ nhân viên và cũng giúp phân loại, đánh giá được năng lực điều hành của của các cấp quản lý trung gian.
- Tại các vị trí tiềm ẩn nhiều rủi ro về gian lận của nhân sự được giao phụ trách, ví dụ như: thủ quỹ, thu ngân, bán vé, thu mua, bảo vệ, nhân viên thu hồi công nợ,… luôn được TBKT quan tâm, chỉ đạo cho Phòng KTNB tổ chức giám sát, kiểm tra định kỳ và đột xuất, rà soát lại các chốt kiểm soát của hệ thống VBLQ để kịp thời phát hiện, điều chỉnh và ngăn ngừa rủi ro cũng như tạo được ý thức tự giác, tuân thủ của nhân viên.

# 06 | THÔNG TIN CỔ PHIẾU VÀ QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

## 6.1 | TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công được niêm yết trên thị trường chứng khoán của Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), Việt Nam với Mã chứng khoán "VNG".

Theo Danh sách Cổ đông tại ngày 31/3/2020

- Vốn Điều lệ Công ty: **972.766.080.000** đồng
- Số lượng cổ phần niêm yết: **97.276.608** cổ phần
- Số lượng cổ phần đang lưu hành: **97.276.608** cổ phần
- Loại cổ phần: phổ thông
- Mệnh giá: **10.000** đồng/ cổ phần
- Cơ cấu cổ đông:

| STT | ĐỐI TƯỢNG | SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN | TỶ LỆ SỞ HỮU (%) | SỐ LƯỢNG CỔ ĐÔNG | CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (SL CỔ ĐÔNG) | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | TỔ CHỨC | CÁ NHÂN |
| **1** | **Cổ đông Nhà nước** | **0** | **0,00%** | **0** | **0** | **0** |
| **2** | **Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)** | **37.529.500** | **38,58%** | **2** | **2** | **0** |
| | Trong nước | 37.529.500 | 38,58% | 2 | 2 | 0 |
| | Nước ngoài | 0 | 0,00% | 0 | 0 | 0 |
| **3** | **Cổ phiếu quỹ** | **0** | **0,00%** | **0** | **0** | **0** |
| **4** | **Cổ đông khác** | **59.747.108** | **61,42%** | **873** | **20** | **853** |
| | Trong nước | 59.623.935 | 61,29% | 836 | 11 | 825 |
| | Nước ngoài | 123.173 | 0,13% | 37 | 9 | 28 |
| | **TỔNG CỘNG** | **97.276.608** | **100,00%** | **875** | **22** | **853** |
| | Trong nước | 97.153.435 | 99,87% | 838 | 13 | 825 |
| | Nước ngoài | 123.173 | 0,13% | 37 | 9 | 28 |

## 6.2 | THÔNG TIN CỔ ĐÔNG LỚN

| CỔ ĐÔNG | SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN | TỶ LỆ SỞ HỮU (%) |
|---|---|---|
| CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU BẾN TRE | 7.997.075 | 8,22% |
| CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THÀNH THÀNH CÔNG | 29.532.425 | 30,36% |





## 6.3 | CƠ CẤU CỔ PHẦN THEO ĐIỀU KIỆN CHUYỂN NHƯỢNG:

| STT | LOẠI CỔ PHẦN | SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN | TỶ LỆ TRÊN VĐL (%) | THỜI GIAN HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG |
|---|---|---|---|---|
| **1** | **Cổ phần hạn chế chuyển nhượng, trong đó:** | **15.105.518** | **15,53%** | |
| | Cổ phần còn lại trong đợt phát hành để nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Thắng Lợi bằng phương án hoán đổi cổ phiếu năm 2018 | 1.512.625 | 1,55% | 21/9/2018 - 21/9/2019 |
| | Cổ phần còn lại trong đợt phát hành cho Cán bộ Nhân viên (ESOP) năm 2018 | 20.690 | 0,02% | (Công ty đã hoàn tất thủ tục xóa hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày 28/6/2019, số cổ phần hạn chế chuyển nhượng còn lại chờ cổ đông hoàn tất các hồ sơ điều chỉnh theo quy định) |
| | Cổ phần trong đợt phát hành để nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng bằng phương án hoán đổi cổ phiếu năm 2019 | 8.962.203 | 9,21% | 29/11/2018 - 29/11/2019<br>(Công ty đã hoàn tất thủ tục xóa hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày 29/11/2019, số cổ phần hạn chế chuyển nhượng còn lại chờ cổ đông hoàn tất các hồ sơ điều chỉnh theo quy định) |
| | Cổ phần trong đợt phát hành cho Cán bộ Nhân viên (ESOP) năm 2019 | 4.610.000 | 4,74% | **24/7/2019 -24/7/2020** |
| **2** | **Cổ phần tự do chuyển nhượng** | **82.171.090** | **84,47%** | **03/01/2020 - 03/01/2021** |

## 6.4 | TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2019, Công ty thực hiện 02 đợt tăng vốn đầu tư của Chủ sở hữu:

### 1. Nhận sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng bằng phương án hoán đổi cổ phiếu

Công ty phát hành 8.962.203 cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng và chuyển Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng thành Công ty con thuộc sở hữu 100% của Công ty.

Việc sáp nhập này sẽ tạo giá trị gia tăng cho Công ty, từ đó cải thiện giá trị cho các Cổ đông nhờ các yếu tố cộng hưởng mang lại so với lúc hai Công ty hoạt động riêng lẻ, hướng đến mục tiêu trở thành doanh nghiệp lớn mạnh trong ngành về vốn hóa, mở rộng thị trường, cơ cấu sản phẩm đa dạng và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ.

Việc sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng vào Công ty là một trong những bước đi mang tính chiến lược trong định hướng phát triển Công ty trở thành doanh nghiệp lớn

- Khai thác hiệu quả thế mạnh tài chính của nhau;
- Luân chuyển và khai thác hiệu quả nguồn vốn;
- Tận dụng xu  thế quy mô vốn lớn nhằm tăng cường hiệu quả trong việc huy động vốn;
- Giảm thiểu chi phí sử dụng vốn nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động.

### 2. Phát hành cổ phiếu ESOP cho CBNV

Sau khi Công ty hoàn tất sáp nhập Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng, Công ty tiến hành phát hành cổ phiếu cho người lao động (ESOP), số lượng phát hành thêm 4.610.000 cổ phiếu. Đây là Chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động gắng bó lâu dài với Công ty, mệnh giá cổ  phiếu phát hành 11.700 đồng/cổ phiếu.

Chương trình phát hành cổ phiếu ESOP hoàn tất trong tháng 02/2020.

# 5

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNĐKKD") số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006, và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc của HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động; dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; tổ chức sự kiện; đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch, kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài; buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM VÀ VÀO NGÀY LẬP BÁO CÁO NÀY NHƯ SAU | |
|---|---|
| Ông Nguyễn Thế Vinh | Chủ tịch |
| Bà Nguyễn Thái Hà | Phó Chủ tịch |
| Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn | Thành viên |
| Ông Hoàng Mạnh Tiến | Thành viên |
| Ông Vũ Viết Bản | Thành viên |
| Ông Đỗ Huy Hiệp | Thành viên |

## BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| CÁC THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TRONG NĂM VÀ VÀO NGÀY LẬP BÁO CÁO NÀY NHƯ SAU | | |
|---|---|---|
| Bà Phan Thị Hồng Vân | Tổng Giám đốc | |
| Ông Nguyễn Vũ Hoàng An | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Phan Minh Trí | Phó Tổng Giám đốc | |
| Bà Lê Thụy Nhã Uyên | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2019 |
| Ông Lê Thanh Huỳnh Cang | Phó Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 31 tháng 1 năm 2019 |
| Bà Nguyễn Thị Huệ Trinh | Giám đốc Tài chính | Miễn nhiệm ngày 18 tháng 2 năm 2020 |

## TIỂU BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiểu ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

| TIỂU BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM VÀ VÀO NGÀY LẬP BÁO CÁO NÀY NHƯ SAU | |
|---|---|
| Ông Hoàng Mạnh Tiến | Trưởng ban |
| Ông Vũ Viết Bản | Thành viên |
| Ông Đỗ Huy Hiệp | Thành viên |

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thế Vinh.

Bà Lê Thụy Nhã Uyên được Ông Nguyễn Thế Vinh ủy quyền để ký báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định số 04/2019/QĐ-HĐQT ngày 2 tháng 4 năm 2019.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

## TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính của Nhóm Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

## CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

*Ngày 27 tháng 3 năm 2020*

**Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:**

**LÊ THỤY NHÃ UYÊN**
Phó Tổng Giám đốc





Số tham chiếu: 61454124/21225788-HN

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 59, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 25 tháng 3 năm 2019.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 0426-2018-004-1

Đặng Minh Tài
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2815-2019-004-1

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

| MÃ SỐ | | CHỈ TIÊU | THUYẾT MINH | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | |
| **100** | **A.** | **TÀI SẢN NGẮN HẠN** | | **354.752.701.070** | **575.867.646.093** |
| **110** | **I.** | **Tiền và các khoản tương đương tiền** | **5** | **68.890.553.650** | **74.114.998.373** |
| 111 | 1. | Tiền | | 38.637.947.650 | 74.114.998.373 |
| 112 | 2. | Các khoản tương đương tiền | | 30.252.606.000 | - |
| **120** | **II.** | **Đầu tư tài chính ngắn hạn** | | **454.871.316** | **426.527.071** |
| 121 | 1. | Chứng khoán kinh doanh | | 293.515 | 21.515 |
| 123 | 2. | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 6 | 454.577.801 | 426.505.556 |
| **130** | **III.** | **Các khoản phải thu ngắn hạn** | | **248.423.178.580** | **473.323.648.315** |
| 131 | 1. | Phải thu ngắn hạn của | 7 | 51.329.904.876 | 54.569.832.546 |
| 132 | | | 8 | 53.553.812.666 | 40.695.380.833 |
| 135 | 2. | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 9 | 74.600.000.000 | 322.450.000.000 |
| 136 | 3. | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 10 | 72.742.377.931 | 60.107.226.203 |
| 137 | 4. | Phải thu ngắn hạn khác | 7, 8, 10 | (3.821.676.386) | (4.517.550.760) |
| 139 | 5. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | 18.759.493 | 18.759.493 |
| | 6. | Tài sản thiếu chờ xử lý | | | |
| 140 | **IV.** | **Hàng tồn kho** | **11** | 12.667.821.280 | 11.539.784.648 |
| **141** | 1. | Hàng tồn kho | | **12.667.821.280** | **11.539.784.648** |
| 150 | **V.** | **Tài sản ngắn hạn khác** | **12** | 24.316.276.244 | 16.462.687.686 |
| **151** | 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 23 | **6.288.536.530** | **5.485.799.625** |
| 152 | 2. | Thuế GTGT được khấu trừ | 23 | 15.365.166.877 | 5.693.391.880 |
| 153 | 3. | Thuế và các khoản khác | | 2.662.572.837 | 5.283.496.181 |
| **200** | **A.** | **TÀI SẢN DÀI HẠN** | | **1.787.163.400.691** | **1.273.845.286.405** |
| **210** | **I.** | **Các khoản phải thu dài hạn** | **9** | **44.074.864.288** | **34.933.196.486** |
| 215 | 1. | Phải thu về cho vay dài hạn | 10 | 37.595.000.000 | 25.009.600.000 |
| 216 | 2. | Phải thu dài hạn khác | | 6.479.864.288 | 9.923.596.486 |
| **220** | **II.** | **Tài sản cố định** | | **1.221.784.749.190** | **939.466.292.709** |
| 221 | 1. | Tài sản cố định hữu hình | 13 | 984.740.986.769 | 832.708.459.055 |
| 222 | | Nguyên giá | | 1.513.152.125.305 | 1.248.298.293.576 |
| 223 | | Giá trị khấu hao lũy kế | | (528.411.138.536) | (415.589.834.521) |
| 224 | 2. | Tài sản thuê tài chính | 14 | 4.895.000.000 | - |
| 225 | 3. | Nguyên giá | | 4.895.000.000 | - |
| 227 | | Tài sản cố định vô hình | 15 | 232.148.762.421 | 106.757.833.654 |
| 228 | | Nguyên giá | | 253.152.114.063 | 120.530.127.864 |
| 229 | | Giá trị hao mòn lũy kế | | (21.003.351.642) | (13.772.294.210) |
| **230** | **III.** | **Bất động sản đầu tư** | **16** | **19.739.740.156** | **26.147.811.436** |
| 231 | 1. | Nguyên giá | | 33.864.953.550 | 40.136.506.885 |
| 232 | 2. | Giá trị khấu hao lũy kế | | (14.125.213.394) | (13.988.695.449) |
| **240** | **IV.** | **Tài sản dở dang dài hạn** | | **268.111.345.576** | **109.043.483.297** |
| 242 | 1. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 18 | 268.111.345.576 | 109.043.483.297 |
| **250** | **V.** | **Đầu tư tài chính dài hạn** | **19** | **85.730.203.402** | **24.426.246.808** |
| 252 | 1. | Đầu tư vào công ty liên kết | 19.1 | 19.123.754.311 | 22.022.811.909 |
| 253 | 2. | Đầu tư góp vốn vào đơn vị | 19.2 | 66.606.449.091 | 16.443.782.091 |
| 254 | 3. | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | - | (14.040.347.192) |
| **260** | **VI.** | **Tài sản dài hạn khác** | | **147.722.498.079** | **139.828.255.669** |
| 261 | 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 12 | 86.173.927.749 | 87.882.493.776 |
| 262 | 2. | Tài sản thuế thu nhập | 35.3 | 2.694.919.795 | 723.090.801 |
| 269 | 3. | Lợi thế thương mại | 20 | 58.853.650.535 | 51.222.671.092 |
| **270** | | **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | | **2.141.916.101.761** | **1.849.712.932.498** |
| | | | | | |
| **300** | **C.** | **NỢ PHẢI TRẢ** | | **1.085.543.985.790** | **807.838.025.216** |
| **310** | **I.** | **Nợ ngắn hạn** | | **544.633.538.114** | **397.238.196.649** |
| 311 | 1. | Phải trả người bán ngắn hạn | 21 | 80.380.609.041 | 91.617.881.779 |
| 312 | 2. | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 22 | 24.268.713.996 | 11.342.892.518 |
| 313 | 3. | Thuế và các khoản phải nộpNhà nước | 23 | 12.569.706.171 | 16.203.897.518 |
| 314 | 4. | Phải trả người lao động | | 5.227.074.210 | 17.540.628.048 |
| 315 | 5. | Chi phí phải trả ngắn hạn | 24 | 4.140.030.703 | 8.224.846.718 |
| 318 | 6. | Doanh thu chưa thực hiệnngắn hạn | 25 | 3.343.595.238 | 5.329.482.897 |
| 319 | 7. | Phải trả ngắn hạn | khác | 86.134.963.491 | 45.780.711.778 |
| 320 | 8. | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 27 | 316.816.998.516 | 197.465.307.488 |
| 322 | 9. | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 11.751.846.748 | 3.732.547.905 |
| | | | | | |
| **330** | **II.** | **Nợ dài hạn** | | **540.910.447.676** | **410.599.828.567** |
| 336 | 1. | Doanh thu chưa thực hiệndài hạn | 25 | 14.003.192.850 | 19.505.142.068 |
| 337 | 2. | Phải trả dài hạn khác | 26 | 3.432.770.000 | 1.563.356.600 |
| 338 | 3. | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 27 | 491.711.574.707 | 386.198.767.930 |
| 341 | 4. | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 35.3 | 31.762.910.119 | 3.332.561.969 |
| | | | | | |
| **400** | **D.** | **VỐN CHỦ SỞ HỮU** | | **1.056.372.115.971** | **1.041.874.907.282** |
| **410** | **I.** | **Vốn chủ sở hữu** | **28.1** | **1.056.372.115.971** | **1.041.874.907.282** |
| 411 | 1. | Vốn cổ phần | | 926.666.080.000 | 837.044.050.000 |
| 411a | | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 926.666.080.000 | 837.044.050.000 |
| 412 | 2. | Thặng dư vốn cổ phần | | 91.224.060.536 | 38.493.268.364 |
| 414 | 3. | Vốn khác của chủ sở hữu | | 58.076.575.878 | 18.567.770.000 |
| 417 | 4. | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | 59.717.448 | 82.019.640 |
| 418 | 5. | Quỹ đầu tư phát triển | | 6.749.515.451 | 7.166.040.514 |
| 420 | 6. | Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | 1.367.003.263 | 369.574.989 |
| 421 | 7. | (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | (45.213.824.289) | 4.914.206.056 |
| 421a | | Lỗ lũy kế đến cuối năm trước | | (29.291.903.710) | (18.842.347) |
| 421b | | (Lỗ lũy kế) lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | | (15.921.920.579) | 4.933.048.403 |
| 429 | 8. | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 28.5 | 17.442.987.684 | 135.237.977.719 |
| | | | | | |
| **440** | | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | | **2.141.916.101.761** | **1.849.712.932.498** |

*Ngày 27 tháng 3 năm 2020*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Phó Giám đốc |
|---|---|---|
| NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG | BÙI TẤN KHẢI | LÊ THỤY NHÃ UYÊN |

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

| MÃ SỐ | | CHỈ TIÊU | THUYẾT MINH | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|---|---|---|
| 01 | 1. | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 914.823.245.612 | 919.379.282.058 |
| 02 | 2. | Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | (69.471.235) |
| 10 | 3. | Doanh thu thuần về bán hang và cung cấp dịch vụ | 29.1 | 914.823.245.612 | 919.309.810.823 |
| 11 | 4. | Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 30 | (662.029.098.368) | (630.850.945.781) |
| 20 | 5. | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 252.794.147.244 | 288.458.865.042 |
| 21 | 6. | Doanh thu hoạt động tài chính | 29.2 | 36.320.801.024 | 37.502.710.023 |
| 22 | 7. | Chi phí tài chính | 31 | (47.500.937.005) | (51.095.896.210) |
| 23 | | Trong đó: Chi phí lãi vay | | (54.358.649.479) | (42.459.395.992) |
| 24 | 8. | Phần lỗ trong công ty liên kết | 19.1 | (1.975.259.794) | (2.329.401.660) |
| 25 | 9. | Chi phí bán hàng | 32 | (45.840.204.599) | (39.477.947.290) |
| 26 | 10. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 32 | (147.460.843.755) | (146.993.158.544) |
| 30 | 11. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 46.337.703.113 | 86.065.171.361 |
| 31 | 12. | Thu nhập khác | 33 | 11.973.031.933 | 14.235.738.455 |
| 32 | 13. | Chi phí khác | 33 | (4.621.876.175) | (9.895.566.461) |
| 40 | 14. | Lợi nhuận khác | 33 | 7.351.155.758 | 4.340.171.994 |
| 50 | 15. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 53.688.858.873 | 90.405.343.355 |
| 51 | 16. | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 35.1 | (14.696.375.791) | (19.750.959.435) |
| 52 | 17. | Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 35.3 | (1.668.700.538) | (1.876.453.372) |
| 60 | 18. | Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 37.323.782.544 | 68.777.930.548 |
| 61 | 19. | Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | | 21.251.029.312 | 46.785.250.903 |
| 62 | 20. | Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | | 16.072.753.232 | 21.992.679.645 |
| 70 | 21. | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 28.4 | 189 | 436 |
| 71 | 22. | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 28.4 | 189 | 436 |

*Ngày 27 tháng 3 năm 2020*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Phó Giám đốc |
|---|---|---|
| NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG | BÙI TẤN KHẢI | LÊ THỤY NHÃ UYÊN |

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

| MÃ SỐ | | CHỈ TIÊU | THUYẾT MINH | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|---|---|---|
| | I. | **LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** | | | |
| 01 | | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 53.688.858.873 | 90.405.343.355 |
| | | Điều chỉnh cho các khoản: | 13, 14, 15, | (14.736.221.565) | 8.977.379.485 |
| 02 | | Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) | 16, 20 | 99.494.377.138 | 76.411.449.766 |
| 03 | | (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng | | (14.736.221.565) | 8.977.379.485 |
| 04 | | Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | (250.647.094) | (198.309.499) |
| 05 | | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (37.408.404.142) | (34.636.368.083) |
| 06 | | Chi phí lãi vay | 31 | 54.358.649.479 | 42.459.395.992 |
| 08 | | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | | 155.146.612.689 | 183.418.891.016 |
| 09 | | Tăng các khoản phải thu | | (24.581.521.232) | (53.134.164.245) |
| 10 | | (Tăng) giảm hàng tồn kho | | (650.125.265) | 979.561.218 |
| 11 | | Tăng các khoản phải trả | | 1.916.629.007 | 44.487.677.892 |
| 12 | | Giảm (tăng) chi phí trả trước | | 6.514.842.199 | (2.698.751.912) |
| 13 | | Giảm chứng khoán kinh doanh | | - | 13.923.704.222 |
| 14 | | Tiền lãi vay đã trả | | (56.919.012.129) | (42.037.472.548) |
| 15 | | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (15.351.396.075) | (29.939.816.489) |
| 17 | | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | - | (1.533.625.599) |
| 20 | | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 66.076.029.194 | 113.466.003.555 |
| | II | **LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ** | | | |
| 21 | | Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định ("TSCĐ") | | (292.578.419.551) | (279.505.277.799) |
| 22 | | Tiền thu do thanh lý TSCĐ | | 23.879.746.161 | 11.502.652.761 |
| 24 | | Tiền thu hồi cho vay | | 232.391.255.755 | 113.856.500.000 |
| 25 | | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (trừ đi tiền thu về) | | (203.175.854.010) | (110.423.438.556) |
| 26 | | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 19.061.402.804 | - |
| 27 | | Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 17.388.102.846 | 34.398.938.177 |
| 30 | | Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư | | (203.033.765.995) | (230.170.625.417) |
| | III | **LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH** | | | |
| 31 | | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu | | - | 39.690.650.000 |
| 33 | | Tiền thu từ đi vay | 27 | 802.396.486.263 | 518.538.207.046 |
| 34 | | Tiền trả nợ gốc vay | 27 | (656.211.988.458) | (373.473.723.791) |
| 36 | | Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu của công ty mẹ | 28.2 | (3.910.147.425) | (37.686.474.675) |
| 36 | | Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát | | (10.791.705.396) | (7.253.062.923) |
| 40 | | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | 131.482.644.984 | 139.815.595.657 |
| 50 | | (Giảm) tăng tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm | | (5.475.091.817) | 23.110.973.795 |
| 60 | | Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | | 74.114.998.373 | 50.805.715.079 |
| 61 | | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 250.647.094 | 198.309.499 |
| 70 | | Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm | 5 | 68.890.553.650 | 74.114.998.373 |

*Ngày 27 tháng 3 năm 2020*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Phó Tổng Giám đốc |
|---|---|---|
| NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG | BÙI TẤN KHẢI | LÊ THỤY NHÃ UYÊN |

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

## 01 | THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNĐKKD") số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006, và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc của HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; nhà hàng và dịch vụ ăn uống lưu động; dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; tổ chức sự kiện; đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch, kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài; buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 2.392 (Ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.188).
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty có 12 công ty con và 1 công ty liên kết như sau:*

| STT | TÊN CÔNG TY | TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG | LĨNH VỰC KINH DOANH | TỶ LỆ LỢI ÍCH (%) | TỶ LỆ BIỂU QUYẾT (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| | **Công ty con** | | | | |
| 1 | Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt | | Dịch vụ lưu trú | 100,00 | 100,00 |
| 2 | Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre | Đang hoạt động | Dịch vụ lưu trú và nhà hàng | 84,45 | 84,45 |
| 3 | Công ty TNHH Du lịch TTC | Đang hoạt động | Dịch vụ lưu trú | 100,00 | 100,00 |
| 4 | Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng (Thuyết minh số 4.3) | Đang hoạt động | Dịch vụ giải trí và lưu trú | 100,00 | 100,00 |
| 5 | Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | Đang hoạt động | Dịch vụ lưu trú | 74,80 | 74,80 |
| 6 | Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận | Đang hoạt động | Dịch vụ lưu trú | 97,56 | 97,56 |
| 7 | Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng | Đang hoạt động | Bất động sản | 99,91 | 99,91 |
| 8 | Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Hoa Ngọc Lan | Đang hoạt động | Thương mại, dịch vụ | 100,00 | 100,00 |
| 9 | Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú | Đang hoạt động | Dịch vụ giải trí và nhà hàng | 99,33 | 99,33 |
| 10 | Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận (Thuyết minh số 4.2) | Đang hoạt động | Dịch vụ lưu trú | 99,94 | 100,00 |
| 11 | Công ty Cổ phần Nhà hang Ngọc Lan Đình (Thuyết minh số 4.2) | Đang hoạt động | Nhà hàng | 91,41 | 91,41 |
| 12 | Công ty TNHH Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan | Đang hoạt động | Dịch vụ chăm sóc sức khỏe | 100,00 | 100,00 |
| | **Công ty liên kết** | | | | |
| | Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor | Đang hoạt động | Dịch vụ lưu trú và nhà hàng | 49,00 | 49,00 |





## 02 | CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 | CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 | HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 | KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 | ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

### 2.5 | CƠ SỞ HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

# 03 | TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

## 3.1 | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 3.2 | HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## 3.3 | CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## 3.4 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## 3.5 | THUÊ TÀI SẢN

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

## 3.6 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.





Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Nhóm Công ty nhận được Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

## 3.7 | KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

- Quyền sử dụng đất : 12 - 50 năm
- Nhà cửa và vật kiến trúc : 8 - 50 năm
- Máy móc và thiết bị : 3 - 12 năm
- Thiết bị văn phòng : 3 - 10 năm
- Phần mềm máy tính : 3 - 6 năm
- Phương tiện vận tải : 6 -12 năm
- Tài sản khác : 3 - 15 năm

## 3.8 | BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Nhóm Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc 10 - 50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

## 3.9 | CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

## 3.10 | CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức được nhận từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

## 3.11 | CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê trả trước;
- Chi phí bảo hiểm;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định; và
- Lợi thế thương mại phát sinh trong trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn đến quan hệ công ty mẹ-công ty con (ngoại trừ lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh liên quan đến các doanh nghiệp cùng dưới một sự kiểm soát chung) được phân bổ vào chi phí trong thời gian 10 năm.
- Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo hợp đồng thuê đất ký với Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Bến Tre vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 trong thời hạn 15 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

## 3.12 | HỢP NHẤT KINH DOANH VÀ LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua, và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng đã thừa nhận trong giao dịch hợp nhất kinh doanh sẽ được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

## 3.13 | CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

## 3.14 | CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

## 3.15 | CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.
- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản mục tài sản và nợ phải trả của công ty con ở nước ngoài trong Nhóm Công ty được chuyển đổi sang VND sử dụng tỷ giá vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Các khoản mục thu nhập và chi phí được quy đổi theo tỷ giá trung bình trong năm kế toán, trừ trường hợp tỷ giá biến động mạnh trong năm thì dùng tỷ giá tại thời điểm phát sinh các giao dịch. Chênh lệch tỷ giá, nếu có, được hạch toán vào tài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái ở khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất (được phân bổ tương ứng cho các cổ đông không kiểm soát).

## 3.16 | PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển





Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi

  Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

  Nguồn kinh phí cho hoạt động của Hội đồng Quản trị.

## 3.17 | LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

## 3.18 | GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, giải trí và hoạt động kinh doanh khác

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, phí dịch vụ giặt ủi và các khoản doanh thu khác được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao và dịch vụ đã được thực hiện.

**Tiền lãi**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Tiền cho thuê**

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

**Cổ tức**

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Nhóm Công ty được xác lập.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ được công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

## 3.19 | THUẾ

**Thuế thu nhập hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm kế toán năm khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải

trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 3.20 | THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú, ăn uống và vui chơi giải trí. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về dịch vụ mà Nhóm Công ty cung cấp hoặc do Nhóm Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

## 3.21 | CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình mật thiết của các cá nhân được coi là liên quan.





# 04 | CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

## 4.1 | MUA THÊM SỞ HỮU VÀO CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM CÔNG NGHIỆP LÂM ĐỒNG ("LCN")

Vào ngày 1 tháng 4 năm 2019, Nhóm Công ty đã mua thêm 19,54% sở hữu vào LCN với tổng giá phí là 3.750.000.000 VND, theo đó, tăng tỷ lệ sở hữu từ 80,34% thành 99.88% vào ngày này. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm là 2.416.367.405 VND được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

## 4.2 | MUA CÔNG TY CỔ PHẦN NHÀ HÀNG NGỌC LAN ĐÌNH ("NLĐ") VÀ CÔNG TY TNHH TOÀN THỊNH PHÁT BÌNH THUẬN ("TTP")

Vào ngày 1 tháng 4 năm 2019, Nhóm Công ty đã mua thêm 42,62% quyền sở hữu trong NLĐ với giá phí là 36.274.584.223 VND, nâng tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong NLĐ lên 91,41%. Theo đó, NLĐ trở thành công ty con của Nhóm Công ty.

Cũng vào ngày 1 tháng 4 năm 2019, Nhóm Công ty đã mua thêm 85,93% quyền sở hữu trong TTP, với giá phí là 99.733.307.222 VND, nâng tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong TTP lên 100%. Theo đó, TTP trở thành công ty con của Nhóm Công ty.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của NLĐ và TTP tại ngày mua được trình bày dưới đây:

*VND*

| | NLĐ | TTP | TỔNG CỘNG |
|---|---|---|---|
| **Tài sản** | | | |
| Tiền | 660.833.519 | 120.417.497 | 781.251.016 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 1.248.323.820 | 2.570.459.522 | 3.818.783.342 |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn | 1.400.000.000 | - | 1.400.000.000 |
| Hàng tồn kho | - | 477.911.367 | 477.911.367 |
| Tài sản cố định hữu hình | - | 97.479.006.647 | 97.479.006.647 |
| Tài sản cố định vô hình | 37.445.127.226 | 91.318.459.000 | 128.763.586.226 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | - | 27.905.697.853 | 27.905.697.853 |
| Tài sản dài hạn khác | 40.000.010 | 5.274.234.666 | 5.314.234.676 |
| | **40.794.284.575** | **225.146.186.552** | **265.940.471.127** |
| **Nợ phải trả** | | | |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 181.595.140 | 21.891.790.533 | 22.073.385.673 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 900.000.000 | 1.320.111.362 | 2.220.111.362 |
| Phải trả ngắn hạn | khác | 2.644.072.153 | 2.644.072.153 |
| Vay | - | 98.170.000.000 | 98.170.000.000 |
| Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 7.489.025.445 | 17.300.793.173 | 24.789.818.618 |
| | **8.570.620.585** | **141.326.767.221** | **149.897.387.806** |
| **Tổng tài sản thuần theo giá trị hợp lý** | **32.223.663.990** | **83.819.419.331** | **116.043.083.321** |
| Giá mua của cổ đông không kiểm soát | 274.019.495 | 4.267.042.621 | 4.541.062.116 |
| Tổng tài sản thuần đã mua | 32.223.663.990 | 83.819.419.331 | 116.043.083.321 |
| Lợi thế thương mại (Thuyết minh số 20) | 3.776.900.738 | 11.646.845.270 | 15.423.746.008 |
| **Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh đã thanh toán** | **36.274.584.223** | **99.733.307.222** | **136.007.891.445** |
| Trong đó: | | | |
| Giá phí lần 1 | 1.041.600.000 | 15.837.333.000 | 16.878.933.000 |
| Đánh giá lại khoản đầu tư ban đầu tại ngày mua | 18.332.984.223 | (1.604.025.778) | 16.728.958.445 |
| Giá mua lần 2 tại ngày đạt được quyền kiểm soát | 16.900.000.000 | 85.500.000.000 | 102.400.000.000 |
| **Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con** | | | |
| Tiền chi để mua công ty con | 36.274.584.223 | 99.733.307.222 | 136.007.891.445 |
| Tiền thu về từ công ty con | (660.833.519) | (120.417.497) | (781.251.016) |
| **Tổng tiền thuần đã thanh toán cho nghiệp vụ mua** | **35.613.750.704** | **99.612.889.725** | **135.226.640.429** |

## 4.3 | PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU HOÁN ĐỔI VỚI CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG LÂM ĐỒNG

Vào ngày 24 tháng 7 năm 2019, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 8.962.203 cổ phiếu mới với tổng giá phí là 173.418.628.050 VND để hoán đổi 9.958.042 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng ("TTC Lâm Đồng") theo tỷ lệ 1:0,9. Việc tăng vốn cổ phần này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 21 vào ngày 26 tháng 8 năm 2019. Theo đó, tăng tỷ lệ sở hữu từ 72,01% thành 100% vào ngày này. Chênh lệch giữa giá phí và giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm là 61.624.993.869 VND được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Ngoài ra, giao dịch hoán đổi cổ phiếu trên cũng làm tăng tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong các công ty dưới đây.

*VND*

| | % SỞ HỮU TRƯỚC HOÁN ĐỔI | % SỞ HỮU SAU HOÁN ĐỔI |
|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Lâm Công nghiệp Lâm Đồng | 71,92 | 99,88 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú | 84,97 | 99,33 |
| Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình | 65,82 | 91,41 |
| Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận | 73,10 | 99,94 |
| Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Hoa Ngọc Lan | 72,01 | 100,00 |

## 05 | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Vào ngày 24 tháng 7 năm 2019, Công ty đã hoàn thành việc phát hành thêm 8.962.203 cổ phiếu mới với tổng giá phí là 173.418.628.050 VND để hoán đổi 9.958.042 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng ("TTC Lâm Đồng") theo tỷ lệ 1:0,9. Việc tăng vốn cổ phần này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 21 vào ngày 26 tháng 8 năm 2019. Theo đó, tăng tỷ lệ sở hữu từ 72,01% thành 100% vào ngày này. Chênh lệch giữa giá phí và giá trị ghi sổ của phần sở hữu mua thêm là 61.624.993.869 VND được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Ngoài ra, giao dịch hoán đổi cổ phiếu trên cũng làm tăng tỷ lệ sở hữu của Nhóm Công ty trong các công ty dưới đây.

*VND*

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Tiền gửi ngân hàng | 36.728.623.976 | 67.348.859.369 |
| Tiền mặt | 1.699.211.880 | 6.644.252.487 |
| Tiền đang chuyển | 210.111.794 | 121.886.517 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 30.252.606.000 | - |
| **TỔNG CỘNG** | **68.890.553.650** | **74.114.998.373** |

## 06 | ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đây là khoản tiền gửi ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre có kỳ hạn gốc mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 6,5%/năm.





## 07 | PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

*VND*

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Các bên khác | 48.103.255.105 | 48.090.419.129 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu | 13.200.000.000 | 13.200.000.000 |
| Ngân hàng TMCP Bản Việt | 5.500.000.006 | - |
| Khác | 29.403.255.099 | 34.890.419.129 |
| Các bên liên quan (Thuyết minh số 36) | 3.226.649.771 | 6.479.413.417 |
| **TỔNG CỘNG** | **51.329.904.876** | **54.569.832.546** |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (405.825.857) | (2.070.888.981) |
| **GIÁ TRỊ THUẦN** | **50.924.079.019** | **52.498.943.565** |

***Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:***

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Số đầu năm | 2.070.888.981 | 1.206.191.865 |
| Tăng do hợp nhất kinh doanh | 282.784.080 | - |
| Dự phòng trích lập trong năm | 617.704.958 | 864.697.116 |
| Hoàn nhập dự phòng | (2.565.552.162) | - |
| **Số cuối năm** | **405.825.857** | **2.070.888.981** |

## 08 | TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

*VND*

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Xây dựng Toàn Thịnh Phát | 15.542.166.080 | 2.691.134.359 |
| Doppelmayr Seilbahnen GMBH | 7.056.198.600 | - |
| Khác | 30.955.447.986 | 38.004.246.474 |
| **TỔNG CỘNG** | **53.553.812.666** | **40.695.380.833** |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (984.313.460) | (135.635.460) |
| **GIÁ TRỊ THUẦN** | **52.569.499.206** | **40.559.745.373** |

# 09 | PHẢI THU VỀ CHO VAY

*VND*

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Ngắn hạn | 74.600.000.000 | 322.450.000.000 |
| Các bên liên quan *(Thuyết minh số 36)* | 74.600.000.000 | 281.650.000.000 |
| Các bên khác | - | 40.800.000.000 |
| Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận | | 14.200.000.000 |
| Bà Đặng Nhãn Dung | - | 13.600.000.000 |
| Bà Triệu Phi Yến | - | 13.000.000.000 |
| Dài hạn | 37.595.000.000 | 25.009.600.000 |
| Các bên liên quan *(Thuyết minh số 36)* | 26.507.000.000 | 13.900.000.000 |
| Bà Lovia Huang | 11.088.000.000 | 11.109.600.000 |
| | | |
| **TỔNG CỘNG** | **112.195.000.000** | **347.459.600.000** |

***Chi tiết các khoản phải thu về cho vay tín chấp được trình bày như sau:***

| BÊN ĐI VAY | SỐ CUỐI NĂM VND | NGÀY ĐÁO HẠN | LÃI SUẤT %/NĂM |
|---|---|---|---|
| | | | |
| **Ngắn hạn** | **74.600.000.000** | | |
| Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín | 5.000.000.000 | Ngày 16 tháng 7 năm 2020 | 12,0 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | 69.600.000.000 | | |
| Khoản cho vay 1 | 54.300.000.000 | Ngày 26 tháng 10 năm 2020 | 9,5 |
| Khoản cho vay 2 | 13.900.000.000 | Ngày 30 tháng 10 năm 2020 | 10,0 |
| Khoản cho vay 3 | 900.000.000 | Ngày 1 tháng 9 năm 2020 | 8,0 |
| Khoản cho vay 4 | 500.000.000 | Ngày 21 tháng 11 năm 2020 | 10,0 |
| | | | |
| **Dài hạn** | **37.595.000.000** | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | 26.507.000.000 | | |
| Khoản cho vay 1 | 11.645.000.000 | Ngày 26 tháng 2 năm 2021 | 10,0 |
| Khoản cho vay 3 | 7.700.000.000 | Ngày 6 tháng 12 năm 2021 | 10,5 |
| Khoản cho vay 4 | 4.500.000.000 | Ngày 21 tháng 12 năm 2021 | 10,0 |
| Khoản cho vay 2 | 2.362.000.000 | Ngày 1 tháng 12 năm 2021 | 10,0 |
| Khoản cho vay 5 | 300.000.000 | Ngày 9 tháng 2 năm 2021 | 11,5 |
| Bà Lovia Huang | 11.088.000.000 | Ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 1,25 |
| | | | |
| **TỔNG CỘNG** | **112.195.000.000** | | |





# 10 | PHẢI THU KHÁC

*VND*

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | **72.742.377.931** | **60.107.226.203** |
| Tạm ứng cho nhân viên | 29.358.537.470 | 20.645.199.240 |
| Các bên liên quan (Thuyết minh số 36) | 21.228.360.602 | 26.812.265.261 |
| Ký quỹ | 15.478.051.546 | 1.952.891.546 |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay phải thu | 165.767.704 | 411.660.274 |
| Khác | 6.511.660.609 | 10.285.209.882 |
| **Dài hạn** | **6.479.864.288** | **9.923.596.486** |
| Ký quỹ | 6.265.543.800 | 9.092.605.000 |
| Khác | 214.320.488 | 830.991.486 |
| **TỔNG CỘNG** | **79.222.242.219** | **70.030.822.689** |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (2.431.537.069) | (2.311.026.319) |
| **GIÁ TRỊ THUẦN** | **76.790.705.150** | **67.719.796.370** |

***Chi tiết các khoản phải thu về cho vay tín chấp được trình bày như sau:***

*VND*

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Số đầu năm | 2.311.026.319 | - |
| Dự phòng trích lập trong năm | 120.510.750 | 2.311.026.319 |
| Số cuối năm | 2.431.537.069 | 2.311.026.319 |

# 11 | HÀNG TỒN KHO

*VND*

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Nguyên vật liệu | 6.355.010.834 | 5.667.508.135 |
| Hàng hóa | 3.014.290.792 | 3.346.511.636 |
| Công cụ, dụng cụ | 2.272.473.029 | 1.875.897.264 |
| Thành phẩm | 555.867.840 | 154.216.835 |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | 404.578.785 | 495.650.778 |
| Hàng đang đi trên đường | 65.600.000 | - |
| | | |
| **TỔNG CỘNG** | **12.667.821.280** | **11.539.784.648** |

# 12 | CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

*VND*

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | 6.288.536.530 | 5.485.799.625 |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 3.724.949.585 | 3.100.632.904 |
| Chi phí sửa chữa | 944.092.588 | 924.231.248 |
| Chi phí bảo hiểm | 361.171.720 | 249.767.350 |
| Khác | 1.258.322.637 | 1.211.168.123 |
| **Dài hạn** | **86.173.927.749** | **87.882.493.776** |
| Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 34.441.648.942 | 29.771.106.947 |
| Giá trị lợi thế quyền thuê đất tại Đồng Thuận (*) | 22.690.606.245 | 23.702.826.598 |
| Lợi thế thương mại phát sinh từ sáp nhập Công ty Du lịch Bình Thuận | 9.475.697.623 | 11.054.980.567 |
| Chi phí sửa chữa | 5.922.076.274 | 4.096.022.363 |
| Lợi thế thương mại phát sinh từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Mê Kông | 3.080.920.850 | 3.594.407.654 |
| Chi phí quyền sử dụng đất | 2.491.708.824 | 2.644.262.424 |
| Lợi thế thương mại hình thành khi sáp nhập chi nhánh | 2.017.167.089 | 4.437.767.597 |
| Lợi thế thương mại phát sinh từ sáp nhập Công ty Du lịch Phúc Lợi | 881.530.829 | 1.028.452.625 |
| Khác | 5.172.571.073 | 7.552.667.001 |
| | | |
| **TỔNG CỘNG** | 92.462.464.279 | 93.368.293.401 |

*(*) Giá trị lợi thế quyền thuê đất tại Đồng Thuận được xác định theo Chứng thư thẩm định giá số 1634/2016/BC-DAVIHN ngày 30 tháng 12 năm 2016 do Công ty TNHH Thẩm định giá Đại Việt phát hành. Theo đó, tổng giá trị lợi thế quyền thuê đất tại ngày 1 tháng 12 năm 2016 là 25.811.619.000 VND được Nhóm Công ty thực hiện phân bổ trong thời gian 306 tháng kể từ tháng 12 năm 2016 theo thời hạn thuê đất.*

# 13 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC VND | MÁY MÓC, THIẾT BỊ VND | PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN VND | TSCĐ DÙNG TRONG QUẢN LÝ VND | TSCĐ HỮU HÌNH KHÁC VND | CỘNG VND |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Nguyên giá** | | | | | | |
| Số dư đầu năm | 953.190.592.898 | 124.853.688.957 | 111.354.208.049 | 15.852.453.742 | 43.047.349.930 | 1.248.298.293.576 |
| - Mua trong năm | 5.504.052.095 | 8.090.209.158 | 22.123.047.609 | 899.415.545 | 792.573.500 | 37.409.297.907 |
| -Đầu tư XDCB hoàn thành | 105.033.091.348 | 7.077.580.571 | 691.408.256 | - | 2.213.095.956 | 115.015.176.131 |
| - Phân loại lại | 21.262.582.502 | 12.651.223.621 | (3.832.485.531) | (8.051.682.854) | (22.154.714.339) | (125.076.601) |
| - Tăng do mua công ty con | 129.927.959.881 | 3.597.587.955 | 2.124.790.000 | 2.180.983.267 | 150.808.259 | 137.982.129.362 |
| - Thanh lý | (7.314.141.133) | (1.465.538.903) | (13.475.085.338) | (131.154.600) | (2.670.173.296) | (25.056.093.270) |
| - Xóa sổ | - | - | - | (371.601.800) | - | (371.601.800) |
| **Số dư cuối năm** | **1.207.604.137.591** | **154.804.751.359** | **118.985.883.045** | **10.378.413.300** | **21.378.940.010** | **1.513.152.125.305** |
| *Trong đó:* | | | | | | |
| *Đã khấu hao hết* | *41.065.112.279* | *24.803.250.829* | *44.528.099.328* | *3.259.113.416* | *5.647.064.904* | *119.302.640.756* |
| **Giá trị hao mòn lũy kế** | | | | | | |
| Số đầu năm | 247.964.315.977 | 77.325.424.558 | 62.823.788.162 | 9.786.664.638 | 17.689.641.186 | 415.589.834.521 |
| Khấu hao trong năm | 52.844.234.482 | 16.591.421.888 | 11.003.237.825 | 1.203.345.236 | 2.327.893.014 | 83.970.132.445 |
| Phân loại lại | 8.783.065.152 | 4.835.515.924 | (1.668.264.701) | (3.152.708.294) | (8.827.301.360) | (29.693.279) |
| Tăng do mua công ty con | 37.129.085.451 | 1.745.762.765 | 552.562.776 | 924.903.464 | 150.808.259 | 40.503.122.715 |
| Thanh lý | (4.170.283.492) | (703.679.720) | (3.324.469.522) | (51.276.633) | (2.145.553.371) | (10.395.262.738) |
| Xóa sổ | - | - | (855.393.328) | (371.601.800) | - | (1.226.995.128) |
| **Số dư cuối năm** | **342.550.417.570** | **99.794.445.415** | **68.531.461.212** | **8.339.326.611** | **9.195.487.728** | **528.411.138.536** |
| **Giá trị còn lại** | | | | | | |
| Số đầu năm | 705.226.276.921 | 47.528.264.399 | 48.530.419.887 | 6.065.789.104 | 25.357.708.744 | 832.708.459.055 |
| **Số cuối năm** | **865.053.720.021** | **55.010.305.944** | **50.454.421.833** | **2.039.086.689** | **12.183.452.282** | **984.740.986.769** |
| *Trong đó:* | | | | | | |
| *Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 27)* | *204.842.872.705* | *2.237.157.537* | *8.459.977.710* | *1.504.374.485* | *1.471.219.582* | *218.515.602.019* |

## 14 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

| | |
|---|---|
| **NGUYÊN GIÁ:** | |
| Thuê trong năm | 4.895.000.000 |
| Số cuối năm | 4.895.000.000 |
| **GIÁ TRỊ PHÂN BỔ LŨY KẾ:** | |
| Số đầu năm và số cuối năm | - |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI:** | |
| Số đầu năm | - |
| Số cuối năm | 4.895.000.000 |

## 15 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

*VND*

| | QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VND | CHƯƠNG TRÌNH PHẦN MỀM VND | TSCĐ VÔ HÌNH KHÁC VND | CỘNG |
|---|---|---|---|---|
| **Nguyên giá** | | | | |
| Số dư đầu năm | 115.859.697.850 | 4.149.166.473 | 521.263.541 | 120.530.127.864 |
| • Mua trong năm | 412.000.000 | 3.780.164.409 | - | 4.192.164.409 |
| • Tăng do mua công ty con | 130.030.821.790 | 99.000.000 | - | 130.129.821.790 |
| • Phân loại lại | 230.000.000 | (199.090.909) | (30.909.091) | - |
| • Thanh lý | (1.700.000.000) | - | - | (1.700.000.000) |
| **Số dư cuối năm** | **244.832.519.640** | **7.829.239.973** | **490.354.450** | **253.152.114.063** |
| *Trong đó: Đã hao mòn hết* | *200.000.000* | *549.189.100* | *345.006.268* | *1.094.195.368* |
| **Giá trị hao mòn lũy kế** | | | | |
| Số đầu năm | 11.384.461.945 | 2.110.716.057 | 277.116.208 | 13.772.294.210 |
| • Hao mòn trong năm | 4.902.101.431 | 872.108.418 | 90.612.019 | 5.864.821.868 |
| • Tăng do mua công ty con | 1.349.150.080 | 17.085.484 | - | 1.366.235.564 |
| • Phân loại lại | 230.000.000 | (199.090.909) | (30.909.091) | - |
| **Số cuối năm** | **17.865.713.456** | **2.800.819.050** | **336.819.136** | **21.003.351.642** |
| **Giá trị còn lại** | | | | |
| Số đầu năm | 104.475.235.905 | 2.038.450.416 | 244.147.333 | 106.757.833.654 |
| **Số cuối năm** | **226.966.806.184** | **5.028.420.923** | **153.535.314** | **232.148.762.421** |
| *Trong đó: Tài sản cầm cố, thế chấp (Thuyết minh số 27)* | *4.629.498.704* | - | - | *4.629.498.704* |

## 16 | BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

| | NHÀ CỬA VÀ VẬT KIẾN TRÚC VND |
|---|---|
| **Nguyên giá** | |
| Số đầu năm | 40.136.506.885 |
| • Thanh lý | (6.271.553.335) |
| **Số cuối năm** | **33.864.953.550** |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số đầu năm | 13.988.695.449 |
| • Khấu hao trong năm | 1.866.656.260 |
| • Giảm trong năm | (1.730.138.315) |
| **Số cuối năm** | **14.125.213.394** |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | 26.147.811.436 |
| **Số cuối năm** | **19.739.740.156** |

*Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại kết thúc kỳ kế toán năm. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Nhóm Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách kế toán trên cơ sở bất động sản đầu tư hầu hết đã được cho thuê tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.*

**Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư**

*VND*

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư | 12.199.679.732 | 8.923.069.675 |
| Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm | 3.801.260.165 | 2.292.861.007 |

## 17 | CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Nhóm Công ty đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 11.531.388.054 VND (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018: 4.293.671.748 VND) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng các công trình phục vụ hoạt động của Nhóm Công ty.

# 18 | CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

*VND*

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Dự án Khu du lịch Dốc Lết | 128.216.496.945 | 36.070.159.036 |
| Dự án Khu du lịch Bến Tre | 31.685.573.392 | 6.599.985.607 |
| Dự án Resort TTC Kê Gà | 30.020.222.853 | - |
| Dự án sáp nhập Khu du lịch Thung lũng tình yêu – Đồi Mộng Mơ – Đồi Thống Nhất | 26.155.094.589 | 26.545.723.043 |
| Dự án Resort Bàu Trúc giai đoạn 2 | 16.847.680.409 | 831.563.845 |
| Dự án Sân thượng Khách sạn Michelia | 12.410.624.586 | 35.142.273 |
| Dự án Resort Mekong | 8.138.805.327 | 5.507.782.155 |
| Dự án cải tạo Resort Premium Ninh Thuận | 129.080.811 | 16.638.386.272 |
| Khác | 14.507.766.664 | 16.814.741.066 |
| **TỔNG CỘNG** | **268.111.345.576** | **109.043.483.297** |

# 19 | ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

*VND*

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 19.1) | 19.123.754.311 | 22.022.811.909 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Thuyết minh số 19.2) | 66.606.449.091 | 16.443.782.091 |
| **TỔNG CỘNG** | **85.730.203.402** | **38.466.594.000** |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | - | (14.040.347.192) |
| **GIÁ TRỊ THUẦN** | **85.730.203.402** | **24.426.246.808** |

## 19.1 | ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được trình bày như sau:

| TÊN CÔNG TY | QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VND | CHƯƠNG TRÌNH PHẦN MỀM VND | SỐ CUỐI NĂM | | SỐ ĐẦU NĂM | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | GIÁ TRỊ GHI SỔ VND | % SỞ HỮU | GIÁ TRỊ GHI SỔ VND | % SỞ HỮU |
| Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor ("Vinagolf Angkor") | Đang hoạt động | Dịch vụ lưu trú và nhà hàng | 19.123.754.311 | 49,00 | 20.980.075.772 | 49,00 |
| Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình ("Ngọc Lan Đình") (Thuyết minh số 4.3) | Đang hoạt động | Nhà hàng | - | | 1.042.736.137 | 48,79 |
| **TỔNG CỘNG** | | | **19.123.754.311** | | **22.022.811.909** | |

| | VINAGOLF ANGKOR | NGỌC LAN ĐÌNH | TỔNG CỘNG |
|---|---|---|---|
| **Giá gốc đầu tư:** | | | |
| Số đầu năm | 24.772.623.054 | 1.321.528.139 | 26.094.151.193 |
| Chuyển thành công ty con | - | (1.321.528.139) | (1.321.528.139) |
| **Số cuối năm** | **24.772.623.054** | **-** | **24.772.623.054** |
| **Phần lũy kế lỗ sau khi mua công ty liên kết:** | | | |
| Số đầu năm | (3.792.547.282) | (278.792.002) | (4.071.339.284) |
| • Phần lỗ từ công ty liên kết trong năm | (1.856.321.461) | (118.938.333) | (1.975.259.794) |
| • Chuyển thành công ty con | - | 397.730.335 | 397.730.335 |
| **Số cuối năm** | **(5.648.868.743)** | **-** | **(5.648.868.743)** |
| **Giá trị còn lại** | | | |
| Số đầu năm | 20.980.075.772 | 1.042.736.137 | 22.022.811.909 |
| **Số cuối năm** | **19.123.754.311** | **-** | **19.123.754.311** |

## 19.2 | ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

| TÊN CÔNG TY | TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG | LĨNH VỰC KINH DOANH | SỐ CUỐI NĂM | | SỐ ĐẦU NĂM | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | GIÁ TRỊ GHI SỔ VND | % SỞ HỮU | GIÁ TRỊ GHI SỔ VND | % SỞ HỮU |
| Công ty Cổ phần Toàn Hải Vân (*) | Đang hoạt động | Dịch vụ ăn uống | 66.000.000.000 | 2,2 | - | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hồng Phát (*) | Đang hoạt động | Đầu tư và xây dựng | 461.729.091 | 0,0 | 461.729.091 | 0,0 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Nam Trung Bộ (*) | Đang hoạt động | Kinh doanh đồ uống | 121.810.000 | 0,0 | 121.810.000 | 0,0 |
| Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền (*) | Đang hoạt động | Kinh doanh đồ uống | 22.910.000 | 0,0 | 22.910.000 | 0,0 |
| Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận (Thuyết minh số 4.2) | Đang hoạt động | Dịch vụ lưu trú và nhà hàng | - | | 15.837.333.000 | 11,22 |
| **TỔNG CỘNG** | | | **66.606.449.091** | | **16.443.782.091** | |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | | - | | (14.040.347.192) | |
| **GIÁ TRỊ THUẦN** | | | **66.606.449.091** | | **2.403.434.899** | |

(*) Nhóm Công ty không thể thu thập các thông tin cần thiết và thực hiện đánh giá giá trị hợp lý của cổ phiếu nắm giữ tại các công ty này do các cổ phiếu của các công ty này chưa được niêm yết trên sàn chứng khoán.

# 20 | LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

| | |
|---|---|
| **NGUYÊN GIÁ:** | |
| Số đầu năm | 66.808.255.843 |
| Phát sinh từ hợp nhất kinh doanh | 15.423.746.008 |
| Số cuối năm | 82.232.001.851 |
| **GIÁ TRỊ PHÂN BỔ LŨY KẾ:** | |
| Số đầu năm | (15.585.584.751) |
| Phân bổ trong năm | (7.792.766.565) |
| Số cuối năm | (23.378.351.316) |
| **GIÁ TRỊ CÒN LẠI:** | |
| Số đầu năm | 51.222.671.092 |
| Số cuối năm | 58.853.650.535 |

## 21 | PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

*VND*

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Các bên liên quan (Thuyết minh số 36) | 11.202.107.513 | 43.091.736.596 |
| Các bên khác | 69.178.501.528 | 48.526.145.183 |
| **TỔNG CỘNG** | **80.380.609.041** | **91.617.881.779** |

## 22 | NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

*VND*

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Các bên liên quan (Thuyết minh số 36) | 12.400.390.120 | 45.454.327 |
| Các bên khác | 11.868.323.876 | 11.297.438.191 |
| Agoda Pte., Ltd | 2.694.949.450 | 2.009.428.642 |
| Khác | 9.173.374.426 | 9.288.009.549 |
| **TỔNG CỘNG** | **24.268.713.996** | **11.342.892.518** |

## 23 | THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | SỐ ĐẦU NĂM | TĂNG TRONG NĂM | TĂNG DO MUA CÔNG TY CON | GIẢM TRONG NĂM | SỐ CUỐI NĂM |
|---|---|---|---|---|---|
| **Nguyên giá** | | | | | |
| Thuế thu nhập | | | | | |
| doanh nghiệp | 6.126.152.344 | 14.696.375.791 | - | (15.351.396.075) | 5.471.132.060 |
| Thuế giá trị gia tăng | 4.584.672.596 | 86.192.528.987 | 173.370.157 | (85.614.547.474) | 5.336.024.266 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.353.574.193 | 8.555.506.304 | 16.577.196 | (9.323.122.794) | 1.602.534.899 |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 116.738.559 | 1.253.162.375 | - | (1.293.857.921) | 76.043.013 |
| Thuế tài nguyên | 2.872.963.728 | 9.134.463.826 | 5.272.000 | (12.009.125.217) | 3.574.337 |
| Thuế xuất. nhập khẩu | - | 332.759.258 | - | (332.759.258) | - |
| Thuế khác | 149.796.098 | 1.597.536.611 | 400.014 | (1.667.335.127) | 80.397.596 |
| **TỔNG CỘNG** | **16.203.897.518** | **121.762.333.152** | **195.619.367** | **(125.592.143.866)** | **12.569.706.171** |
| **Phải thu** | | | | | |
| Thuế giá trị gia tăng | 5.693.391.880 | 41.522.720.106 | 25.803.982 | (31.876.749.091) | 15.365.166.877 |
| Thuế thu nhập | | | | | |
| doanh nghiệp | 5.261.741.948 | 589.166.587 | 6.546.337 | (3.505.975.992) | 2.351.478.880 |
| Thuế tài nguyên | 10.053.839 | - | 200.000.000 | (10.053.839) | 200.000.000 |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 5.100.592 | - | - | - | 5.100.592 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 2.767.302 | 350.375 | - | (2.767.302) | 350.375 |
| Thuế khác | 3.832.500 | 26.271.816 | - | 75.538.674 | 105.642.990 |
| **TỔNG CỘNG** | **10.976.888.061** | **42.138.508.884** | **232.350.319** | **(35.320.007.550)** | **18.027.739.714** |





## 24 | CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Phí dịch vụ chuyên nghiệp | 1.272.867.893 | - |
| • Chi phí lãi vay | 1.261.877.452 | 1.011.872.875 |
| • Chi phí đồng phục | 106.845.485 | 3.998.500.914 |
| • Khác | 1.498.439.873 | 3.214.472.929 |
| **TỔNG CỘNG** | **4.140.030.703** | **8.224.846.718** |

## 25 | DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | **3.343.595.238** | **5.329.482.897** |
| • Doanh thu chưa thực hiện về | | |
| • cho thuê mặt bằng và văn phòng | 2.860.328.569 | 3.091.852.604 |
| • Doanh thu chưa thực hiện về dịch vụ lưu trú | 434.393.941 | 1.992.963.637 |
| • Khác | 48.872.728 | 244.666.656 |
| **Dài hạn** | **14.003.192.850** | **19.505.142.068** |
| • Doanh thu chưa thực hiện về | 14.003.192.850 | 19.505.142.068 |
| **TỔNG CỘNG** | **17.346.788.088** | **24.834.624.965** |

## 26 | PHẢI TRẢ KHÁC

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | **86.134.963.491** | **45.780.711.778** |
| • Cán bộ nhân viên đặt cọc mua cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động (ESOP) | 53.937.000.000 | - |
| • Cổ tức phải trả | 9.365.850.714 | 22.112.211.989 |
| • Phí phục vụ | 5.121.008.988 | 2.346.797.934 |
| • Nhận ký quỹ | 3.228.887.890 | 7.201.698.216 |
| • Các bên liên quan (Thuyết minh số 36) | 3.330.672.784 | 4.101.392.364 |
| • Chi phí lãi vay | 1.338.355.516 | 4.148.722.743 |
| • Kinh phí công đoàn | 1.154.496.757 | 1.038.839.545 |
| • Chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp | 74.586.907 | 335.270.487 |
| • Chi hộ | - | 4.008.603.410 |
| • Khác | 8.584.103.935 | 487.175.090 |
| **Dài hạn** | 3.432.770.000 | 1.563.356.600 |
| • Nhận ký quỹ | 3.432.770.000 | 1.563.356.600 |
| **TỔNG CỘNG** | **89.567.733.491** | **47.344.068.378** |

# 27 | VAY

| | SỐ ĐẦU NĂM | VAY TRONG NĂM | TĂNG DO MUA CÔNG TY CON | PHÂN LOẠI LẠI | TRẢ TRONG NĂM | SỐ CUỐI NĂM |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Vay ngắn hạn** | **197.465.307.488** | **565.184.004.787** | **12.240.000.000** | **53.450.217.674** | **(511.522.531.433)** | **316.816.998.516** |
| • Vay ngân hàng (Thuyết minh số 27.1) | 106.989.597.368 | 493.269.049.745 | - | (2.461.228.000) | (404.047.652.313) | 193.749.766.800 |
| • Vay các bên khác (Thuyết minh số 27.2) | 16.327.690.000 | 28.535.050.000 | - | - | (23.525.740.000) | 21.337.000.000 |
| • Vay thấu chi ngân hàng | - | 842.730.163 | - | - | - | 842.730.163 |
| • Vay dài hạn ngân hang đến hạn trả (Thuyết minh số 27.3) | 71.323.020.120 | 42.537.174.879 | 12.240.000.000 | 54.655.341.762 | (81.374.139.120) | 99.381.397.641 |
| • Vay dài hạn các bên khác đến hạn trả (Thuyết minh số 27.4) | 2.825.000.000 | - | - | - | (2.575.000.000) | 250.000.000 |
| • Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn phải trả | - | - | - | 1.256.103.912 | - | 1.256.103.912 |
| **Vay dài hạn** | **386.198.767.930** | **237.212.481.476** | **66.440.000.000** | **(53.450.217.674)** | **(144.689.457.025)** | **491.711.574.707** |
| • Vay ngân hàng (Thuyết minh số 27.3) | 378.321.744.078 | 219.007.695.113 | 66.440.000.000 | (52.194.113.762) | | 467.485.868.404 |
| • Vay các bên khác (Thuyết minh số 27.4) | 7.277.023.852 | 14.541.150.000 | - | - | (144.089.457.025) | 21.818.173.852 |
| • Nợ thuê tài chính | - | 3.663.636.363 | - | (1.256.103.912) | - | 2.407.532.451 |
| • Vay bên liên quan (Thuyết minh số 36) | 600.000.000 | - | - | - | - | - |
| **TỔNG CỘNG** | **583.664.075.418** | **802.396.486.263** | **78.680.000.000** | **-** | **(600.000.000)** | **808.528.573.223** |

## 27.1 | VAY NGẮN HẠN NGÂN HÀNG

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

| NGÂN HÀNG | SỐ CUỐI NĂM | | KỲ HẠN TRẢ GỐC | MỤC ĐÍCH | LÃI SUẤT | HÌNH THỨC ĐẢM BẢO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đăk Lăk** | | | | | | |
| • Khoản vay 1 | 58.078.032.944 | | Từ ngày 3 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 4 năm 2020 | Tài trợ vốn lưu động | 9,9 | 5.000.000 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công ("TTCI"); và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú |
| **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh** | | | | | | |
| • Khoản vay 1 | 43.969.977.670 | | Từ ngày 2 tháng 12 năm 2019 đến ngày 27 tháng 8 năm 2020 | Tài trợ vốn lưu động | Lãi suất thả nổi | Quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúctheo Quyền sử dụng đất số CH 546660 ngày 17 tháng 11 năm 2017 |
| • Khoản vay 2 | 35.500.488.363 | | Từ ngày 5 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 4 năm 2020 | Tài trợ vốn lưu động | 7,0 | Tín chấp |
| **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa** | | | | | | |
| | 27.928.703.628 | | Ngày 27 tháng 11 năm 2020 | Tài trợ vốn lưu động | 9,0 | Phương tiện vận tải; và Quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúc của Công ty TNHH Du lịch TTC ("DL TTC") |
| **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận** | | | | | | |
| | 13.463.916.988 | | Từ ngày 30 tháng 1 năm 2020 đến ngày 30 tháng 3 năm 2020 | Tài trợ vốn lưu động | 8,3 | Quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúc của DL TTC; và 1.800.000 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú ("DL Tà Cú") |
| **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre** | | | | | | |
| | 9.946.321.549 | | Ngày 27 tháng 6 năm 2020 | Tài trợ vốn lưu động | 8,7 | Máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải |
| **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Bến Tre** | | | | | | |
| | 4.862.325.658 | | Ngày 30 tháng 4 năm 2020 | Tài trợ vốn lưu động | 6,7 | Tín chấp |
| **TỔNG CỘNG** | | | | | | **193.749.766.800** |

## 27.2 | VAY NGẮN HẠN CÁC BÊN KHÁC

Các khoản vay ngắn hạn từ các bên khác là các khoản vay tín chấp từ các nhân viên của Nhóm Công ty để bổ sung nhu cầu vốn lưu động cho Nhóm Công ty. Các khoản vay này có thời hạn từ 1 đến 12 tháng, với lãi suất từ 8,5%/năm đến 10,75%/năm.

## 27.3 | VAY DÀI HẠN NGÂN HÀNG

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

| NGÂN HÀNG | SỐ CUỐI NĂM | | KỲ HẠN TRẢ GỐC | MỤC ĐÍCH | LÃI SUẤT (%/NĂM) | HÌNH THỨC ĐẢM BẢO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đăk Lăk** | | | | | | |
| • Khoản vay 1 | 17.812.403.521 | | Ngày 19 tháng 6 năm 2025 | Tài trợ vốn lưu động | 8,5 | 5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú |
| • Khoản vay 2 | 12.902.805.793 | | Ngày 19 tháng 6 năm 2025 | Tài trợ vốn lưu động | 8,5 | 5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú |
| • Khoản vay 3 | 6.928.203.905 | | Ngày 19 tháng 11 năm 2021 | Tài trợ tài sản cố định | 10,0 | Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú |
| • Khoản vay 4 | 2.273.314.401 | | Ngày 19 tháng 6 năm 2029 | Tài trợ vốn lưu động | 10,2 | 5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú |
| **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình** | | | | | | |
| • Khoản vay 1 | 2.455.650.000 | | Ngày 28 tháng 3 năm 2024 | Tài trợ vốn lưu động | 8,9 | Phương tiện vận tải |
| • Khoản vay 2 | 459.200.000 | | Ngày 17 tháng 12 năm 2023 | Tài trợ vốn lưu động | 7,9 | Phương tiện vận tải |
| **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh** | | | | | | |
| • Khoản vay 1 | 3.142.533.318 | | Ngày 9 tháng 2 năm 2023 | Tài trợ vốn lưu động | 7,9 | Phương tiện vận tải |
| • Khoản vay 2 | 461.439.994 | | Ngày 28 tháng 6 năm 2023 | Tài trợ vốn lưu động | 10 | Phương tiện vận tải |
| • Khoản vay 3 | 396.000.000 | | Ngày 29 tháng 12 năm 2021 | Tài trợ vốn lưu động | 10 | Phương tiện vận tải |
| **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa** | | | | | | |
| • Khoản vay 1 | 90.859.299.413 | | Ngày 13 tháng 9 năm 2028 | Tài trợ Dự án Dốc Lết | 8,7 | Phương tiện vận tải; và Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của DL TTC |
| • Khoản vay 2 | 69.160.000.000 | | Ngày 30 tháng 12 năm 2025 | Tài trợ Dự án Khách sạn Michelia | 10,5 | Nhà cửa và vật kiến trúc của DL TTC |
| • Khoản vay 3 | 44.489.609.967 | | Ngày 13 tháng 10 năm 2025 | Tài trợ vốn lưu động | 10,0 | Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của DL TTC |
| • Khoản vay 4 | 25.137.107.310 | | Ngày 13 tháng 10 năm 2025 | Tài trợ vốn lưu động | Từ 9,1 | |
| • Khoản vay 5 | 8.259.601.987 | | Tài trợ vốn lưu động | Lãi suất thả nổi | | |
| • Khoản vay 6 | 7.282.773.030 | | Tài trợ vốn lưu động | 10,5 | Lãi suất thả nổi | Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của DL TTC |
| • Khoản vay 7 | 472.500.000 | | Tài trợ vốn lưu động | 10,0 | 10,5 | Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của DL TTC |
| • Khoản vay 8 | 127.398.822 | | Tài trợ vốn lưu động | 10,5 | 10,0 | Phương tiện vận tải |
| • Khoản vay 9 | 75.530.000 | | Tài trợ vốn lưu động | Lãi suất thả nổi | 10,5 | Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của DL TTC |
| **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Thuận** | | | | | | |
| • Khoản vay 1 | 39.949.851.009 | | Từ ngày 31 tháng 3 năm 2021 đến ngày 29 tháng 6 năm 2025 | Tài trợ Dự án TTC Palace Bình Thuận | 9,3 | Nhà cửa và vật kiến trúc hình thành trong tương lai của DL TTC |
| • Khoản vay 2 | 6.900.000.000 | | Từ ngày 31 tháng 3 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 | Tài trợ vốn lưu động | 9,3 | Nhà cửa và vật kiến trúc của DL TTC |
| **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre** | | | | | | |
| • Khoản vay 1 | 22.841.754.995 | | Ngày 25 tháng 5 năm 2031 | Tài trợ Dự án Văn phòng Bến Tre | 10,6 | Văn phòng và máy móc thiết bị hình thành từ Dự án Văn phòng Bến Tre |
| • Khoản vay 2 | 1.739.521.197 | | Ngày 25 tháng 8 năm 2021 | Tài trợ Dự án Nhà hàng Nổi Bến Tre | 10,6 | Tài sản hình thành trong tương lai của Dự án Nhà Hàng Nổi |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Chi nhánh Bến Tre** | | | | | | |
| | 19.314.312.985 | | Ngày 11 tháng 11 năm 2023 | Tài trợ Dự án TTC Palace Bến Tre | 8,7 | Bất động sản và quyền phát sinh từ hợp đồng thuê đất của DL Bến Tre |
| **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Ninh Thuận** | | | | | | |
| | 45.304.088.102 | | Ngày 3 tháng 6 năm 2027 | Tài trợ Dự án TTC Resort Premium Ninh Thuận | 10,5 | Nhà cửa và vật kiến trúc của DL Đồng Thuận |
| **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh** | | | | | | |
| • Khoản vay 1 | 127.350.737.208 | | Từ ngày 2 tháng 12 năm 2019 đến ngày 10 tháng 7 năm 2030 | Trả nợ các khoản vay dài hạn | Từ 7,7 đến 9,5 | Phương tiện giao thông vận tải; và |
| • Khoản vay 2 | 7.887.779.088 | | 84 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên | Tài trợ dự án vé 250K | 8,1 | quyền sử dụng đất và tài sản đi kèm thuộc sở hữu của TTC Lâm Đồng |
| | | | | | | Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu bất động sản và các tài sản khác, máy móc thiết bị, phương tiện giao dịch và quyền sở hữu tài sản của Dự án sáp nhập khu du lịch tại Thung lũng tình yêu - Đồi Mơ Mơ - Đồi Thống Nhất |
| **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng** | | | | | | |
| • Khoản vay 1 | 2.512.500.000 | | 24 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên | Mua Quyền sử dụng đất | 8,7 | Quyền sử dụng đất và nhà cửa và vật kiến trúc theo Quyền sử dụng đất số V364105 ngày 16 tháng 10 năm 2002 |
| • Khoản vay 2 | 371.350.000 | | 24 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên | Mua phương tiện vận tải | 8,7 | Phương tiện vận tải |
| **TỔNG CỘNG** | 566.867.266.045 | | | | | |
| *Trong đó:* | | | | | | |
| *Vay dài hạn đến hạn trả* | *99.275.515.641* | | | | | |
| *Vay dài hạn* | *467.591.750.404* | | | | | |

## 27.4 | VAY DÀI HẠN CÁC BÊN KHÁC

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

| BÊN CHO VAY | SỐ CUỐI NĂM | KỲ HẠN TRẢ GỐC | LÃI SUẤT | MỤC ĐÍCH | HÌNH THỨC ĐẢM BẢO | HÌNH THỨC ĐẢM BẢO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Nhân viên Công ty | 12.715.300.000 | Từ ngày 1 tháng 2 năm 2021 đến ngày 30 tháng 12 năm 2021 | Từ 8,5 đến 10,75 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp | 5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú |
| Bà Tạ Thị Phương Trang | 5.656.873.852 | Ngày 3 tháng 6 năm 2020 | 9,0 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp | 5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú |
| | | | | | | Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Thiên Sơn | 3.696.000.000 | Ngày 1 tháng 12 năm 2021 | Từ 1 đến 1,5 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp | 5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú |
| **TỔNG CỘNG** | **22.068.173.852** | | | | | |
| *Trong đó:* | | | | | | |
| *Vay dài hạn đến hạn trả* | *250.000.000* | | | | | |
| *Vay dài hạn* | *21.818.173.852* | | | | | |

# 28 | VỐN CHỦ SỞ HỮU

## 28.1 | TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | VỐN CỔ PHẦN | THẶNG DƯ VỐN CỔ PHẦN | VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU | CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI | QUỸ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN | LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI | QUỸ KHÁC THUỘC VỐN CHỦ SỞ HỮU | TỔNG CỘNG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **Năm trước** | | | | | | | | |
| **Số đầu năm** | **752.050.000.000** | **748.636.364** | **10.382.620.000** | **(26.964.303)** | **6.860.164.848** | **14.561.656.543** | **-** | **784.576.113.452** |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | - | 46.785.250.903 | - | 46.785.250.903 |
| Cổ tức công bố | - | - | - | - | - | (41.852.202.500) | - | (41.852.202.500) |
| Phát hành cổ phiếu hoán đổi | 45.134.800.000 | 37.913.232.000 | - | - | - | - | - | 83.048.032.000 |
| Phát hành cổ phiếu cho người lao động | 39.859.250.000 | - | - | - | - | - | - | 39.859.250.000 |
| Chi phí phát hành cổ phiếu | - | (168.600.000) | - | - | - | - | - | (168.600.000) |
| Trích quỹ đầu tư và phát triển | - | - | - | - | 305.875.666 | (305.875.666) | - | - |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | - | (945.398.033) | - | (945.398.033) |
| Trích quỹ khác | - | - | 8.185.150.000 | - | - | (10.585.076.831) | 369.574.989 | (2.030.351.842) |
| Thù lao Hội đồng Quản trị | - | - | - | - | - | - | - | - |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | - | - | - | 108.983.943 | - | - | - | 108.983.943 |
| Mua thêm lợi ích trong công ty con | - | - | - | - | - | (2.913.988.874) | - | (2.913.988.874) |
| Tăng khác | - | - | - | - | - | 169.840.514 | - | 169.840.514 |
| **Số cuối năm** | **837.044.050.000** | **38.493.268.364** | **18.567.770.000** | **82.019.640** | **7.166.040.514** | **4.914.206.056** | **369.574.989** | **906.636.929.563** |
| **Năm nay** | | | | | | | | |
| **Số đầu năm** | ¬ | **38.493.268.364** | **18.567.770.000** | **82.019.640** | **7.166.040.514** | **4.914.206.056** | **369.574.989** | **906.636.929.563** |
| **Lợi nhuận thuần trong năm** | - | - | - | - | - | **21.251.029.312** | - | **21.251.029.312** |
| **Phát hành cổ phiếu hoán đổi (*)** | **89.622.030.000** | **83.796.598.000** | - | - | - | - | - | **173.418.628.000** |
| **Chi phí phát hành cổ phiếu** | - | **(556.999.950)** | - | - | - | - | - | **(556.999.950)** |
| **Công ty con chia cổ tức bằng cổ phiếu (**)** | - | - | **9.000.000.000** | - | - | **(9.000.000.000)** | - | - |
| **Trích quỹ đầu tư và phát triển** | - | - | - | - | **(416.525.063)** | **416.525.063** | - | - |
| **Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi** | - | - | - | - | - | **(11.913.579.754)** | - | **(11.913.579.754)** |
| **Trích quỹ khác** | - | - | - | - | - | **(997.428.274)** | **997.428.274** | |
| **Tăng khác** | - | - | - | - | - | **(234.911.279)** | - | **(234.911.279)** |
| **Thù lao Hội đồng Quản trị** | - | - | - | - | - | **(526.463.494)** | - | **(526.463.494)** |
| **Phân loại lại (***)** | - | **(30.508.805.878)** | **30.508.805.878** | - | - | - | - | - |
| **Chênh lệch tỷ giá hối đoái** | - | - | - | **(22.302.192)** | - | - | - | **(22.302.192)** |
| **Mua thêm lợi ích trong công ty con** | - | - | - | - | - | **(49.123.201.919)** | - | **(49.123.201.919)** |
| **Số cuối năm** | **926.666.080.000** | **91.224.060.536** | **58.076.575.878** | **59.717.448** | **6.749.515.451** | **(45.213.824.289)** | **1.367.003.263** | **1.038.929.128.287** |

*(*) Vào ngày 24 tháng 7 năm 2019, Công ty đã phát hành 8.962.203 cổ phiếu mới để hoán đổi 9.958.042 cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng theo tỷ lệ 1:0,90 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019. Việc tăng vốn cổ phần này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 21 vào ngày 26 tháng 8 năm 2019.*

*(**) Đây là cổ tức bằng cổ phiếu do Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình ("Thanh Bình") chia cho công ty mẹ theo Nghị Quyết Đại Hội đồng cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Thanh Bình.*

*(***) Số dư này thể hiện phần thặng dư vốn phát sinh trước giai đoạn chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Du lịch Thắng Lợi, một công ty con của Nhóm Công ty, sang Công ty TNHH Du lịch TTC vào ngày 22 tháng 2 năm 2019.*

## 28.2 | CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| **Vốn cổ phần đã phát hành** | | |
| Số đầu năm | 837.044.050.000 | 837.044.050.000 |
| Tăng trong năm | 89.622.030.000 | - |
| Số cuối năm | 926.666.080.000 | 837.044.050.000 |
| Cổ tức đã chia | 3.910.147.425 | 37.686.474.675 |

## 28.3 | CỔ PHIẾU

| | SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU | |
|---|---|---|
| | SỐ CUỐI NĂM (CỔ PHIẾU) | SỐ ĐẦU NĂM (CỔ PHIẾU) |
| **Cổ phiếu đăng ký phát hành** | **92.666.608** | **83.704.405** |
| **Cổ phiếu đã đã bán ra công chúng** | **92.666.608** | **83.704.405** |
| • Cổ phiếu phổ thông | 92.666.608 | 83.704.405 |
| **Cổ phiếu đang lưu hành** | **92.666.608** | **83.704.405** |
| • Cổ phiếu phổ thông | 92.666.608 | 83.704.405 |
| Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. | | |

## 28.4 | LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ | 21.251.029.312 | 46.785.250.903 |
| Trừ: Quỹ khen thưởng và phúc lợi (*) | (5.598.567.382) | (13.298.704.423) |
| Lợi nhuận thuần sau điều chỉnh phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty | 15.652.461.930 | 33.486.546.480 |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân | 82.859.404 | 76.733.528 |
| Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu) | 189 | 436 |

*(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019.*

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến trích lập của năm nay theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019.*

*Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.*





## 28.5 | LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| **Số đầu năm** | **135.237.977.719** | **209.450.970.624** |
| Lợi nhuận thuần trong năm | 16.072.753.232 | 21.992.679.645 |
| Cổ tức công bố | (49.250.000) | (14.049.644.546) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (1.209.952.687) | (2.064.346.502) |
| Thù lao Hội đồng Quản trị | (25.536.506) | - |
| Mua công ty con mới | (4.423.259.920) | - |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 8.484.173 | 42.361.624 |
| Mua thêm lợi ích trong công ty con | (128.168.228.327) | (80.134.043.126) |
| **Số cuối năm** | **17.442.987.684** | **135.237.977.719** |

# 29 | DOANH THU

## 29.1 | DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| **Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ** | **829.365.975.219** | **777.176.981.613** |
| Doanh thu thuần về bán hàng | 63.350.677.398 | 77.714.223.278 |
| Doanh thu thuần về cho thuê hoạt động | 12.199.679.732 | 8.923.069.675 |
| Doanh thu thuần chuyển nhượng | | |
| bất động sản | - | 50.000.000.000 |
| Khác | 9.906.913.263 | 5.495.536.257 |
| **TỔNG CỘNG** | **914.823.245.612** | **919.309.810.823** |
| *Trong đó:* | | |
| *Doanh thu thuần đối với các bên khác* | *896.692.539.431* | 897.559.977.602 |
| *Doanh thu thuần đối với các bên liên quan (Thuyết minh số 36)* | *18.130.706.181* | 21.749.833.221 |

## 29.2 | DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| Lãi do đánh giá lại khoản đầu tư ban đầu (Thuyết minh số 4.2) | 18.332.984.223 | - |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 17.142.210.276 | 36.574.018.451 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 266.887.130 | 251.334.480 |
| Cổ tức được chia | 75.575.500 | 80.095.700 |
| Khác | 503.143.895 | 597.261.392 |
| **TỔNG CỘNG** | **36.320.801.024** | **37.502.710.023** |

# 30 | GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| **Giá vốn dịch vụ cung cấp** | **647.591.248.339** | **574.925.732.152** |
| Giá vốn hàng bán | 13.406.083.642 | 52.772.047.036 |
| Giá vốn chuyển nhượng bất động sản | - | 3.079.315.119 |
| Khác | 1.031.766.387 | 73.851.474 |
| **TỔNG CỘNG** | **662.029.098.368** | **630.850.945.781** |

# 31 | CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| Chi phí lãi vay | 54.358.649.479 | 42.459.395.992 |
| (Hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | (14.040.347.191) | 5.575.892.348 |
| Lãi phạt thanh toán nợ vay trước hạn | 5.381.402.852 | - |
| Chiết khấu thanh toán hoặc tiền lãi từ mua hàng trả chậm | - | 2.516.939.498 |
| Lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư ban đầu (Thuyết minh số 4.2) | 1.604.025.778 | - |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 196.249.278 | 12.976.355 |
| Khác | 956.809 | 530.692.017 |
| **TỔNG CỘNG** | **47.500.937.005** | **51.095.896.210** |

# 32 | CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| **Chi phí bán hàng** | **45.840.204.599** | **39.477.947.290** |
| Chi phí nhân viên | 22.344.977.946 | 19.486.446.372 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 9.606.028.734 | 10.575.233.337 |
| Chi phí quảng cáo | 8.161.072.587 | 2.144.031.437 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | 893.068.224 | 2.112.730.941 |
| Chi phí nguyên vật liệu | 280.858.998 | 288.555.719 |
| Chi phí vận chuyển | 255.184.692 | 379.430.496 |
| Khác | 4.299.013.418 | 4.491.518.988 |
| **Chi phí quản lý doanh nghiệp** | **147.460.843.755** | **146.993.158.544** |
| Chi phí nhân viên | 78.526.082.103 | 75.517.668.002 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) | 24.287.093.923 | 14.584.501.140 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 19.644.701.283 | 16.654.019.144 |
| Chi phí nguyên vật liệu | 2.502.524.412 | 596.300.781 |
| (Hoàn nhập dự phòng) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (695.874.374) | 3.311.358.895 |
| Khác | 23.196.316.408 | 36.329.310.582 |
| **TỔNG CỘNG** | **193.301.048.354** | **186.471.105.834** |





# 33 | THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| **Thu nhập khác** | **11.973.031.933** | **14.235.738.455** |
| Xóa nợ phải trả | 4.008.603.410 | - |
| Lãi do thanh lý tài sản cố định | 3.832.893.937 | 3.345.522.691 |
| Lãi do chuyển nhượng bất động sản | - | 7.926.339.280 |
| Khác | 4.131.534.586 | 2.963.876.484 |
| Chi phí khác | 4.621.876.175 | 9.895.566.461 |
| Các khoản phạt | 1.497.574.910 | 1.451.049.957 |
| Tài trợ quỹ chung tay vì cộng đồng | 667.922.448 | - |
| Lỗ do thanh lý tài sản cố định | 309.744.542 | 3.102.682.251 |
| Chi phí chuyển nhượng bất động sản | - | 3.283.353.096 |
| Khác | 2.146.634.275 | 2.058.481.157 |
| **LỢI NHUẬN KHÁC** | **7.351.155.758** | **4.340.171.994** |

# 34 | CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| Chi phí nhân viên | 295.474.310.626 | 269.296.194.009 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 202.386.028.552 | 184.478.471.596 |
| Chi phí nguyên vật liệu | 178.128.970.684 | 173.110.602.100 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | | |
| (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại) (Thuyết minh số 13, 14, 15, 16, 20) | 99.494.377.138 | 76.078.406.006 |
| Giá vốn hàng bán | 25.748.973.716 | 45.455.991.326 |
| Chi phí khác | 54.097.486.006 | 68.902.386.578 |
| **TỔNG CỘNG** | **855.330.146.722** | **817.322.051.615** |

# 35 | THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Nhóm Công ty là 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ một chi nhánh hạch toán độc lập của Công ty TNHH TTC Tourist – TTC Resort Premium – Dốc Lết ("CN Dốc Lết") áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% thu nhập chịu thuế trong thời hạn mười lăm (15) năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2007) và với mức thuế suất thông thường theo quy định hiện hành cho những năm tiếp theo. CN Dốc Lết được miễn thuế TNDN trong bốn (4) năm kể từ khi CN Dốc Lết có thu nhập chịu thuế (năm 2007) và được giảm 50% thuế TNDN trong chín (9) năm tiếp theo.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

## 35.1 | CHI PHÍ THUẾ TNDN

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| **Chi phí thuế TNDN hiện hành** | **12.586.703.498** | **19.665.436.328** |
| Chi phí thuế TNDN trích thiếu những năm trước | 2.109.672.293 | 85.523.107 |
| Thu nhập TNDN hoãn lại | 1.668.700.538 | 1.876.453.372 |
| **TỔNG CỘNG** | **16.365.076.329** | **21.627.412.807** |

## 35.2 | THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

## 35.3 | THUẾ TNDN HOÃN LẠI

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động trong năm hiện hành và năm trước như sau:

| | BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | | BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | |
|---|---|---|---|---|
| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
| Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con | 2.694.919.795 | - | 2.694.919.795 | - |
| Chênh lệch phân bổ lợi thế thương mại phát sinh do sáp nhập | - | 723.090.801 | 39.593.566 | (723.090.801) |
| | **2.694.919.795** | **723.090.801** | | |

## 35.3 | THUẾ TNDN HOÃN LẠI

Nhóm Công ty đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế hoãn lại phải trả với các biến động trong năm hiện hành và năm trước như sau: (tiếp theo)

| | BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | | BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | |
|---|---|---|---|---|
| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
| Chênh lệch giá trị hợp lý trong hợp nhất kinh doanh | 26.860.835.258 | | | |
| Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con | 2.416.186.080 | (345.169.440) | 805.395.360 | |
| Khác | 4.748.383.339 | - | 4.748.383.339 | - |
| | **31.762.910.119** | **3.332.561.969** | - | **347.967.211** |
| | **29.067.990.324** | **2.609.471.168** | | |
| **Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất** | | | **(1.668.700.538)** | **(1.876.453.372)** |

## 35.4 | LỖ THUẾ CHUYỂN SANG TỪ CÁC NĂM TRƯỚC

Nhóm Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngàykết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 105.096.813.969 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 1 32.120.406.130 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong trong tương lai. Chi tiết như sau:

| NĂM PHÁT SINH | CÓ THỂ CHUYỂN LỖ ĐẾN NĂM | LỖ TÍNH THUẾ | ĐÃ CHUYỂN LỖ ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019 | KHÔNG ĐƯỢC CHUYỂN LỖ | CHƯA CHUYỂN LỖ TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019 |
|---|---|---|---|---|---|
| 2014 | 2019 | 21.280.766.248 | (14.910.851) | (21.265.855.397) | - |
| 2015 | 2020 | 18.619.325.774 | (16.919.116) | - | 18,602,406,658 |
| 2016 | 2021 | 15.924.347.506 | - | - | 15,924,347,506 |
| 2017 | 2022 | 19.263.551.997 | (28.535.194) | - | 19,235,016,803 |
| 2018 | 2023 | 32.180.268.898 | (5.369.098.671) | - | 26,811,170,227 |
| 2019 | 2024 | 24.523.872.775 | - | - | 24,523,872,775 |
| **TỔNG CỘNG** | **131,792,133,198** | **(5.429.463.832)** | **(21.265.855.397)** | **105.096.813.969** | |

Lỗ tính thuế ước tính theo các tờ khai thuế của Nhóm Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho lỗ chuyển sang các năm sau do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.





# 36 | NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm như sau:

| BÊN LIÊN QUAN | MỐI QUAN HỆ | NỘI DUNG NGHIỆP VỤ | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cổ đông lớn | Cho vay | 187.500.000.000 | 20.500.000.000 |
| | | Góp vốn | 44.500.000.000 | 41.250.000 |
| | | Mua dịch vụ | 16.897.851.425 | 4.749.101.041 |
| | | Cung cấp dịch vụ | 5.270.609.571 | 8.028.272.696 |
| | | Lãi cho vay | 4.907.588.266 | 8.438.677.394 |
| | | Mua hàng hóa | 1.054.523.600 | 146.883.144 |
| | | Lãi vay | 36.226.653 | 2.176.132.962 |
| | | Bán hàng hóa | 3.472.728 | - |
| | | | | |
| Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín | Công ty trong cùng Tập đoàn | Cung cấp dịch vụ | 6.226.054.968 | 7.414.233.600 |
| | | Mua dịch vụ | 136.771.892 | - |
| | | Mua hàng hóa | 53.653.143 | - |
| | | | | |
| Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa | Công ty trong cùng Tập đoàn | Cung cấp dịch vụ | 4.826.988.944 | 5.669.054.762 |
| | | Mua dịch vụ | 592.171.801 | 138.766.272 |
| | | Mua hàng hóa | 388.977.768 | - |
| | | Bán hàng hóa | 165.304.545 | - |
| | | | | |
| Công ty Cổ phần Chè Ngọc Bảo | Cùng chủ sở hữu | Cung cấp dịch vụ | 1.098.348.018 | 397.597.817 |
| | | Mua hàng hóa | 58.520.000 | 3.272.727 |
| | | Mua dịch vụ | 19.982.000 | - |
| | | Lãi vay | 12.328.767 | - |
| Công ty Cổ phần Du lịch Vinagoft Angkor | Công ty liên kết | Cung cấp dịch vụ | 539.927.407 | 240.674.346 |
| | | Mua hàng hóa | 71.250.000 | - |

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị:

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| Phụ cấp, lương và thưởng | 16.032.112.779 | 14.440.911.588 |

# 36 | NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau:

| BÊN LIÊN QUAN | MỐI QUAN HỆ | NỘI DUNG NGHIỆP VỤ | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|---|---|
| **Phải thu ngắn hạn của khách hàng** | | | | |
| Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín | Công ty trong cùng Tập đoàn | Cung cấp dịch vụ | 1.011.124.358 | 2.393.886.003 |
| Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa | Công ty trong cùng Tập đoàn | Cung cấp dịch vụ | 861.703.613 | 628.652.527 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Vinagoft Angkor | Công ty liên kết | Cung cấp dịch vụ | 725.190.292 | 300.595.992 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cổ đông lớn | Cung cấp dịch vụ | 628.631.508 | 2.746.278.895 |
| Công ty Cổ phần Chè Ngọc Bảo | Công ty cùng chủ sở hữu | Cung cấp dịch vụ | - | 410.000.000 |
| | | | **3.226.649.771** | **6.479.413.417** |
| **Phải thu về cho vay ngắn hạn** | | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cổ đông lớn | Cho vay | 69.600.000.000 | 281.650.000.000 |
| Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín | Công ty trong cùng Tập đoàn | Cho vay | 5.000.000.000 | - |
| | | | **74.600.000.000** | **281.650.000.000** |
| **Phải thu ngắn hạn khác** | | | | |
| Công ty Cổ phần Du lịch Vinsolf Angkor | Công ty liên kết | Thu hộ | 18.046.036.491 | 18.042.846.080 |
| | | Lãi cho vay | 2.957.118.633 | 8.769.419.181 |
| Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín | Công ty trong cùng Tập đoàn | Lãi cho vay | 225.205.478 | - |
| | | | **21.228.360.602** | **26.812.265.261** |
| **Phải thu về cho vay dài hạn** | | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cổ đông lớn | Cho vay | 26.507.000.000 | 13.900.000.000 |

Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau:

| BÊN LIÊN QUAN | MỐI QUAN HỆ | NỘI DUNG NGHIỆP VỤ | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|---|---|
| **Phải trả người bán ngắn hạn** | | | | |
| Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín | Công ty trong cùng Tập đoàn | Mua dịch vụ | 6.000.000.000 | 26.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cổ đông lớn | Mua dịch vụ | 5.116.468.256 | 17.083.352.996 |
| Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa | Công ty trong cùng Tập đoàn | Mua dịch vụ | 81.395.657 | - |
| Công ty Cổ phần Chè Ngọc Bảo | Cùng chủ sở hữu | Mua dịch vụ | 4.243.600 | 8.383.600 |
| | | | **11.202.107.513** | **43.091.736.596** |
| **Phải trả ngắn hạn khác** | | | | |
| Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín | Công ty trong cùng Tập đoàn | Lãi vay | 3.209.684.596 | 3.819.762.226 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Vinsolf Angkor | Công ty liên kết | Thu hộ | 120.988.188 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cổ đông lớn | Lãi vay | - | 281.630.138 |
| | | | **3.330.672.784** | **4.101.392.364** |
| **Trả trước cho người bán ngắn hạn** | | | | |
| Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa | Công ty trong cùng Tập đoàn | Cung cấp dịch vụ | 10.000.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín | Công ty trong cùng Tập đoàn | Cung cấp dịch vụ | 2.318.985.940 | - |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cổ đông lớn | Cung cấp dịch vụ | 81.404.180 | 45.454.327 |
| | | | **12.400.390.120** | **45.454.327** |
| **Vay dài hạn** | | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cổ đông lớn | Vay | - | 600.000.000 |
| **Chi phí phải trả ngắn hạn** | | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cổ đông lớn | Lãi vay | 281.347.273 | - |

# 37 | CÁC CAM KẾT

**Cam kết thuê hoạt động**

Nhóm Công ty hiện đang thuê văn phòng và thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Dưới 1 năm | 11.991.895.441 | 5.904.971.893 |
| Từ 1 – 5 năm | 26.889.939.043 | 22.477.187.569 |
| Trên 5 năm | 64.285.383.354 | 68.222.355.245 |
| **TỔNG CỘNG** | **103.167.217.838** | **96.604.514.707** |

**Cam kết cho thuê hoạt động**

Nhóm Công ty hiện đang cho thuê mặt bằng theo hợp đồng cho thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền cho thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Dưới 1 năm | 9.164.685.000 | 15.597.851.380 |
| Từ 1 – 5 năm | 5.338.449.717 | 1.157.760.000 |
| Trên 5 năm | 451.307.958 | - |
| **TỔNG CỘNG** | **14.954.442.675** | **16.755.611.380** |

**Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Nhóm Công ty có khoản cam kết 404.663.072.340 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 380.379.743.267 VND) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng các công trình phục vụ hoạt động của Nhóm Công ty.

# 38 | CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| **Nợ khó đòi đã xử lý** | | |
| • Công ty TNHH Nhà hàng Viễn Đông | 955.675.405 | - |
| • Ông Huỳnh Bá Phụng | 235.000.559 | 235.000.559 |
| • Ông Ngô Đình Long | 207.057.168 | 207.057.168 |
| • Công ty TNHH XNK Nông sản Hồng Ân | 159.085.000 | 159.085.000 |
| • Công ty Cổ Phần Thương mại Dịch vụ Du lịch Sài Gòn Quốc tế | 141.999.500 | 141.999.500 |
| • Nhà máy điện Hậu Giang | 89.430.165 | 89.430.165 |
| • Ông Trần Ngọc Nam | 86.575.232 | 86.575.232 |
| • Công ty Cổ phần Asiabooking | 62.234.000 | 62.234.000 |
| • Khác | 834.790.033 | 718.708.212 |
| **Ngoại tệ các loại** | | |
| • SGD | 7.305 | - |
| • USD | 6.799 | 40.510,78 |
| • EUR | - | 200 |





# 39 | SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 3 tháng 1 năm 2020, Nhóm Công ty đã phát hành 4.610.000 cổ phiếu cho nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động. Việc phát hành cổ phiếu này được được phê duyệt bởi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 và được chấp thuận bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 ngày 5 tháng 2 năm 2020.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

*Ngày 27 tháng 3 năm 2020*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Phó Giám đốc |
|---|---|---|
| NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG | BÙI TẤN KHẢI | LÊ THỤY NHÃ UYÊN |

# BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Số tham chiếu: 61454124/21225788-HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty") được lập ngày 27 tháng 3 năm 2020 và được trình bày từ trang 6 đến trang 59, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được doanh nghiệp kiểm toán khác kiểm toán và đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính hợp nhất đó vào ngày 25 tháng 3 năm 2019.

**Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Lê Quang Minh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 0426-2018-004-1

Đặng Minh Tài
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2815-2019-004-1

| MÃ SỐ | | TÀI SẢN | THUYẾT MINH | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | |
| **100** | **A.** | **TÀI SẢN NGẮN HẠN** | | **190.807.754.834** | **130.837.137.504** |
| **110** | **I.** | **Tiền và các khoản tương đương tiền** | **4** | **58.376.164.651** | **12.986.210.124** |
| 111 | 1. | Tiền | | 28.123.558.651 | 12.986.210.124 |
| 112 | 2. | Các khoản tương đương tiền | | 30.252.606.000 | - |
| **130** | **II.** | **Các khoản phải thu ngắn hạn** | | **129.734.157.122** | **114.175.950.681** |
| 131 | 1. | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5 | 34.140.049.119 | 25.238.271.039 |
| 132 | 2. | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6 | 4.029.677.373 | 4.280.892.456 |
| 135 | 3. | Phải thu về cho vay ngắn hạn | 7 | 28.032.000.000 | 13.600.000.000 |
| 136 | 4. | Phải thu ngắn hạn khác | 8 | 63.949.835.124 | 71.408.641.536 |
| 137 | 5. | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 5, 6, 8 | (436.163.987) | (370.613.843) |
| 139 | 6. | Tài sản thiếu chờ xử lý | | 18.759.493 | 18.759.493 |
| **140** | **III.** | **Hàng tồn kho** | **9** | **1.373.906.553** | **1.612.950.946** |
| 141 | 1. | Hàng tồn kho | | 1.373.906.553 | 1.612.950.946 |
| **150** | **IV.** | **Tài sản ngắn hạn khác** | | **1.323.526.508** | **2.062.025.753** |
| 151 | 1. | Chi phí trả trước ngắn hạn | 10 | 824.129.665 | 708.423.812 |
| 152 | 2. | Thuế GTGT được khấu trừ | 17 | 111.896.884 | 246.419.803 |
| 153 | 3. | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 17 | 387.499.959 | 1.107.182.138 |
| **200** | **B.** | **TÀI SẢN DÀI HẠN** | | **1.211.824.133.919** | **995.054.042.880** |
| **210** | **I.** | **Các khoản phải thu dài hạn** | | **35.000.000** | **19.894.250.000** |
| 215 | 1. | Phải thu về cho vay dài hạn | 7 | - | 19.859.250.000 |
| 216 | 2. | Phải thu dài hạn khác | 8 | 35.000.000 | 35.000.000 |
| **220** | **II.** | **Tài sản cố định** | | **143.443.958.130** | **149.990.805.087** |
| 221 | 1. | Tài sản cố định hữu hình | 11 | 112.403.558.696 | 118.733.485.960 |
| 222 | Nguyên giá | Nguyên giá | | 177.250.501.957 | 174.406.447.649 |
| 223 | | Giá trị khấu hao lũy kế | | (64.846.943.261) | (55.672.961.689) |
| 227 | 2. | Tài sản cố định vô hình | 12 | 31.040.399.434 | 31.257.319.127 |
| 228 | Nguyên giá | Nguyên giá | | 40.718.781.267 | 39.678.781.267 |
| 229 | | Giá trị hao mòn lũy kế | | (9.678.381.833) | (8.421.462.140) |
| **240** | **III.** | **Tài sản dở dang dài hạn** | | **1.800.047.836** | **132.736.364** |
| 242 | 1. | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 13 | 1.800.047.836 | 132.736.364 |
| **250** | **IV.** | **Đầu tư tài chính dài hạn** | **14** | **1.062.336.995.701** | **820.724.689.150** |
| 251 | 1. | Đầu tư vào công ty con | 14.1 | 1.043.234.115.982 | 799.765.487.932 |
| 252 | 2. | Đầu tư vào công ty liên kết | 14.2 | 24.772.623.054 | 24.772.623.054 |
| 254 | 3. | Dự phòng đầu tư tài chínhdài hạn | | (5.669.743.335) | (3.813.421.836) |
| **260** | **V.** | **Tài sản dài hạn khác** | | **4.208.132.252** | **4.311.562.279** |
| 261 | 1. | Chi phí trả trước dài hạn | 10 | 4.208.132.252 | 4.311.562.279 |
| **270** | | **TỔNG CỘNG TÀI SẢN** | | **1.402.631.888.753** | **1.125.891.180.384** |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **300** | **C.** | **NỢ PHẢI TRẢ** | | **306.373.869.510** | **230.664.288.479** |
| **310** | **I.** | **Nợ ngắn hạn** | | **207.927.893.530** | **190.272.135.853** |
| 311 | 1. | Phải trả người bán ngắn hạn | 15 | 11.568.834.552 | 42.962.441.649 |
| 312 | 2. | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 16 | 4.636.853.713 | 4.777.830.020 |
| 313 | 3. | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 17 | 3.839.763.495 | 3.183.946.853 |
| 314 | 4. | Phải trả người lao động | | 264.018.375 | 6.165.718.475 |
| 315 | 5. | Chi phí phải trả ngắn hạn | 18 | 1.806.851.023 | 3.114.609.529 |
| 318 | 6. | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 19 | 388.399.999 | 1.922.054.546 |
| 319 | 7. | Phải trả ngắn hạn khác | 20 | 77.329.609.203 | 34.921.089.902 |
| 320 | 8. | Vay ngắn hạn | 21 | 103.730.097.233 | 92.997.202.940 |
| 322 | 9. | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 4.363.465.937 | 227.241.939 |
| **330** | **II.** | **Nợ dài hạn** | | **98.445.975.980** | **40.392.152.626** |
| 337 | 1. | Phải trả dài hạn khác | 20 | 13.137.174.716 | 917.770.000 |
| 338 | 2. | Vay dài hạn | 21 | 85.308.801.264 | 39.474.382.626 |
| | | | | | |
| **400** | **D.** | **VỐN CHỦ SỞ HỮU** | | **1.096.258.019.243** | **895.226.891.905** |
| 410 | I. | Vốn chủ sở hữu | 22 | 1.096.258.019.243 | 895.226.891.905 |
| 411 | 1. | Vốn cổ phần | | 926.666.080.000 | 837.044.050.000 |
| *411a* | | *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết* | | *926.666.080.000* | *837.044.050.000* |
| 412 | 2. | Thặng dư vốn cổ phần | | 121.732.866.414 | 38.493.268.364 |
| 418 | 3. | Quỹ đầu tư phát triển | | 6.719.655.738 | 6.719.655.738 |
| 421 | 4. | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 41.139.417.091 | 12.969.917.803 |
| *421a* | | *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước* | | *6.453.802.292* | *12.947.425.426* |
| *421b* | | *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay* | | *34.685.614.799* | *22.492.377* |
| **440** | | **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN** | | **1.402.631.888.753** | **1.125.891.180.384** |

*Ngày 27 tháng 3 năm 2020*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Phó Giám đốc |
|---|---|---|
| NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG | BÙI TẤN KHẢI | LÊ THỤY NHÃ UYÊN |

*VND*

| MÃ SỐ | | CHỈ TIÊU | THUYẾT MINH | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|---|---|---|
| 10 | 1. | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 23.1 | 348.766.142.451 | 339.335.388.406 |
| 11 | 2. | Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | 24 | (252.038.671.297) | (241.659.261.735) |
| 20 | 3. | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 96.727.471.154 | 97.676.126.671 |
| 21 | 4. | Doanh thu hoạt động tài chính | 23.2 | 44.892.939.749 | 51.884.203.860 |
| 22 | 5. | Chi phí tài chính | 25 | (16.334.182.815) | (14.924.747.191) |
| 23 | | Trong đó: Chi phí lãi vay | | (14.467.623.085) | (13.240.503.997) |
| 25 | 6. | Chi phí bán hàng | 26 | (35.986.928.609) | (29.605.607.188) |
| 26 | 7. | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | (58.240.891.763) | (64.038.673.010) |
| 30 | 8. | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | 31.058.407.716 | 40.991.303.142 |
| 31 | 9. | Thu nhập khác | 27 | 5.253.926.667 | 922.619.300 |
| 32 | 10. | Chi phí khác | 27 | (1.113.869.168) | (39.227.565) |
| 40 | 11. | Lợi nhuận khác | 27 | 4.140.057.499 | 883.391.735 |
| 50 | 12. | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 35.198.465.215 | 41.874.694.877 |
| 51 | 13. | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 29.1 | (512.850.416) | - |
| 60 | 14. | Lợi nhuận sau thuế TNDN | | 34.685.614.799 | 41.874.694.877 |

*Ngày 27 tháng 3 năm 2020*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Phó Giám đốc |
|---|---|---|
| NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG | BÙI TẤN KHẢI | LÊ THỤY NHÃ UYÊN |





| MÃ SỐ | CHỈ TIÊU | THUYẾT MINH | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|---|---|
| | **I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH** | | | |
| **01** | **Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** | | **35.198.465.215** | **41.874.694.877** |
| | Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| 02 | Khấu hao và hao mòn | 11, 12 | 11.286.294.593 | 10.037.771.085 |
| 03 | Dự phòng | | 1.921.871.643 | 1.537.967.562 |
| 04 | Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | | (2.580.849) | - |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | | (45.059.913.301) | (51.897.021.075) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 25 | 14.467.623.085 | 13.240.503.997 |
| **08** | **Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động** | | **17.811.760.386** | **14.793.916.446** |
| 09 | Tăng các khoản phải thu | | (20.848.691.253) | (17.649.467.076) |
| 10 | Giảm (tăng) hàng tồn kho | | 239.044.393 | (631.827.196) |
| 11 | Tăng (giảm) các khoản phải trả | | 12.317.172.467 | (308.146.593) |
| 12 | (Tăng) giảm chi phí trả trước | | (12.275.826) | 1.772.313.314 |
| 13 | Giảm chứng khoán kinh doanh | | - | 13.923.704.222 |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | | (14.428.869.120) | (13.098.240.342) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | | (512.850.416) | (4.801.882.338) |
| 16 | Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 4.136.223.998 | - |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | - | (548.316.163) |
| **20** | **Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh** | | **(1.298.485.371)** | **(6.547.945.726)** |
| | **II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ** | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định | | (9.400.635.780) | (20.429.070.874) |
| 22 | Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | | 3.181.535.648 | 3.323.373.722 |
| 23 | Tiền chi cho vay | | 5.427.250.000 | (33.459.250.000) |
| 25 | Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | (50.050.000.000) | - |
| 27 | Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 44.872.254.325 | 44.166.918.116 |
| **30** | **Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư** | | **(5.969.595.807)** | **(6.398.029.036)** |

| MÃ SỐ | CHỈ TIÊU | THUYẾT MINH | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|---|---|
| | **III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH** | | | |
| 31 | Tiền thu từ phát hành cổ phiếu | | - | 39.690.650.000 |
| 33 | Tiền thu từ đi vay | 21 | 297.509.992.774 | 180.227.960.901 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | 21 | (240.942.679.843) | (164.273.548.138) |
| 36 | Cổ tức đã trả | 22.2 | (3.910.147.425) | (37.686.474.675) |
| **40** | **Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính** | | **52.657.165.506** | **17.958.588.088** |
| **50** | **Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm** | | **45.389.084.328** | **5.012.613.326** |
| **60** | **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | | **12.986.210.124** | **7.973.596.798** |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | 870.199 | - |
| **70** | **Tiền và tương đương tiền cuối năm** | **4** | **58.376.164.651** | **12.986.210.124** |

*Ngày 27 tháng 3 năm 2020*

| Người lập biểu | Kế toán trưởng | Phó Giám đốc |
|---|---|---|
| NGUYỄN THỊ LAN PHƯƠNG | BÙI TẤN KHẢI | LÊ THỤY NHÃ UYÊN |





# 01 | THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNĐKKD") số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006, và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, tổ chức sự kiện; kinh doanh đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch; kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài, buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 437 (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 404).

# 02 | CƠ SỞ TRÌNH BÀY

## 2.1 | MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 để ngày 26 tháng 3 năm 2020.
Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

## 2.2 | CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc, và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

## 2.3 | HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

## 2.4 | KỲ KẾ TOÁN NĂM

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

## 2.5 | ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

# 03 | TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

## 3.1 | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền/

## 3.2 | HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định như chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

## 3.3 | CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

## 3.4 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

## 3.5 | THUÊ TÀI SẢN

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

## 3.6 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

## 3.7 | KHẤU HAO VÀ HAO MÒN

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất : 39 - 50 năm

Nhà cửa và vật kiến trúc : 8 - 50 năm

Máy móc và thiết bị : 3 - 8 năm

Thiết bị văn phòng : 3 - 10 năm

Phần mềm máy tính : 3 năm

Phương tiện vận tải : 8 năm

Tài sản khác :6 - 10 năm

## 3.8 | CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

## 3.9 | CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

**Đầu tư vào công ty con**

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận từ thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư**

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.





## 3.10 | CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- Chi phí bảo hiểm; và
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng.

## 3.11 | CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong năm khi phát sinh.

## 3.12 | CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

## 3.13 | CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.
- Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

## 3.14 | PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

## 3.15 | GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, giải trí và hoạt động kinh doanh khác

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, phí dịch vụ giặt ủi và các khoản doanh thu khác được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao và dịch vụ đã được thực hiện.

**Tiền lãi**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**Cổ tức**

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ được công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính riêng có liên quan.

## 3.16 | THUẾ

**Thuế thu nhập hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế, hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi..

## 3.17 | CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

## 04 | TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Cam kết thuê hoạt động

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Tiền mặt | 291.620.187 | 634.376.133 |
| Tiền gửi ngân hàng | 27.768.272.175 | 12.268.898.192 |
| Tiền đang chuyển | 63.666.289 | 82.935.799 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 30.252.606.000 | - |
| **TỔNG CỘNG** | **58.376.164.651** | **12.986.210.124** |

*(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc dưới ba tháng và được hưởng tiền lãi với lãi suất 5%/năm.*

## 05 | PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Các bên khác | 16.075.998.880 | 14.780.538.717 |
| Các bên liên quan (Thuyết minh số 30) | 18.064.050.239 | 10.457.732.322 |
| **TỔNG CỘNG** | **34.140.049.119** | **25.238.271.039** |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (59.279.027) | (112.919.633) |
| **GIÁ TRỊ THUẦN** | **34.080.770.092** | **25.125.351.406** |





Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| **Số đầu năm** | **112.919.633** | **68.479.428** |
| Cộng: Dự phòng trích lập trong năm | - | 44.440.205 |
| Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm | (53.640.606) | - |
| **Số cuối năm** | **59.279.027** | **112.919.633** |

## 06 | TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| **Các bên khác** | **4.029.677.373** | **4.280.892.456** |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (134.315.460) | (135.635.460) |
| **GIÁ TRỊ THUẦN** | **3.895.361.913** | **4.145.256.996** |

## 07 | PHẢI THU VỀ CHO VAY

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | **28.032.000.000** | **13.600.000.000** |
| Bà Đặng Nhân Dung | - | 13.600.000.000 |
| Các bên liên quan (Thuyết minh số 30) | 28.032.000.000 | - |
| **Dài hạn** | | **19.859.250.000** |
| Bên liên quan | - | 19.859.250.000 |
| **TỔNG CỘNG** | **8.032.000.000** | **33.459.250.000** |

Chi tiết các khoản phải thu ngắn hạn về cho vay tín chấp được trình bày như sau:

| BÊN ĐI VAY | SỐ CUỐI NĂM VNĐ | NGÀY ĐÁO HẠN | LÃI SUẤT %/NĂM |
|---|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận | 11.692.000.000 | Ngày 29 tháng 12 năm 2020 | 10-11 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | 6.800.000.000 | Ngày 26 tháng 12 năm 2020 | 11 |
| Công ty Cổ phần Địa ốc Sài gòn Thương Tín | 5.000.000.000 | Ngày 16 tháng 7 năm 2020 | 12 |
| Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận | 4.540.000.000 | Ngày 4 tháng 12 năm 2020 | 10-12 |
| **TỔNG CỘNG** | **28.032.000.000** | | |

# 08 | PHẢI THU KHÁC

Cam kết thuê hoạt động

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | **63.949.835.124** | **71.408.641.536** |
| • Các bên liên quan (Thuyết minh số 30) | 25.443.791.090 | 49.984.569.251 |
| • Tạm ứng cho nhân viên | 20.106.506.048 | 17.313.201.760 |
| • Ký quỹ | 15.049.960.546 | 1.514.460.546 |
| • Lãi cho vay phải thu | 165.767.704 | 127.057.534 |
| • Khác | 3.183.809.736 | 2.469.352.445 |
| **Dài hạn** | **35.000.000** | **35.000.000** |
| • Ký quỹ | 35.000.000 | 35.000.000 |
| **TỔNG CỘNG** | **63.984.835.124** | **71.443.641.536** |
| • Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (242.569.500) | (122.058.750) |
| **GIÁ TRỊ THUẦN** | **63.742.265.624** | **71.321.582.786** |

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| **Số đầu năm** | **122.058.750** | **122.058.750** |
| Cộng: Dự phòng trích lập trong năm | 120.510.750 | - |
| Số cuối năm | 242.569.500 | 122.058.750 |

# 09 | HÀNG TỒN KHO

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Nguyên vật liệu | 718.969.645 | 808.940.446 |
| Hàng hóa | 488.294.300 | 657.117.892 |
| Công cụ, dụng cụ | 166.642.608 | 146.892.608 |
| **TỔNG CỘNG** | **1.373.906.553** | **1.612.950.946** |

# 10 | CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | **824.129.665** | **708.423.812** |
| • Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 674.141.060 | 362.088.814 |
| • Chi phí bảo hiểm | 99.091.789 | 96.942.286 |
| • Khác | 50.896.816 | 249.392.712 |
| **Dài hạn** | **4.208.132.252** | **4.311.562.279** |
| • Công cụ, dụng cụ xuất dùng | 3.764.584.859 | 3.339.002.838 |
| • Khác | 443.547.393 | 972.559.441 |
| **TỔNG CỘNG** | **5.032.261.917** | **5.019.986.091** |

# 11 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | NHÀ CỬA, VẬT KIẾN TRÚC VND | MÁY MÓC, THIẾT BỊ VND | PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI, TRUYỀN DẪN VND | TSCĐ DÙNG TRONG QUẢN LÝ VND | TSCĐ HỮU HÌNH KHÁC VND | CỘNG VND |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Nguyên giá | | | | | | |
| **Số đầu năm** | **138.047.410.753** | **11.812.485.553** | **21.579.091.964** | **2.263.529.919** | **703.929.460** | **174.406.447.649** |
| Mua trong năm | 1.204.081.044 | 1.205.989.940 | 15.468.645 | - | 35.000.000 | 2.460.539.629 |
| Đầu tư XDCB hoàn thành | 3.382.842.496 | 849.942.183 | - | - | - | 4.232.784.679 |
| Phân loại lại | (1.559.434.279) | (653.863.688) | 447 | (665.007.432) | 2.878.304.952 | - |
| Thanh lý | - | - | (3.849.270.000) | - | - | (3.849.270.000) |
| **Số cuối năm** | **141.074.900.014** | **13.214.553.988** | **17.745.291.056** | **1.598.522.487** | **3.617.234.412** | **177.250.501.957** |
| Trong đó: Đã khấu hao hết | 3.272.049.862 | 2.689.987.123 | - | 1.425.956.943 | - | 7.387.993.928 |
| **Giá trị hao mòn lũy kế** | | | | | | |
| Số đầu năm | (44.685.839.102) | (5.303.801.009) | (3.070.104.911) | (2.219.883.691) | (393.332.976) | (55.672.961.689) |
| Khấu hao trong năm | (4.926.131.129) | (1.651.679.015) | (3.349.213.673) | (96.517.751) | (5.833.332) | (10.029.374.900) |
| Phân loại lại | 736.902.260 | 51.536.236 | 81.768.592 | 750.116.637 | (1.620.323.725) | - |
| Thanh lý | - | - | 855.393.328 | - | - | 855.393.328 |
| **Số cuối năm** | **(48.875.067.971)** | **(6.903.943.788)** | **(5.482.156.664)** | **(1.566.284.805)** | **(2.019.490.033)** | **(64.846.943.261)** |
| **Giá trị còn lại** | | | | | | |
| Số đầu năm | 93.361.571.651 | 6.508.684.544 | 18.508.987.053 | 43.646.228 | 310.596.484 | 118.733.485.960 |
| Số cuối năm | 92.199.832.043 | 6.310.610.200 | 12.263.134.392 | 32.237.682 | 1.597.744.379 | 112.403.558.696 |
| *Trong đó:* *Tài sản thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh số 21)* | - | - | *11.669.372.456* | - | - | *11.669.372.456* |

## 12 | TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

| | QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VND | CHƯƠNG TRÌNH PHẦN MỀM VND | KHÁC VND | CỘNG |
|---|---|---|---|---|
| **Nguyên giá** | | | | |
| Số đầu năm | 38.892.426.817 | 296.000.000 | 490.354.450 | 39.678.781.267 |
| • Mua trong năm | - | 1.040.000.000 | - | 1.040.000.000 |
| • Số cuối năm | 38.892.426.817 | 1.336.000.000 | 490.354.450 | 40.718.781.267 |
| *Trong đó: Đã hao mòn hết* | - | *236.000.000* | *345.006.268* | *581.006.268* |
| **Giá trị hao mòn lũy kế** | | | | |
| Số đầu năm | (7.962.717.155) | (197.083.336) | (261.661.649) | (8.421.462.140) |
| • Hao mòn trong năm | (995.057.676) | (171.249.998) | (90.612.019) | (1.256.919.693) |
| • Số cuối năm | (8.957.774.831) | (368.333.334) | (352.273.668) | (9.678.381.833) |
| **Giá trị còn lại** | | | | |
| Số đầu năm | 30.929.709.662 | 98.916.664 | 228.692.801 | 31.257.319.127 |
| Số cuối năm | 29.934.651.986 | 967.666.666 | 138.080.782 | 31.040.399.434 |

## 13 | CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Dự án Khu vui chơi Phú Quốc | 1.710.947.836 | - |
| Phần mềm máy tính | 89.100.000 | 89.100.000 |
| Nhà hàng nướng BBQ tại Chi nhánh Cần Thơ | - | 43.636.364 |
| **TỔNG CỘNG** | **1.800.047.836** | **132.736.364** |

## 14 | ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 14.1) | 1.043.234.115.982 | 799.765.487.932 |
| Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.2) | 24.772.623.054 | 24.772.623.054 |
| **TỔNG CỘNG** | **1.068.006.739.036** | **824.538.110.986** |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | (5.669.743.335) | (3.813.421.836) |
| **GIÁ TRỊ THUẦN** | **1.062.336.995.701** | **820.724.689.150** |





### 14.1 | ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

| TÊN CÔNG TY CON | TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG | LĨNH VỰC KINH DOANH | SỐ CUỐI NĂM | | SỐ ĐẦU NĂM | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | CHI PHÍ ĐẦU TƯ | % SỞ HỮU | CHI PHÍ ĐẦU TƯ | % SỞ HỮU |
| Công ty TNHH Du lịch TTC (*) | Đang hoạt động | Dịch vụ lưu trú và nhà hàng | 433.295.516.000 | 100 | 363.295.516.000 | 100 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | Đang hoạt động | Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và vui chơi giải trí | 442.218.911.050 | 100 | 268.800.283.000 | 72,01 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | Đang hoạt động | Dịch vụ lưu trú và nhà hàng | 77.419.955.000 | 74,8 | 77.419.955.000 | 74,8 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre | Đang hoạt động | Dịch vụ lưu trú và nhà hàng | 77.168.581.670 | 84,45 | 77.168.581.670 | 84,45 |
| Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt | Đang hoạt động | Dịch vụ lưu trú và nhà hàng | 13.081.152.262 | 100 | 13.081.152.262 | 100 |
| Công ty TNHH MTV Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan (**) | Đang hoạt động | Dịch vụ chăm sóc sức khỏe | 50.000.000 | 100 | | |
| **TỔNG CỘNG** | | | **1.043.234.115.982** | | **799.765.487.932** | |

*(*) Trong năm, Công ty đã tăng vốn góp vào Công ty TNHH Du lịch TTC theo các Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 05/2019/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 3 năm 2019 và số 24/2019/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 10 năm 2019.*

*(**) Trong năm, Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH MTV Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan theo Nghị Quyết Hội đồng Quản trị số 12/2019/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 6 năm 2019.*

### 14.2 | ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

| TÊN CÔNG TY LIÊN KẾT | TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG | LĨNH VỰC KINH DOANH | SỐ CUỐI NĂM | | SỐ ĐẦU NĂM | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | CHI PHÍ ĐẦU TƯ % SỞ HỮU | % SỞ HỮU | CHI PHÍ ĐẦU TƯ | % SỞ HỮU |
| Công ty Cổ phần Du lịch Vina-golf Angkor | Đang hoạt động | Dịch vụ lưu trú và nhà hàng | 24.772.623.054 | 49 | 24.772.623.054 | 49 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | | | (5.669.743.335) | | (3.813.421.836) | |
| **GIÁ TRỊ THUẦN** | | | **19.102.879.719** | | **20.959.201.218** | |

## 15 | PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Các bên liên quan (Thuyết minh số 30) | 6.758.052.994 | 34.619.463.198 |
| Các bên khác | 4.810.781.558 | 8.342.978.451 |
| **TỔNG CỘNG** | **11.568.834.552** | **42.962.441.649** |

## 16 | NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Các bên liên quan (Thuyết minh số 30) | 1.799.000 | 743.496.325 |
| Các bên khác | 4.635.054.713 | 4.034.333.695 |
| • Công TNHH Agoda International Việt Nam | 1.041.394.789 | 1.102.368.717 |
| • Khác | 3.593.659.924 | 2.931.964.978 |
| **TỔNG CỘNG** | **4.636.853.713** | **4.777.830.020** |

# 17 | THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| NĂM PHÁT SINH | SỐ ĐẦU NĂM | TĂNG TRONG NĂM | GIẢM TRONG NĂM | SỐ CUỐI NĂM |
|---|---|---|---|---|
| Thuế giá trị gia tăng | 1.745.397.958 | 34.100.455.790 | (32.982.578.549) | 2.863.275.199 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 1.362.720.849 | 5.663.239.184 | (6.099.893.515) | 926.066.518 |
| Thuế tiêu thụ đặc biệt | 60.185.862 | 580.632.323 | (603.524.448) | 37.293.737 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 512.850.416 | (512.850.416) | - |
| Thuế khác | 15.642.184 | 170.509.855 | (173.023.998) | 13.128.041 |
| **TỔNG CỘNG** | **3.183.946.853** | **41.027.687.568** | **(40.371.870.926)** | **3.839.763.495** |
| **Phải thu** | | | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 1.107.182.138 | 27.729.142 | (747.761.696) | 387.149.584 |
| Thuế giá trị gia tăng | 246.419.803 | 19.927.709.337 | (20.062.232.256) | 111.896.884 |
| Thuế thu nhập cá nhân | - | 350.375 | - | 350.375 |
| **TỔNG CỘNG** | **1.353.601.941** | **19.955.788.854** | **(20.809.993.952)** | **499.396.843** |

# 18 | CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Phí dịch vụ chuyên nghiệp | 1.090.000.000 | 250.000.000 |
| Chi phí tiện ích | 200.000.000 | 800.649.614 |
| Chi phí lãi vay | 181.017.620 | 142.263.655 |
| Chi phí đồng phục | - | 756.794.216 |
| Chi phí marketing | - | 95.275.765 |
| Khác | 335.833.403 | 1.069.626.279 |
| **TỔNG CỘNG** | **1.806.851.023** | **3.114.609.529** |

# 19 | DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện các khoản tiền nhận trước từ khách hàng về việc thuê phòng khách sạn.

# 20 | PHẢI TRẢ KHÁC

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện các khoản tiền nhận trước từ khách hàng về việc thuê phòng khách sạn.

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | **77.329.609.203** | **34.921.089.902** |
| • Cán bộ nhân viên đặt cọc mua cổ phiếu theo chương trình phát hành cổ phiếu cho người lao động (ESOP) | 53.937.000.000 | - |
| • Cổ tức phải trả | 8.388.104.941 | 12.298.252.366 |
| • Các bên liên quan (Thuyết minh số 30) | 7.351.709.665 | 13.544.000.585 |
| • Nhận ký quỹ | 1.106.500.000 | 3.176.099.598 |
| • Chi hộ | - | 4.008.603.410 |
| • Khác | 6.546.294.597 | 1.894.133.943 |
| **Dài hạn** | **13.137.174.716** | **917.770.000** |
| • Bên liên quan (Thuyết minh số 30) | 11.919.404.716 | - |
| • Nhận ký quỹ | 1.217.770.000 | 917.770.000 |
| **TỔNG CỘNG** | **90.466.783.919** | **35.838.859.902** |





# 21 | VAY

| | SỐ ĐẦU NĂM | VAY | PHÂN LOẠI LẠI | TRẢ NỢ VAY | SỐ CUỐI NĂM |
|---|---|---|---|---|---|
| **Ngắn hạn** | **92.997.202.940** | **254.648.733.128** | **(23.276.382.237)** | **(220.639.456.598)** | **103.730.097.233** |
| Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1) | 49.770.646.928 | 223.506.002.965 | (2.461.228.000) | (177.236.900.586) | 93.578.521.307 |
| Vay bên liên quan (Thuyết minh số 21.2) | 31.455.060.000 | 30.300.000.000 | (29.324.000.000) | (31.031.060.000) | 1.400.000.000 |
| *Vay thấu chi ngân hàng* | - | *842.730.163* | - | - | *842.730.163* |
| Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 21.3) | 6.271.496.012 | - | 7.908.845.763 | (6.271.496.012) | 7.908.845.763 |
| Vay dài hạn các bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh số 21.4) | 5.500.000.000 | - | 600.000.000 | (6.100.000.000) | - |
| **Dài hạn** | **39.474.382.626** | **42.861.259.646** | **23.276.382.237** | **(20.303.223.245)** | **85.308.801.264** |
| Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.3) | 35.174.382.626 | 5.370.959.646 | (5.447.617.763) | (3.103.223.245) | 31.994.501.264 |
| Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 21.4) | 4.300.000.000 | 25.200.000.000 | 28.724.000.000 | (17.200.000.000) | 41.024.000.000 |
| Vay các bên khác (Thuyết minh số 21.5) | - | 12.290.300.000 | - | - | 12.290.300.000 |
| **TỔNG CỘNG** | **132.471.585.566** | **297.509.992.774** | **-** | **(240.942.679.843)** | **189.038.898.497** |

## 21.1 VAY NGẮN HẠN NGÂN HÀNG

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

| NGÂN HÀNG | SỐ CUỐI NĂM | KỲ HẠN TRẢ GỐC VÀ LÃI | LÃI SUẤT %/ NĂM | MỤC ĐÍCH | HÌNH THỨC ĐẢM BẢO |
|---|---|---|---|---|---|
| **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đăk Lăk** | | | | | |
| • Khoản vay 1 | 58.078.032.944 | Ngày 30 tháng 4 năm 2020 | 9,9 | Tài trợ vốn lưu động | 5.000.000 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công ("TTCI"); và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú |
| **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh** | | | | | |
| • Khoản vay 1 | 35.500.488.363 | Ngày 30 tháng 4 năm 2020 | 7 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| | **93.578.521.307** | | | | |

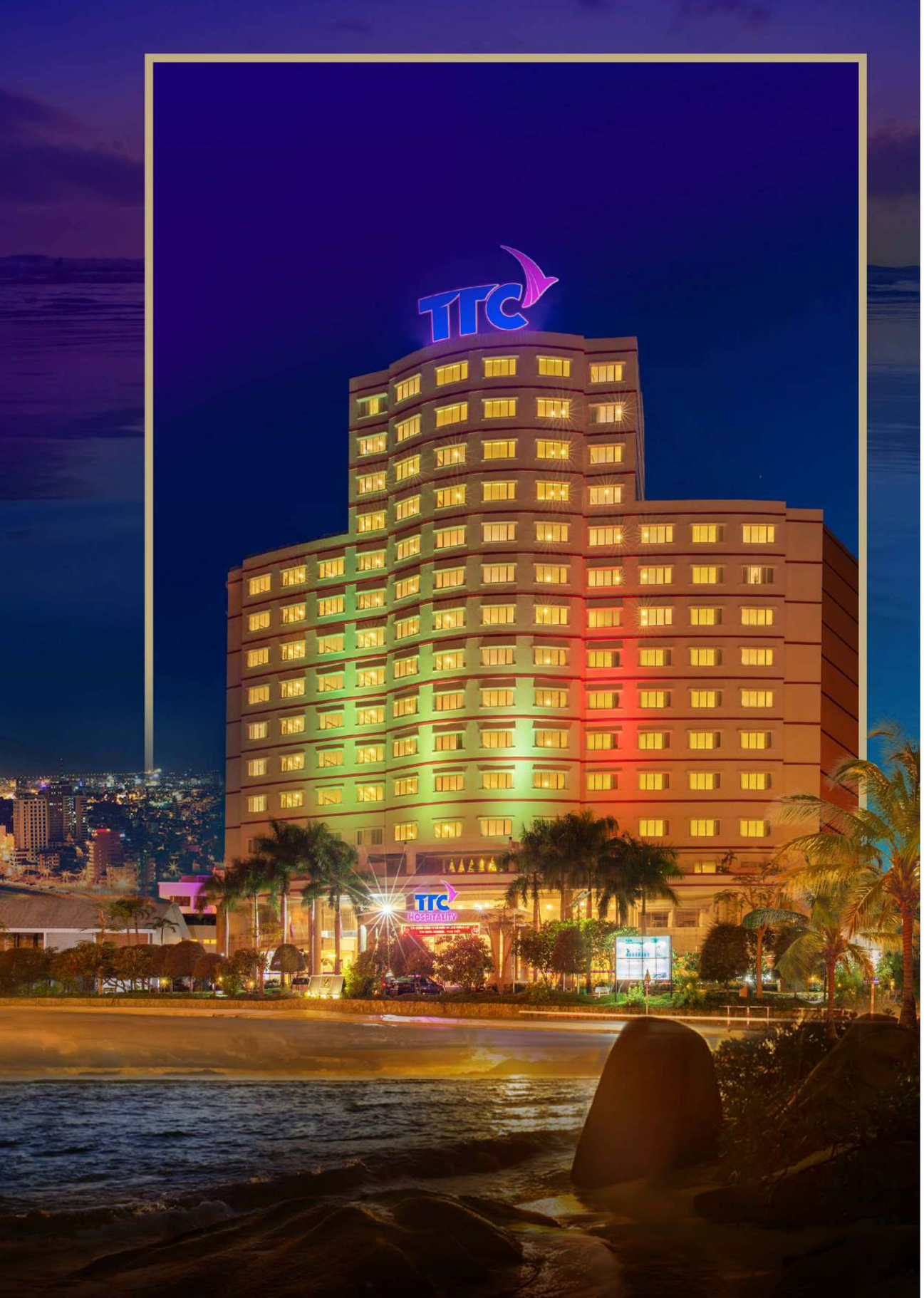




## 21.2 VAY NGẮN HẠN BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

| Ngân hàng | Số cuối năm | Kỳ hạn trả gốc và lãi | Lãi suất %/ năm | Mục đích | Hình thức đảm bảo |
|---|---|---|---|---|---|
| **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đăk Lăk** | | | | | |
| • Khoản vay 1 | 58.078.032.944 | Ngày 30 tháng 4 năm 2020 | 9,9 | Tài trợ vốn lưu động | 5.000.000 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công ("TTCI"); và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú |
| **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh** | | | | | |
| • Khoản vay 1 | 35.500.488.363 | Ngày 30 tháng 4 năm 2020 | 7 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| | **93.578.521.307** | | | | |

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

| Bên cho vay | Số cuối năm | Kỳ hạn trả gốc và lãi | Lãi suất %/ năm | Mục đích | Hình thức đảm bảo |
|---|---|---|---|---|---|
| **Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình** | | | | | |
| • Khoản vay 1 | 1.400.000.000 | Ngày 4 tháng 12 năm 2020 | 10 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |

## 21.3 | VAY DÀI HẠN NGÂN HÀNG

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: VND

| NGÂN HÀNG | SỐ CUỐI NĂM | KỲ HẠN TRẢ GỐC VÀ LÃI | | LÃI SUẤT %/ NĂM | MỤC ĐÍCH | HÌNH THỨC ĐẢM BẢO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đăk Lăk | | | | | | |
| • Khoản vay 1 | 17.812.403.521 | Ngày 19 tháng 6 năm 2025 | | 8,5 | Tài trợ vốn lưu động | 5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú |
| • Khoản vay 2 | 12.902.805.793 | Ngày 19 tháng 6 năm 2025 | | 8,5 | Tài trợ vốn lưu động | 5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú |
| • Khoản vay 3 | 2.273.314.401 | Ngày 19 tháng 6 năm 2024 | | 8,5 | Tài trợ vốn lưu động | 5.000.000 cổ phiếu SBT của TTCI; và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú |
| | | | | | | |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình | | | | | | |
| • Khoản vay 1 | 2.455.650.000 | Ngày 28 tháng 3 năm 2024 | | 8,9 | Tài trợ vốn lưu động | Phương tiện vận tải |
| • Khoản vay 2 | 459.200.000 | Ngày 17 tháng 12 năm 2023 | | 7,9 | Tài trợ vốn lưu động | Phương tiện vận tải |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh | | | | | | |
| • Khoản vay 1 | 3.142.533.318 | Ngày 9 tháng 2 năm 2023 | | 7,9 | Tài trợ vốn lưu động | Phương tiện vận tải |
| • Khoản vay 2 | 396.000.000 | Ngày 29 tháng 12 năm 2021 | | 10,6 | Tài trợ vốn lưu động | Phương tiện vận tải |
| • Khoản vay 3 | 461.439.994 | Ngày 28 tháng 6 năm 2023 | | 8,5 | Tài trợ vốn lưu động | Phương tiện vận tải |
| | 39.903.347.027 | | | | | |
| Trong đó: | | | | | | |
| Vay dài hạn | 7.908.845.763 | | | | | |
| đến hạn trả | 31.994.501.264 | | | | | |
| Vay dài hạn | 25.137.107.310 | | | | | |

## 21.4 | VAY DÀI HẠN TỪ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các bên liên quan được trình bày như sau:

| BÊN CHO VAY | SỐ CUỐI NĂM | KỲ HẠN TRẢ GỐC VÀ LÃI | LÃI SUẤT %/ NĂM | MỤC ĐÍCH | HÌNH THỨC ĐẢM BẢO |
|---|---|---|---|---|---|
| **Công ty CP Du lịch Thanh Bình** | | | | | |
| • Khoản vay 1 | 12.400.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 10 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| • Khoản vay 2 | 2.800.000.000 | Ngày 15 tháng 11 năm 2021 | 10 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| • Khoản vay 3 | 2.600.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 10 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| • Khoản vay 4 | 2.000.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 10 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| • Khoản vay 5 | 1.300.000.000 | Ngày 27 tháng 11 năm 2021 | 10 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| • Khoản vay 6 | 1.000.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 10 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| • Khoản vay 7 | 1.000.000.000 | Ngày 30 tháng 8 năm 2021 | 10 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| • Khoản vay 8 | 600.000.000 | Ngày 2 tháng 8 năm 2021 | 10 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| • Khoản vay 9 | 500.000.000 | Ngày 30 tháng 8 năm 2021 | 10 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| • Khoản vay 10 | 500.000.000 | Ngày 1 tháng 10 năm 2021 | 10 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |

## 21.4 | VAY DÀI HẠN TỪ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các bên liên quan được trình bày như sau: (tiếp theo)

| BÊN CHO VAY | SỐ CUỐI NĂM | KỲ HẠN TRẢ GỐC VÀ LÃI | LÃI SUẤT %/ NĂM | MỤC ĐÍCH | HÌNH THỨC ĐẢM BẢO |
|---|---|---|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Du lịch núi Tà Cú | | | | | |
| • Khoản vay 1 | 3.000.000.000 | Ngày 9 tháng 7 năm 2021 | 9,5 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| • Khoản vay 2 | 3.000.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 10 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| • Khoản vay 3 | 2.500.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 9,5 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| • Khoản vay 4 | 1.824.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 9,5 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| • Khoản vay 5 | 1.500.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 10 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| • Khoản vay 6 | 1.000.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 10 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| • Khoản vay 7 | 1.000.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 9,5 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| • Khoản vay 8 | 1.000.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 10 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| • Khoản vay 9 | 1.000.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 10 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| • Khoản vay 10 | 500.000.000 | Ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 10 | Tài trợ vốn lưu động | Tín chấp |
| | 41.024.000.000 | | | | |
| Trong đó: | | | | | |
| Vay dài hạn đến hạn trả | | | | | |
| Vay dài hạn | 41.024.000.000 | | | | |

## 21.5 | VAY DÀI HẠN TỪ CÁC BÊN KHÁC

Các khoản vay dài hạn là các khoản vay từ các nhân viên của Công ty để tài trợ vốn lưu động trong năm. Các khoản vay này có thời hạn 2 năm, đáo hạn vào tháng 12 năm 2021, với lãi suất 10,75% mỗi năm và không có tài sản bảo đảm.

## 22 | VỐN CHỦ SỞ HỮU

### 22.1 | TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | VỐN CỔ PHẦN | THẶNG DƯ | VỐN KHÁC CỦA CHỦ SỞ HỮU | CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỐI ĐOÁI | QUỸ ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN |
|---|---|---|---|---|---|
| | vốn cổ phần | Quỹ đầu tư | | | |
| **Năm trước** | | | | | |
| **Số đầu năm** | **752.050.000.000** | 748.636.364 | 6.719.655.738 | 13.722.983.528 | 773.241.275.630 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 41.874.694.877 | 41.874.694.877 |
| Cổ tức công bố | - | - | - | (41.852.202.500) | (41.852.202.500) |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | (945.398.616) | (945.398.616) |
| Phát hành cổ phiếu hoán đổi | 45.134.800.000 | 37.913.232.000 | - | - | 83.048.032.000 |
| Phát hành cổ phiếu cho người lao động | 39.859.250.000 | - | - | - | 39.859.250.000 |
| Chi phí phát hành cổ phiếu | - | (168.600.000) | - | - | (168.600.000) |
| Tăng khác | - | - | - | 169.840.514 | 169.840.514 |
| **Số cuối năm** | 837.044.050.000 | 38.493.268.364 | 6.719.655.738 | 12.969.917.803 | 895.226.891.905 |
| **Năm nay** | | | | | |
| Số đầu năm | 837.044.050.000 | 38.493.268.364 | 6.719.655.738 | 12.969.917.803 | 895.226.891.905 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | 34.685.614.799 | 34.685.614.799 |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) | - | - | - | (6.281.204.232) | (6.281.204.232) |
| Phát hành cổ phiếu hoán đổi (**) | 89.622.030.000 | 83.796.598.000 | - | - | 173.418.628.000 |
| Chi phí phát hành cổ phiếu | - | (556.999.950) | - | - | (556.999.950) |
| Giảm khác | - | - | - | (234.911.279) | (234.911.279) |
| Số cuối năm | 926.666.080.000 | 121.732.866.414 | 6.719.655.738 | 41.139.417.091 | 1.096.258.019.243 |

*(*) Trong năm, Công ty trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị Quyết Đại Hội đồng Cổ đông thường niên số 12/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019.*

*(**) Vào ngày 24 tháng 7 năm 2019, Công ty đã phát hành 8,962,203 cổ phiếu mới để hoán đổi toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng theo tỷ lệ 1:0,90 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019. Việc tăng vốn cổ phần này đã được phê duyệt bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 21 vào ngày 26 tháng 8 năm 2019.*





### 22.2 | CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Vốn cổ phần đã phát hành | | |
| Số đầu năm | 837.044.050.000 | 752.050.000.000 |
| Tăng vốn | 89.622.030.000 | 84.994.050.000 |
| Số cuối năm | 926.666.080.000 | 837.044.050.000 |
| **Cổ tức đã trả** | **3.910.147.425** | **37.686.474.675** |

### 22.3 | CỔ PHIẾU

| | SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU | |
|---|---|---|
| | SỐ CUỐI NĂM (CỔ PHIẾU) | SỐ ĐẦU NĂM (CỔ PHIẾU) |
| Cổ phiếu được phép phát hành | 92.666.608 | 83.704.405 |
| Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ | 92.666.608 | 83.704.405 |
| • *Cổ phiếu phổ thông* | *92.666.608* | *83.704.405* |
| Cổ phiếu đang lưu hành | 92.666.608 | 83.704.405 |
| • *Cổ phiếu phổ thông* | *92.666.608* | *83.704.405* |

## 23 | DOANH THU

### 23.1 | DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ | 345.839.516.879 | 336.697.789.154 |
| Doanh thu thuần về bán hàng | 2.926.625.572 | 2.637.599.252 |
| **TỔNG CỘNG** | **348.766.142.451** | **339.335.388.406** |
| *Trong đó:* | | |
| *Doanh thu thuần đối với bên thứ ba* | *286.118.906.459* | *269.935.500.460* |
| *Doanh thu thuần đối với các bên liên quan* | *62.647.235.992* | *69.399.887.946* |

### 23.2 | DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| Cổ tức được chia | 41.468.269.997 | 51.087.976.754 |
| Lãi tiền gửi, tiền cho vay | 3.403.984.328 | 490.879.207 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 19.781.424 | 40.385.617 |
| Khác | 904.000 | 264.962.282 |
| **TỔNG CỘNG** | **44.892.939.749** | **51.884.203.860** |

## 24 | GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| Giá vốn dịch vụ cung cấp | 249.475.504.118 | 239.278.464.179 |
| Giá vốn hàng bán | 2.563.167.179 | 2.380.797.556 |
| **TỔNG CỘNG** | **252.038.671.297** | **241.659.261.735** |

## 25 | CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| Chi phí lãi vay | 14.467.623.085 | 13.240.503.997 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 1.856.321.499 | 1.235.833.147 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 10.229.858 | 7.851.605 |
| Khác | 8.373 | 440.558.442 |
| **TỔNG CỘNG** | **16.334.182.815** | **14.924.747.191** |

## 26 | CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| **Chi phí bán hàng** | | |
| Chi phí nhân viên | 22.342.502.946 | 18.521.119.226 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 9.514.471.854 | 8.321.338.248 |
| Chi phí quảng cáo | 2.016.698.535 | 27.349.600 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | 180.206.612 | 95.379.267 |
| Chi phí khác | 1.933.048.662 | 2.640.420.847 |
| **TỔNG CỘNG** | **35.986.928.609** | **29.605.607.188** |
| **Chi phí quản lý doanh nghiệp** | | |
| Chi phí nhân viên | 37.520.419.557 | 34.546.816.877 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 9.980.718.020 | 13.235.170.500 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn | 2.888.011.163 | 2.240.127.213 |
| Chi phí khác | 7.851.743.023 | 14.016.558.420 |
| **TỔNG CỘNG** | **58.240.891.763** | **64.038.673.010** |





## 27 | THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| **Thu nhập khác** | **5.253.926.667** | **922.619.300** |
| Xóa nợ phải trả | 4.008.603.410 | - |
| Lãi thanh lý tài sản tài sản cố định | 187.658.976 | 318.165.114 |
| Khác | 1.057.664.281 | 604.454.186 |
| | | |
| **Chi phí khác** | **1.113.869.168** | **39.227.565** |
| Tài trợ quỹ chung tay vì cộng đồng | 500.000.000 | - |
| Tiền phạt | 228.543.210 | 11.930.067 |
| Khác | 385.325.958 | 27.297.498 |
| **LỢI NHUẬN KHÁC** | **4.140.057.499** | **883.391.735** |

## 28 | CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 235.421.335.495 | 210.033.033.479 |
| Chi phí nhân viên | 79.774.081.769 | 72.187.119.163 |
| Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12) | 11.286.294.593 | 10.037.771.085 |
| Chi phí nguyên vật liệu | 7.226.770.605 | 20.852.399.526 |
| Giá vốn hàng hóa đã bán | 2.563.167.179 | 2.380.797.556 |
| Chi phí khác | 9.994.842.028 | 19.812.421.124 |
| **TỔNG CỘNG** | **346.266.491.669** | **335.303.541.933** |

## 29 | THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

## 29.1 | CHI PHÍ THUẾ TNDN

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước | 512.850.416 | - |

**Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:**

| | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 35.198.465.215 | 41.874.694.877 |
| Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty | 7.039.693.042 | 8.374.938.976 |
| Các khoản điều chỉnh: | | |
| Chi phí không được khấu trừ | 1.133.592.916 | 355.838.814 |
| Cổ tức được chia | (8.293.653.999) | (10.217.595.351) |
| Lỗ chuyển sang các năm sau chưa ghi nhận thuế hoãn lại | - | 1.486.817.561 |
| Chênh lệch tạm thời từ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn chưa ghi nhận thuế hoãn lại | 1.133.948.666 | - |
| Lỗ năm trước chuyển sang | (1.013.580.625) | - |
| Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước | 512.850.416 | - |
| **Chi phí thuế TNDN** | **512.850.416** | **-** |

## 29.2 | THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

## 29.3 | LỖ CHUYỂN SANG CÁC NĂM SAU

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 2.366.184.683 VND (31 tháng 12 năm 2018: 7.434.087.807 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

| NĂM PHÁT SINH | CÓ THỂ CHUYỂN LỖ ĐẾN NĂM | LỖ TÍNH THUẾ | ĐÃ CHUYỂN LỖ ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019 | KHÔNG ĐƯỢC CHUYỂN LỖ | CHƯA CHUYỂN LỖ TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019 |
|---|---|---|---|---|---|
| 2018 | 2023 | 7.434.087.807 | (5.067.903.124) | - | 2.366.184.683 |

Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

## 29.4 | TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI CHƯA ĐƯỢC GHI NHẬN

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục chênh lệch tạm thời sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

| KHOẢN MỤC | SỐ TIỀN |
|---|---|
| Lỗ chuyển sang các năm sau | 2.366.184.683 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 5.669.743.335 |
| **TỔNG CỘNG** | **8.035.928.018** |





# 30 | NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

| BÊN LIÊN QUAN | MỐI QUAN HỆ | NỘI DUNG NGHIỆP VỤ | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Du lịch Thành thành công Lâm Đồng | Công ty con | Góp vốn | 173.418.628.000 | - |
| | | Cổ tức được chia | 27.300.000.000 | 12.811.705.954 |
| | | Dịch vụ tư vấn | 22.000.000.000 | 17.000.000.000 |
| | | Cho vay | 21.200.000.000 | - |
| | | Vay | 17.500.000.000 | - |
| | | Mua dịch vụ | 3.434.308.496 | 1.110.701.559 |
| | | Bán tài sản cố định | 3.154.262.921 | 2.364.282.813 |
| | | Dịch vụ lữ hành | 979.060.455 | 1.061.516.363 |
| | | Dịch vụ khác | 688.280.134 | 551.540.617 |
| | | Lãi vay | 577.121.044 | 1.148.677.941 |
| | | Mua hàng hóa | 371.113.840 | 141.742.039 |
| Công ty TNHH Du lịch TTC | Công ty con | Mua dịch vụ | 59.608.053.704 | 75.621.540.266 |
| | | Góp vốn | 20.000.000.000 | 83.048.032.000 |
| | | Cổ tức được chia | 14.168.269.997 | 11.347.590.800 |
| | | Dịch vụ tư vấn | 13.015.672.246 | 12.139.090.908 |
| | | Lãi cho vay | 1.664.422.787 | 145.707.045 |
| | | Dịch vụ khác | 1.585.888.659 | 839.812.078 |
| | | Dịch vụ lữ hành | 1.516.611.182 | 1.852.272.728 |
| Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận | Công ty con | Mua dịch vụ | 21.304.352.953 | - |
| | | Cho vay | 4.540.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận | Công ty con | Mua dịch vụ | 15.760.926.916 | 12.518.333.418 |
| | | Cho vay | 11.692.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | Công ty con | Vay | 13.700.000.000 | 12.400.000.000 |
| | | Mua dịch vụ | 9.782.322.471 | 6.624.217.733 |
| | | Lãi vay | 1.828.520.544 | 155.013.699 |
| | | Doanh thu cho thuê | | |
| | | văn phòng | 1.034.160.000 | 2.400.000.000 |

# 30 | NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

| BÊN LIÊN QUAN | MỐI QUAN HỆ | NỘI DUNG NGHIỆP VỤ | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|---|---|
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cổ đông lớn | Mua dịch vụ | 10.274.580.378 | 2.562.153.149 |
| | | Dịch vụ lữ hành | 949.813.635 | 175.737.954 |
| | | Dịch vụ bán vé máy bay | 3.585.532.751 | 6.909.892.537 |
| | | Mua hàng hóa | 821.973.449 | - |
| Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng | Công ty con | Lãi vay | 399.709.587 | 514.634.241 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú | Công ty con | Vay | 9.000.000.000 | - |
| | | Dịch vụ tư vấn | 5.503.883.847 | 30.000.000 |
| | | Lãi vay | 1.608.482.957 | 845.199.999 |
| | | Dịch vụ lữ hành | 328.942.091 | 349.090.909 |
| | | Dịch vụ khác | 181.834.322 | 153.729.252 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre | Công ty con | Mua dịch vụ | 5.892.006.788 | 4.030.368.334 |
| | | Vay | 2.300.000.000 | 2.700.000.000 |
| | | Dịch vụ khác | 606.974.781 | 301.044.240 |
| | | Dịch vụ bán vé máy bay | 601.846.002 | 687.519.743 |
| Công ty cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa | Công ty trong cùng Tập đoàn | Dịch vụ bán vé máy bay | 2.663.443.033 | 2.666.845.781 |
| | | Dịch vụ lữ hành | 1.245.330.006 | 1.767.032.558 |
| | | Mua dịch vụ | 553.983.801 | - |
| | | Mua hàng hóa | 281.977.768 | - |
| Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín | Công ty trong cùng Tập đoàn | Dịch vụ lưu trú | 949.275.496 | 206.937.905 |
| | | Dịch vụ bán vé máy bay | 917.682.959 | 2.236.068.255 |
| | | Dịch vụ lữ hành | 696.960.154 | 1.146.861.330 |
| Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình | Công ty con | Chi phí được chia từ BCC | 385.000.000 | - |





# 30 | NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị:

| | | | NĂM NAY | NĂM TRƯỚC |
|---|---|---|---|---|
| Thù lao, lương và thưởng | | | 4.596.000.000 | 4.596.000.000 |

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau:

| BÊN LIÊN QUAN | MỐI QUAN HỆ | NỘI DUNG NGHIỆP VỤ | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|---|---|
| **Phải thu ngắn hạn của khách hàng** | | | | |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | Công ty con | Cung cấp dịch vụ | 5.967.837.929 | 2.057.795.355 |
| Công ty TNHH Du lịch TTC | Công ty con | Cung cấp dịch vụ | 3.473.578.776 | 1.617.857.931 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú | Công ty con | Cung cấp dịch vụ | 3.168.016.592 | 266.584.333 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | Công ty con | Cung cấp dịch vụ | 1.583.491.421 | 330.691.233 |
| Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín | Công ty trong cùng Tập đoàn | Cung cấp dịch vụ | 1.011.124.358 | 1.858.366.703 |
| Công ty Cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa | Công ty trong cùng Tập đoàn | Cung cấp dịch vụ | 822.095.813 | 616.102.527 |
| | | | | |
| Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor | Công ty liên kết | Cung cấp dịch vụ | 624.060.292 | 197.755.992 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cổ đông lớn | Cung cấp dịch vụ | 602.976.048 | 2.676.489.603 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre | Công ty con | Cung cấp dịch vụ | 410.255.620 | 343.457.659 |
| Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận | Công ty con | Cung cấp dịch vụ | 314.355.772 | - |
| Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận | Công ty con | Cung cấp dịch vụ | 86.257.618 | 82.630.986 |
| Công ty Cổ phần Trà Ngọc Bảo | Công ty trong cùng Tập đoàn | Cung cấp dịch vụ | - | 410.000.000 |
| **TỔNG CỘNG** | | | **18.064.050.239** | **10.457.732.322** |

# 30 | NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| BÊN LIÊN QUAN | MỐI QUAN HỆ | NỘI DUNG NGHIỆP VỤ | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|---|---|
| **Phải thu về cho vay ngắn hạn** | | | | |
| Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận | Công ty con | Cho vay | 11.692.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | Công ty con | Cho vay | 6.800.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín | Công ty trong cùng Tập đoàn | Cho vay | 5.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận | Công ty con | Cho vay | 4.540.000.000 | - |
| **TỔNG CỘNG** | | | **28.032.000.000** | **-** |
| **Phải thu ngắn hạn khác** | | | | |
| Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor | Công ty liên kết | Thu hộ | 18.042.846.080 | 18.042.846.080 |
| Công ty TNHH Du lịch TTC | Công ty con | Thu hộ | 432.941.025 | 533.357.371 |
| | | Góp vốn | - | 20.000.000.000 |
| | | Cổ tức được chia | - | 11.370.230.800 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | Công ty con | Cổ tức được chia | 6.000.000.000 | - |
| | | Thu hộ | 254.931.507 | - |
| Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận | Công ty con | Thu hộ | 249.850.000 | - |
| **Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình** | **Công ty con** | **Thu hộ** | **238.017.000** | **38.135.000** |
| **Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín** | **Công ty trong cùng Tập đoàn** | **Lãi cho vay** | **225.205.478** | **-** |
| **TỔNG CỘNG** | | | **25.443.791.090** | **49.984.569.251** |





# 30 | NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| BÊN LIÊN QUAN | MỐI QUAN HỆ | NỘI DUNG NGHIỆP VỤ | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|---|---|
| **Phải trả người bán ngắn hạn** | | | | |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cổ đông lớn | Mua dịch vụ | 2.726.649.005 | 11.981.456.637 |
| Công ty TNHH Du lịch TTC | Công ty con | Mua dịch vụ | 2.041.517.913 | 16.704.229.262 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận | Công ty con | Mua dịch vụ | 765.050.621 | 3.768.194.222 |
| Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận | Công ty con | Mua dịch vụ | 480.751.250 | - |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | Công ty con | Mua dịch vụ | 366.248.206 | 1.384.305.268 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | Công ty con | Mua dịch vụ | 342.022.689 | 594.902.410 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre | Công ty con | Mua dịch vụ | 22.675.310 | 119.810.399 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú | Công ty con | Mua dịch vụ | 13.138.000 | 63.465.000 |
| Công ty Cổ phần Trà Ngọc Bảo | Cùng chủ sở hữu | Mua dịch vụ | - | 3.100.000 |
| **TỔNG CỘNG** | | | **6.758.052.994** | **34.619.463.198** |
| **Người mua trả tiền trước ngắn hạn** | | | | |
| Công ty TNHH Du lịch TTC | Công ty con | Cung cấp dịch vụ | 1.799.000 | 743.496.325 |

# 30 | NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| BÊN LIÊN QUAN | MỐI QUAN HỆ | NỘI DUNG NGHIỆP VỤ | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|---|---|
| **Phải trả ngắn hạn khác** | | | | |
| Công ty TNHH Du lịch TTC | Công ty con | Cổ tức được chia | 5.167.107.759 | - |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | Công ty con | Chi hộ | 1.170.948.656 | 176.993.699 |
| Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình | Công ty con | Chi phí được chia từ BCC | 677.600.000 | - |
| Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú | Công ty con | Lãi vay | 144.289.808 | 330.947.944 |
| Công ty TNHH Du lịch TTC | Công ty con | Chi hộ | 140.277.003 | 27.693.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | Công ty con | Lãi vay | 26.900.822 | 240.088.819 |
| Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng | Công ty con | Lãi vay | 15.835.617 | 561.620.351 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận | Công ty con | Chi hộ | 8.750.000 | - |
| Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt | Công ty con | Nhận bàn giao tài sản | - | 11.690.384.304 |
| | | Chi hộ | - | 229.020.412 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cổ đông lớn | Lãi vay | - | 281.630.138 |
| **Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre** | **Công ty con** | **Lãi vay** | **-** | **5.621.918** |
| **TỔNG CỘNG** | | | **7.351.709.665** | **13.544.000.585** |





# 30 | NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

| BÊN LIÊN QUAN | MỐI QUAN HỆ | NỘI DUNG NGHIỆP VỤ | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|---|---|
| **Vay ngắn hạn** | | | | |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | Công ty con | Vay | 1.400.000.000 | 12.400.000.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú | Công ty con | Vay | - | 14.000.000.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre | Công ty con | Vay | - | 2.700.000.000 |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng | Công ty con | Vay | - | 2.355.060.000 |
| Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng | Công ty con | Vay | - | 5.500.000.000 |
| **TỔNG CỘNG** | | | **1.400.000.000** | **36.955.060.000** |
| **Phải trả dài hạn khác** | | | | |
| Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt | Công ty con | Nhận bàn giao tài sản | 11.690.384.304 | - |
| | | Chi hộ | 229.020.412 | - |
| | | | **11.919.404.716** | **-** |
| **Vay dài hạn** | | | | |
| Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình | Công ty con | Vay | 24.700.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú | Công ty con | Vay | 16.324.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng | Công ty con | Vay | - | 3.700.000.000 |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công | Cổ đông lớn | Vay | - | 600.000.000 |
| **TỔNG CỘNG** | | | **41.024.000.000** | **4.300.000.000** |

# 31 | CÁC CAM KẾT

**Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng và đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| Dưới 1 năm | 5.697.557.148 | 247.401.600 |
| Từ 1 – 5 năm | 6.253.697.874 | 776.906.400 |
| Trên 5 năm | 3.903.244.800 | 4.042.646.400 |
| **TỔNG CỘNG** | **15.854.499.822** | **5.066.954.400** |

**Cam kết góp vốn**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có khoản cam kết với số tiền 950.000.000 VND liên quan đến nghĩa vụ góp vốn đầu tư vào công ty con.

# 32 | CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| | SỐ CUỐI NĂM | SỐ ĐẦU NĂM |
|---|---|---|
| **Nợ khó đòi đã xử lý** | | |
| • Ông Huỳnh Bá Phụng | 235.000.559 | 235.000.559 |
| • Ông Ngô Đình Long | 207.057.168 | 207.057.168 |
| • Nhà máy điện Hậu Giang | 89.430.165 | 89.430.165 |
| • Ông Trần Ngọc Nam | 86.575.232 | 86.575.232 |
| • Khác | 768.627.290 | 718.708.212 |
| **Ngoại tệ các loại** | | |
| • USD | 1.990.36 | 10.993.61 |

# 33 | SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 3 tháng 1 năm 2020, Công ty đã phát hành 4.610.000 cổ phiếu cho nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP). Việc phát hành cổ phiếu này được được phê duyệt bởi Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 và được chấp thuận bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thông qua Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 ngày 5 tháng 2 năm 2020.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.





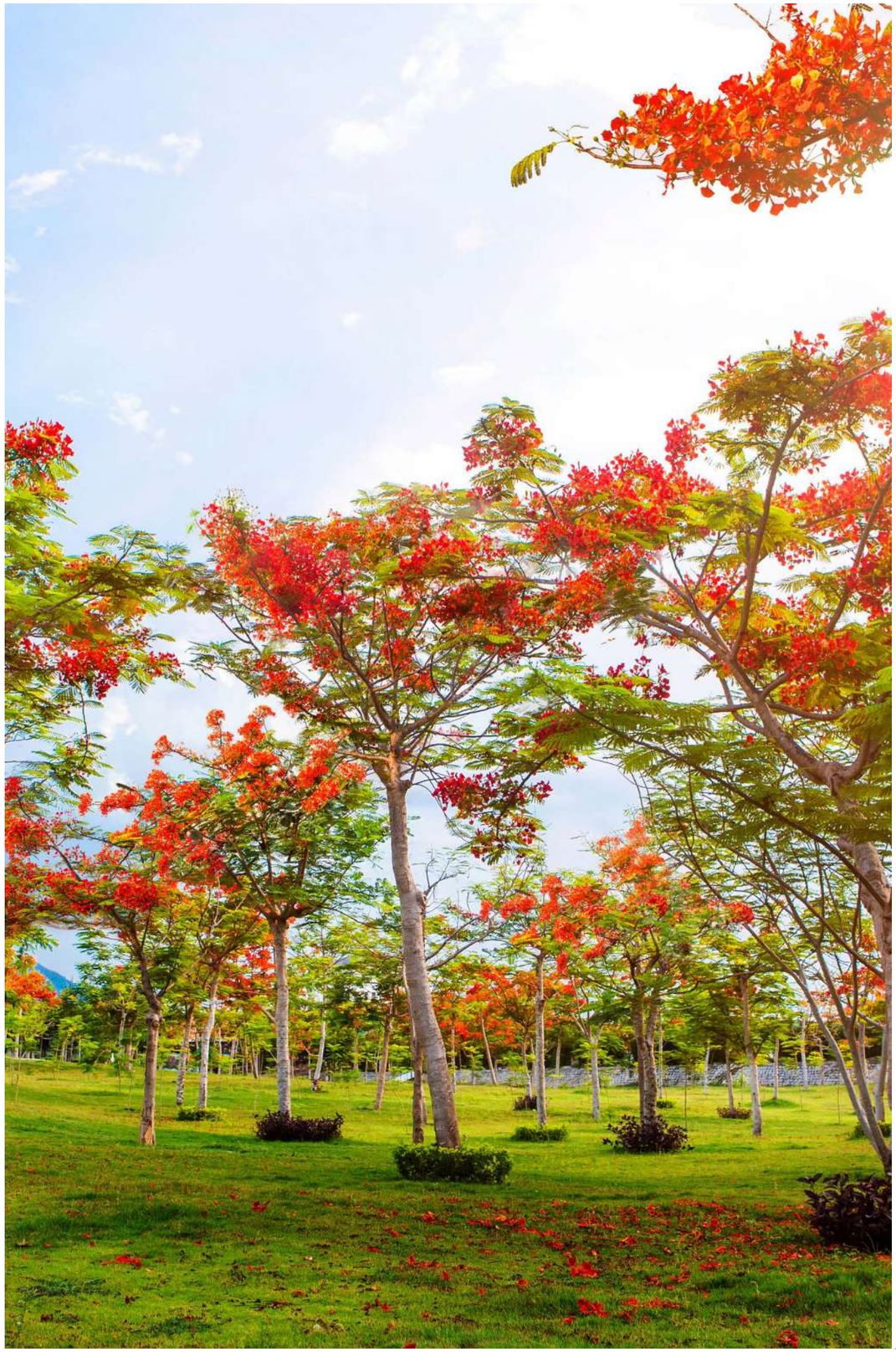

# ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

# TTC HOTEL

01

05

06

07

03

08

04

**01** TTC HOTEL – HOI AN
A. No. 224 - 226 Ly Thai To Street, Hoi An City, Quang Nam Province, Viet Nam
T. (+84) 235 3963 666 | H. (+84) 1900 55 88 55 | E. info.hoian@ttchotels.com | W. www.hoian.ttchotels.com | FB/ ttchotelpremiumhoian

**02** TTC HOTEL - MICHELIA
A. 04 Pasteur Street, Xuong Huan Ward, Nha Trang City, Khanh Hoa Province
T. (+84) 258 3820 820 - F. (+84) 258 3813 303 | H. (+84) 917 853 444 - (+84) 917 153 444 | E. sales@ttcnhatrang.com | W. www.michelia.ttchotels.com | FB/ ttchotelmichelia

**03** TTC HOTEL - NGOC LAN
A. 42 Nguyen Chi Thanh Street, Ward 1, Da Lat City, Lam Dong Province, Viet Nam
T. (+84) 263 3838 838 - F. (+84) 263 3511 357 | H. (+84) 946 104 579 | E. sales@ngoclanhotel.vn | W. www.ngoclan.ttchotels.com | FB/ ttchotelngoclan

**04** TTC HOTEL - DA LAT
A. 04 Nguyen Thi Minh Khai Street, Ward 1, Da Lat City, Lam Dong Province, Viet Na
T. (+84) 263 3826 042 | F. (+84) 263 3830 579 | E. info@ttchoteldalat.com | W. www.dalat.ttchotels.com | FB/ ttchoteldalat

**05** TTC HOTEL - PHAN THIET
A. Doi Duong, Le Loi Street, Hung Long Ward, Phan Thiet City, Binh Thuan Province, Viet Nam
T. (+84) 252 3835 666 | F. (+84) 252 3835 667 | E. reservation@ttcphanthiet.com | W. www.phanthiet.ttchotels.com | FB/ ttchotelphanthiet

**06** TTC HOTEL - CAN THO ★★★★
A. 02 Hai Ba Trung Street , Tan An Ward, Ninh Kieu District, Can Tho City, Viet Nam
T. (+84) 292 3812 210 | F. (+84) 292 3812 282 | E. sales.cantho@ttchotels.com | W. www.cantho.ttchotels.com | FB/ ttchotelcantho

**07** TTC HOTEL - AIRPORT
A. 315 Hoang Van Thu Street, Ward 2, Tan Binh District , Ho Chi Minh City, Viet Nam
T. (+84) 28 8440 599 - F. (+84) 28 8440 984 | F. 1900 55 88 55 | E. sales.airport@ttchotels.com | W. www.airport.ttchotels.com | FB/ ttchotelairport

**08** TTC HOTEL – ANGKOR
A. National Road # 6, Phoum Krous Svay Dangkum, Siem Reap, Kingdom of Cambodia
T. (855-63) 966 569 | F. (855-63) 966 568 | E. angkor@ttchotels.com | W. www.angkor.ttchotels.com | FB/ ttchotelangkor

**09** TTC HOTEL - SAI GON
A. 24 Dong Du Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Viet Nam

**10** TTC HOTEL - TAN BINH
A. 489 Ly Thuong Kiet Street, Ward 8, Tab Binh District, Ho Chi Minh City, Viet Nam

01

03

02

# TTC RESORT

**01** **TTC RESORT - NINH THUAN**

**A.** Ninh Chu Beach, Phan Rang - Thap Cham City, Ninh Thuan Province, Viet Nam

**T.** (+84) 252 3874 223 – **F.** (+84) 252 3874 431
**F.** 1900 55 88 55

**E.** dgm.ninhthuan@ttchotels.com
**W.** www.ninhthuan.ttchotels.com
**FB/** ttcresortninhthuan

**02** **TTC RESORT - DOC LET**

**A.** Ninh Hai, Ninh Hoa Ward, Khanh Hoa Province, Viet Nam

**T.** (+84) 258 3849 066 | **F.** (+84) 258 3849 506
**F.** 1900 55 88 55

**E.** sales.mgr@docletresort.com.vn
**W.** www.ttchotels.com
**FB/** ttcresortdoclert

**03** **TTC RESORT - KE GA**

**A.** Thuan Thanh, Thuan Quy Ward, Ham Thuan Nam, Phan Thiet City, Binh Thuan Province

**T.** (+84) 252 3683 072 - **F.** (+84) 252 3683 071
**F.** 1900 55 88 55

**E.** reservation@thepegasusresort.com
**W.** www.kega.ttchotels.com
**FB/** ttcresortkega

**04** **RESORT NGOC LAN**

**A.** 03 - 05 - 07, Mai Anh Dao Street, Ward 8, Da Lat

**T.** (+84) 263 3621 448 - (+84) 263 3558 888
**F.** 1900 55 88 55

**E.** info@thunglungtinhyeu.vn
**W.** ttcworld.vn
**FB/** thunglungtinhyeu

# TTC PALACE

01

02

03

06

05

04

**01** **TTC PALACE - BINH THUAN**
**A.** 01 Tu Van Tu Street, Phu Trinh Ward, Phan Thiet City, Binh Thuan Province, Viet Nam
**T.** (+84) 252 3821 795
**H.** (+84) 9 111 20 666
**E.** sales1@ttcpalacebinhthuan.com
**W.** www.palace-binhthuan.ttchotels.com
**FB/** ttcpalacebinhthuan

**02** **TTC PHAN THIET SEAFOOD CENTER**
**A.** 01 Tu Van Tu Street, Phu Trinh Ward,
Phan Thiet City, Binh Thuan Province, Viet Nam
**T.** (+84) 913 883 248
**F.** 1900 55 88 55
**E.** sales.leader9@ttctourist.vn
**W.** www.palace-binhthuan.ttchotels.com
**FB/** ttcpalacebinhthuan

**03** **TTC PALACE - BEN TRE**
**A.** 16 Hai Ba Trung Street, Ward 2, Ben Tre City, Viet Nam
**T.** (+84) 275 3822 501 - 275 3822 632
**F.** (+84) 275 3822 240
**H.** (+84) 913 686 960
**E.** sales.palace-bentre@ttchotels.com
**W.** www.palace-bentre.ttchotels.com
**FB/** ttcpalacebentre

**04** **TTC FLOATING RESTAURANT**
**A.** Hung Vuong Park, Ward 5, Ben Tre City, Viet Nam
**T.** (+84) 275 3822 492 - **F.** (+84) 275 3827 089
**H.** (+84) 948 927 699
**E.** nhahangnoi@bentretourist.vn
**W.** www.bentretourist.vn
**FB/** nhahangnoibentre

**05** **TTC - KHU AM THUC BEN TRE**
**A.** 547D Nguyen Dinh Chieu Street, Phu Hung Village, Ben Tre Province
**T.** (+84)275 3757 999
**F.** 1900 55 88 55
**E.** fb.dir.mekong@ttchotels.com
**FB/** ttckhuamthucbentre

**06** **TTC - DONG KHOI 2 RESTAURANT**
**A.** 210B Dai Lo Dong Khoi Street, Phu Khuong Ward, Ben Tre Province
**T.** (+84) 2753 858 666
**F.** 1900 55 88 55
**E.** sales.ex54@ttctourist.vn
**FB/** ttcnhahangdongkhoi2

# TTC WORLD

01

02

**01** **TTC WORLD - THUNG LUNG TINH YEU**

**A.** 03 - 05 - 07, Mai Anh Dao Street, Ward 8, Da Lat

**T.** (+84) 263 3621 448 - (+84) 263 3558 888
**F.** 1900 55 88 55
**E.** info@thunglungtinhyeu.vn
**W.** ttcworld.vn
**FB/** thunglungtinhyeu

**02** **TTC WORLD - TA CU**

**A.** Thuan Nam Town, Ham Thuan Nam District, Binh Thuan Province, Viet Nam

**T.** (+84) 252 38 674 84 – 252 38 693 37
**F.** (+84) 252 38 691 12 – 252 36 707 54
**F.** 1900 55 88 55
**E.** contacts@tacutourist.com
**W.** www.tacutourist.com
**FB/** ttcworldtacu

# TTC TRAVEL


**TTC Travel - Ho Chi Minh**

**A.** 512 Ly Thuong Kiet Street, Ward 8, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Viet Nam

**T.** (+84) 28 38691 777
**H.** (+84) 982 753 5635

**E.** outbound@ttctourist.vn
**W.** www.ttctravel.vn
**FB/** dulichttc

**TTC Travel - Binh Thuan**

**A.** 01 Tu Van Tu Street, Phu Trinh Ward, Phan Thiet City, Bình Thuận

**TTC Travel - Tien Giang**

**A.** 08 30/4 Street. Ward 1, My Tho City, Tien Giang Province

**TTC Travel - Ben Tre**

**A.** 65 Đong Khoi Boulevard, Ward 2, Ben Tre City.

**TTC Travel - Outbound**

**A.** 512 Ly Thuong Kiet Street, Ward 8, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Viet Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN**
**DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG**

253 Hoàng Văn Thụ, P. 2,
Quận Tân Bình, TP.HCM

Tel: (+84) 28 3971 6571
Email: info@ttctourist.vn

Hotline: **1900 55 88 55**